

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Thị Thụy Vũ (I)

Tiểu sử & Tác phẩm
(Xem *Vài hàng về tác giả*)



tranh Nguyễn Hải Chí 1973
Chóe (1943-2003)

Mục Lục

Vài hàng về tác giả - Nguyễn & Bạn hữu - 2

Đêm tối bao la – 2

Độc “Đêm tối bao la” của Nguyễn Thị Thụy Vũ - Bảo Ngọc, Vy Huyền – 12

Khung rêu – 15

Nguyễn thị Thụy Vũ với truyện dài “Khung rêu” - Hồ Trường An - 24

Phụ đính:

Tình dục và các nhà văn nữ - Thế Uyên - 31

Sự khác biệt về tính dục và các nhà văn khác – Du Tử Lê - 36

Chén trà cây bút và một ngọn đèn – Hồ Trường An - 41

Nguyễn Thị Thụy Vũ và những cánh thiêu thân – Tạ Ty - 49

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả Nguyễn & Bạn hữu



Nguyễn Thị Thụy Vũ,
Ảnh Trần Cao Lĩnh

Tên thật: Nguyễn Băng Lĩnh sinh ngày 19.8.1939, quê ở Vĩnh Long. Vào nghề gõ đầu trẻ từ năm 1957. Chê nghề giảng tập viên lương ít nên bỏ lên Sài Gòn năm 1961, học Anh văn và đi dạy các cô bán bar. Vào nghề viết văn năm 1963, do sự dìu dắt của ông Võ Phiến. Cho xuất bản tác phẩm đầu tay “Mèo Đêm” năm 1966. Cùng sáng lập nhà xuất bản Kim Anh với bà Nguyễn Thị Nhiên năm 1967. Viết feuilton cho nhật báo Tiếng Nói Dân Tộc, lập nhà xuất bản Hồng Đức và Kể Sĩ với Tô Thùy Yên. Chính thức sống bằng nghề viết feuilleton cho các nhật báo bắt đầu năm 1969 cho đến Tháng Tư 1975.

Tác phẩm:

- Mèo Đêm (1966)
- Lao Vào Lửa (1967)
- Chiều Mênh Mông (1968)
- Thú Hoang (1968)
- Ngọn Pháo Bông (1968)
- Khung Rêu (1969)
- Như Thiên Đường Lạnh
- Nhang Tàn Thấp Khuya
- Chiều Xuống Êm Đềm
- Cho Trận Gió Kinh Thiên

Đêm tối bao la

Duy choàng tay qua đôi vai tôi, đôi môi chàng màu tro nặc mùi thuốc lá hờ hững đặt lên môi tôi. Nụ hôn chia tay này không còn nồng nàn như mấy năm về trước. Tôi lách ra khỏi vòng tay ấy, ngoái lại nhìn chàng. Da chàng trắng nhờn nhờn như da bụng con thằn lằn. Mặt chàng sần sùi và thô nặng như một tảng đá không còn làm da thịt tôi nháng lửa nữa. Đôi vai rộng và cái mông tròn của chàng ngày trước đã lôi cuốn sự chú ý của tôi. Bây giờ cuộc yêu đương hờ hững không đem đến cho nhau nhiều rung động nữa. Đàn ông đâu phải chỉ mê hoặc đàn bà ở cái vai và cái mông. Thân thể của chàng đã xa lạ với thân thể tôi từ mấy tháng nay. Tôi muốn tìm ở đàn ông sự dịu dàng ở khuôn mặt, một lời nỉ non, một nụ hôn đơn sơ không cần có kỹ thuật. Tôi đứng nhìn Duy cho đến lúc chàng khuất sau khúc quanh của ngã tư đường rẽ lên chiếc cầu

qua thành phố. Trở vào nhà tôi ngồi lại bên cửa sổ cạnh chiếc bàn con. Trên bàn, mẩu thuốc lá hút dở còn bốc khói trong chiếc gạt tàn bằng sứ trắng. Tờ chương trình hát bóng nằm bên cạnh xâu chìa khóa của tôi. Ly cà phê còn vương chút cặn đen ngòm dưới đáy. Tôi đã từ chối không làm một cuộc phiêu du với chàng vào chiều thứ bảy này vì không thích đến những nơi đông người. Tiếng nhạc ầm ĩ ở rạp chớp bóng sẽ làm thần kinh tôi căng thẳng. Tôi thích ngồi một mình ngắm dòng sông vào mùa nước nổi. Mỗi buồn bâng quơ của tôi dâng lên ăm ắp như nước sông đầy.

Gần cửa sổ, những chùm hoa hoàng lan lũng lảng trên cành. Mùi thơm thoang thoang bay khắp mặt sân ủa tới gian phòng ngủ. Mặt trời đang giã chết bên kia sông. Những tia nắng cuối cùng đỏ nhạt đang run rẩy trên mái lá. Gió sông ập vào cửa làm tóc tôi bay bay. Những ý nghĩ về Duy rối rắm như mớ tóc trước gió này. Vài con dơi từ mái ngói uốn cong bay vụt ra sông. Sự vắng ngắt của buổi chiều ôm chằm lấy tôi và dìm tôi như muốn ngộp thở. Tôi uể oải đứng dậy đóng ầm cửa sổ rồi lững thững đi bách bộ một vòng quanh nhà. Bóng tối từ từ chụp lên ngôi nhà hoang vắng này. Gió sông lùa cơn lạnh vào xương sống tôi và làm cứng nó lại.

Duy đem lại cho tôi những gì? Một gương mặt lì lợm không nói lên được một cảm xúc nào? Hay chỉ là một không khí ăm ắp ít oi không thể làm tôi yêu đời hơn một phân hay một li nào?

Cứ thường mỗi buổi chiều, khi tiếng chuông của một ngôi chùa xa âm u vọng tới và khi bóng tối bắt đầu bôi xóa lem luốc những cành cây sà bên khung cửa sổ, mái nhà và dòng sông, tôi vụt có một ý tưởng rằng: Cơ khổ! tại sao tôi cứ ở đây, bên dòng sông quen thuộc, nhằm mắt trước cuộc sinh hoạt âm thầm của lối xóm và trong ảo tưởng lạnh lẽo? Tôi phải rời khỏi bóng tối của căn nhà này, rời bóng chập chờn của rèm sáo, đàn dơi trong nắng chiều, những quyển sách nhức cả đầu và cái ám ảnh vu vơ, nặng nề đè tôi muốn nghẹt thở từ bao lâu rồi.

Cuộc đời sắp tới của tôi sẽ gồm có gì? Một người chồng không phải là Duy? Những ngày bình thần? Hay chỉ là nếp sống sinh hoạt lạnh lẽo gồm mỗi cô đơn này xỏ khoen vào mỗi cô đơn khác như sợi dây lòi toét? Tôi đi lần ra sân trước ngắt vài đóa hoa "nở ngày" màu tím thẫm đem cắm vào lọ sành màu lục, thấp ngọn đèn Huệ Kỳ đặt giữa nhà. Rồi đốt nén nhang và rót nước cúng Phật. Khói nhang bay nghi ngút. Tôi không biết mình phải khấn gì giữa buổi chiều ảm đạm này. Đôi mắt Phật Quan Âm lạnh lùng hướng về tôi. Tôi đi từng bàn thờ ông bà, cắm mỗi nơi vài cây nhang trầm. Trở lại bàn Phật tôi cầm chiếc dùi đánh nhẹ vào cái chuông đồng rồi có cảm tưởng như mình là một ni cô giữa khung cảnh trang nghiêm này. Trên kèo nhà, con cắc kè há cái miệng đỏ thén như ngậm lửa hướng về tôi, chậm rãi kêu lảnh lớt. Má tôi thường nói: "Khi cắc kè kêu thì mình phải đếm như thế này: tiếng đầu thì hèn, hai là xuôi, ba là may, còn tiếng thứ tư là rủi. Nhưng thực là vô duyên. Lúc nào con cắc kè khốn nạn này cũng chấm câu vẫn chỉ bốn tiếng.

Cầm đèn đi vào phòng ngủ, tôi ngồi lại bàn viết, gỡ chồng sách cũ. Tôi nghĩ mình nên ghi những cảm tưởng lên giấy. Từ lâu tôi có cao vọng viết một tập tùy bút lẫn truyện ngắn. Ở ngoài đời tôi thất bại, cô đơn. Chắc hẳn văn chương không cấm những giấc mơ lẫn ảo tưởng của tôi thao túng, vẽ vờ. Những nhân vật đàn ông của tôi, phần nhiều nói ra thêm thẹn, toàn là các anh chàng đẹp trai, có phong độ. Và tôi không ngần ngại chui vào truyện để làm những mỹ nhân để bắt bớ với họ. Chuyện tầm thường quá, có tổn kém chẳng là sự xúc cảm vu vơ của tôi suốt đêm mà thôi. Vậy mà nó giúp tôi không nghĩ đến hiện tại. Còn bây giờ thì tôi hơi mệt. Tôi vặn đèn nhỏ lại rồi vào giường. Từ nhỏ, tôi sợ bóng tối chụp lấy tôi. Ánh sáng vàng vọt của đèn chong sẽ làm tôi bớt sợ hãi. Vắng vẻ quá! Tiếng chuột chí chóc ở đâu đây. Lấy mền trùm kín lên tận cổ, tôi cố nhắm mắt mong cho cơn buồn ngủ từ từ xâm nhập vào người tôi và những ray rứt vụn vặt kia sẽ lui dần...

Thình lình tiếng đấm cửa ùng ùng tiếp theo sự la thất thanh:

- Mợ Hai ơi! Con Linh bị mấy thằng thợ sửa cầu hãm hiếp, máu ra đầy quần nè! Mở cửa mau đi!

Tôi tung mền, nhảy phóc xuống giường chạy ù ra cửa. Tiếng lách chót và tiếng tay đấm mạnh vang dội. Tôi kinh hãi mở vội cửa. Dưới ánh đèn Hoa Kỳ trên tay tôi, nét mặt nhăn nheo như trái vải khô của bà Điếc, cái miệng méo lệch và đôi mắt của bà mở trừng trừng như lạc vào một thế giới nào. Bà há hốc miệng và tiếp tục la. Tôi nắm tay bà gọi giật:

- Bà Bảy, tôi đây nè! Má tôi đã đi làm ăn xa. Còn tôi... có ai làm gì tôi đâu?

Bà dẫn tay tôi ra, giọng bà lạc hẳn:

- Rõ ràng tôi thấy đang bị...

Bà ngừng lại, nhướng mắt đờ ngầu nhìn tôi.

Tôi hét to hơn để cho bà nghe rõ:

- Tôi đây! Má tôi đâu có ở nhà. Bộ bà quên rồi sao?

Mắt bà vẫn dán lên mặt tôi. Đôi mắt bà chệch xuống sau một cơn kinh phong. Những tia máu nằm vắt ngang trên tròng trắng và mắt bà nổi phồng lên như sắp rớt ra khỏi ổ mắt.

Tôi nắm vai bà lắc mạnh, hét:

- Tôi đây, tôi đây nè!

Bà Điếc vẫn la thất thanh:

- Ai cứu nó. Trời ơi! nó là con gái mà...

Nhìn đôi tay run rẩy của bà, tôi chột hiểu. Bây giờ là lúc bà đang sống ở một trạng thái mê loạn, quái đản. Tôi gào lên:

- Tỉnh dậy đi bà! Tôi đâu có đi ra khỏi nhà.

Bà Điếc ngẩn người một lúc rồi nhếch cái miệng méo xệch, không còn một chiếc răng giống hệt cái miệng rùa, cười tỉnh cơn mê:

- Vậy hả! Mà không việc gì sao? Tao thấy...

Tôi đặt tay lên vai bà đỡ dành và đưa bà về cái chòi nằm dưới gốc liễu già cạnh nhà:

- Vào ngủ đi bà.

Nhà tôi nằm bên dòng sông Long Hồ. Trước nhà là con đường cần đá xanh không tráng nhựa. Chỉ một chiếc cyclo máy vượt qua cũng đủ làm cho lớp cát bụi có dịp bốc lên và bay tăn mác vào thềm nhà. Bên kia đường, một thửa vườn hoang xen lác đác vài mẩu rẫy chạy dài hút mắt. Những ngôi mộ nằm rải rác dưới mấy tàng dương thưa lá. Vào ngày nắng ráo, vài con quạ đứng rĩa lông. Thỉnh thoảng chúng cao hứng kêu thét lên. Tiếng kêu khàn, chát khuấy động bầu không khí oi ả, lặng lẽ. Bên những líp rau chưa trồng vài đống un bốc khói làm mờ đục cả một góc vườn. Khi trận mưa dứt, bọn sóc, nheng phóng từ cành cây cổ thụ này sang cây cổ thụ kia. Đó cũng là nơi trú ẩn của lũ chồn đèn lẫn chồn mướp để rồi đêm đến chúng lên vào xóm bắt gà vịt. Nhà tôi ít khi mở cửa. Mặt tiền tối om om vì nền cao, mái thấp. Trên nóc nhà những cụm rêu xanh mượt, mịn như trái nhung. Vài ba cây cỏ dại lẫn rau càng cua mọc trong lòng máng xối.

Ba má tôi đi làm ăn xa tận miền đất đỏ và em gái tôi đã đi lấy chồng ở Rạch Giá. Là phận em, nó hỗn hào, dám lấy chồng trước chị. Chuyện đó làm tôi ngỡ ngàng với chòm xóm khi họ hỏi tôi chừng nào cho họ ăn trâu. Lúc nào tôi cũng rùn vai bảo rằng không thích lấy chồng, trong khi đó tôi cảm thấy bị chế nhạo sau lưng. Còn lại mình tôi và bà Điếc thay phiên nhau lo giữ phần

nhang khói cho ngôi nhà hương hỏa này. Bà Điếc không ở chung với tôi, chỉ thích một ngôi nhà riêng biệt. Bà chỉ giúp tôi quét dọn và làm cỏ trước sân. Hồi còn con gái, bà đã theo bà nội tôi từ Mỹ Tho về nhà này làm dâu phụ. (Ngày xưa những cô gái nhà giàu thường có mang theo cô phù dâu về nhà chồng). Vì mồ côi cha mẹ, bà bằng lòng theo bà nội tôi đến một xứ lạ hoắc. Ngày bà còn trẻ, nhiều trai tráng hàng xóm thường lui tới với bà. Trong số những người đi qua đời bà, chỉ có ông Tư chẵn dê kiêm người tài xế của ông nội tôi, là mối tình chánh. Đứa con gái của hai người khi được hai tuổi thì chết vì bị chứng ban đen và chẳng bao lâu ông Tư mắc phải bệnh dịch tả cũng qua đời. Chưa bao giờ bà có ý nghĩ ra khỏi gia đình tôi, nơi đó đã đem lại cho bà nhiều kỷ niệm vui buồn suốt đời làm tôi xót. Bà thường tâm sự với má tôi:
- Mợ Hai à! thầy bói nói bàn tay tui có đồng tiền vạn nhật. Số tôi phải ở đây hoài, nếu ra đi sẽ khổ sở hơn.

Sau cái chết của ông Tư chẵn dê, bà dan díu với ông Năm Còm bạn chề chén của ông Tư. Ông này tặng cho bà một thứ bệnh ngặt nghèo làm ung mủ cả hai chân răng và chúng thi nhau rời khỏi niếu của bà cũng bị rụng mất. Tiếng nói của bà ngọng nghịu. Sau cơn bệnh ấy, bà mất cả thăng bằng. Tính tình gắt gao, nóng nảy. Cách giải phẫu của y sĩ chẳng những không làm tình dục bà tắt đi, mà trái lại còn chụm thêm củi đuốc để cho cơn cuồng loạn xác thịt của bà chồm lên cao. Bà khao khát đàn ông đến nỗi không còn biết hổ thẹn là gì nữa.

Tôi không rõ bà Điếc đã đến đây được bao nhiêu năm rồi. Khi tôi còn thơ ấu thì tóc bà có vài sợi bạc. Những nếp nhăn trên mặt bà như nếp nhăn chiếc lồng đèn giấy. Tuy vậy, bà vẫn tía lông mày, đánh lên đôi má nhăn nheo một chút phấn bột. Thỉnh thoảng tôi nhìn trộm bà đang tần mẩn trước tấm gương con. Hai hàng lông mày của bà cong và nhỏ mức như hai sợi chỉ. Bà thích mặc chiếc áo màu sặc sỡ bó sát lấy cái thân khô đét như cây da. Bao nhiêu tiền má tôi cho đều qui về ăn diện, dù số tiền quá ít chỉ đủ ăn quà vặt. Bà quên hẳn mình già.

Tánh tình bất thường của bà Điếc càng lúc càng tăng.

Một hôm, gần cận Tết, má tôi gọi một ông tá điền ở tận dưới quê lên giúp chăm sóc và quét dọn nhà cửa để chuẩn bị rước năm mới. Ông Tư Tấn đã ngoài sáu mươi nhưng vẫn còn khỏe mạnh. Mặt ông lúc nào cũng đỏ au như vừa uống rượu mạnh. Tóc ông trắng như phủ một lớp muối bột. Ông có thói quen sau ngày làm việc cặm cùi là thường lấy cây đòn cò ra dạo vài bản Kim Tiền. Tiếng đàn ấy tuy không dội được vào tai bà Điếc nhưng bà thích thú ngồi ngắm ông Tư Tấn kéo đòn và thỉnh thoảng đôi mắt lõm sâu của bà tình tứ hướng về ông. Ông Tư Tấn đắc ý với tiếng đòn trầm bổng của mình, chốc chốc ông lại gật đầu theo tiếng nhịp nằm gọn giữa lòng bàn chân khăng khiu của ông. Ông lớn lên cười đáp lại với bà...

Sau vài cuộc tình ái phát phờ, bây giờ tôi mệt mỏi thật sự. Tôi bất chấp dư luận để sống, mà rồi vẫn cô đơn. Tìm được kẻ mà mình đặc ý, tính cho chàng ta đặc cử vào giấy hôn thú thì tôi gặp cảnh hụt đôi luôn luôn. Bây giờ, tôi bám vào Duy để lấp vào những ngày trống rỗng. Chàng nhạt nhẽo quá. Tôi lại mơ cao để rồi số tuổi càng ngày càng chùng chát theo nỗi chán chường.

Bây giờ tôi sống bên bà già bệnh hoạn, khủng khiếp như thế này, ngôi nhà rộng và hươu quạnh như cái chùa. Em gái tôi lâu lâu về thăm nhà. Một con đàn bà trống trải, ngu muội. Nó thường nói toẹt rằng: "Các cô chưa chồng nhìn phớt qua thì thấy trẻ, nhưng xem kỹ lại thì chất ngậm". Tôi soi kiếng, sót sa. Con gái chỉ có một thời. Tôi đã đánh mất cái hấp dẫn tươi trẻ. Mình mảy càng ngày càng đầy ra, co kéo sưng đọt như cây cột nhà. Đã lùn lại mập. Con em gái chẳng tha, có dịp lại quở: "Chị giống như con heo thiến". Uống dấm, cứ ăn mà tôi vẫn "giàu sang" về thịt mỡ. Lại nữa, đã làm thân con gái, tôi lại sanh vào năm dần, bất lợi biết bao! Đi đâu, tôi khai rằng mình tuổi Mùi, làm con dê cho bớt khủng khiếp trong số mười hai con vật tượng trưng cho mỗi tuổi trong một con giáp. Các chàng thích bắt bớ với tôi không mấy may tính chuyện trầu

cau vì sợ tôi ăn hiếp lúc về sống chung. Cái thứ đàn bà tuổi Dần cao số thật.

Thôi! tôi chẳng tính chẳng mơ gì nữa. Cứ ăn uống thỏa thích. Dầu sao mình vẫn còn có Duy, già hơn ngài non vợ chồng. Nhiều lúc đưa tay sờ bụng, vòng eo mà mình muốn đi hiến máu để làm phước. Tuy vậy Duy vẫn nịnh hớn, cho rằng da tôi mát rượi như bánh đúc, mịn như sa ten.

Tôi chán viết văn. Văn chương nào phải là cái cớ để cho phụ nữ giải tỏa ản ức. May mà tôi không đem bài vở đăng báo. Có một chàng văn sĩ đòi bạt tai lũ đàn bà cầm bút, hăm he đuổi họ trở về chỗ bếp núc và chỗ ngồi lê đôi mách. Thái độ du côn đó chẳng những không làm tôi giận mà tôi còn mê chàng nữa, rồi vẽ ra trong óc là chàng đẹp trai hấp dẫn như James Bond, chàng điệp viên 007.

Một hôm bà Điếc gọi ông thợ hớt tóc dạo đi ngang qua nhà. Bà đưa cho ông ta năm đồng nhờ cạo lông mặt. Ông thợ cạo hơi do dự. Tôi giục:
- Ông cứ làm cho bà vui lòng.

Bà Điếc bắc cái ghế đầu chễm chệ ngồi bên lu nước mưa. Ông thợ cạo quàng trước ngực bà chiếc choàng trắng rồi ông ta cầm cái bông phấn xoa nhẹ trên da mặt. Lưỡi dao sáng, mỏng được rút từ trong bao da. Ông liếc dao xoèn xoẹt trên bàn tay chai cứng rồi dùng hai ngón tay banh những nếp nhăn chìm sâu trên màu da mặt đen sẫm của bà Điếc. Bà con nít xúm coi như xem đám hát Sơn Đông. Vì ý mình là một khai quốc công thần của gia đình tôi, nên bà tha hồ muốn làm gì thì làm. Ai cũng nể bà vì tuổi tác và cho những trò lố bịch của bà là trạng thái sanh tật của tuổi già. Có lần bà túm áo má tôi quật xuống thềm nhà vì má tôi cản không cho bà đi uốn tóc. Tuy đã gần ngoài sáu mươi tuổi nhưng bà còn mạnh lắm. Má tôi bị đánh bất ngờ nên ngã quy. Lúc đầu tôi và em gái đứng xem sự tranh sức của hai người rồi cười ngất vì tưởng má tôi thế nào cũng quật bà sụm. Nhưng bất ngờ bà Điếc dìm má tôi xuống và leo lên mình đấm đá túi bụi. Cuối cùng má tôi kêu cứu:
- Tụi bay đứng đó nhìn răng cười được hả? Để bà giết tao luôn đi.

Chúng tôi xông vào gỡ tay bà Điếc nhưng vì cơn cười của hai chị em tôi sôi sùng sục nên không đủ sức mạnh rút bà rời khỏi má tôi. Thấy chúng tôi vào can, bà la to vu khống:
- Bớ làng xã, bớ mã tà, mẹ con nó giết tui!

Hàng xóm nghe la chạy sang rồi có hai ba người hì hục tiếp chúng tôi lôi xềnh bà Điếc. Tay bà vẫn ghi chặt áo má tôi miệng không ngớt chửi rủa lên:

- Mồ tổ cha nó, ai cũng bình nó hết.

Hàng xóm được dịp cười đùa bàn tán, không khí vui tươi có cơ hội hâm sôi lên trong khu xóm buồn tẻ này.

Khi ông Tư Tấn trở về quê với vợ con bà tư lự suốt mấy tháng. Bà không buồn ngó ngang đến công việc nhà. Má tôi phải nấu cơm và hầu hạ bà như mẹ chồng. Biết hàng xóm vì nể má tôi nên bà càng có dịp chửi mắng họ vô duyên cớ. Chẳng có ai phản ứng gì. Trái lại những lời nguyên rủa của bà biến thành những câu hài hước. Bà nghi ngờ ai cũng mê ông Tư Tấn nên bà ghen tuông đáo đả.

Một buổi sáng bà xách gáo xuống cầu gội đầu. Tóc bà đã bạc hơn nửa mái đầu. Gội đầu xong, bà vào thay bộ đồ lục soạn trắng lớp rồi đội khăn the màu hường ống ẹo đi chợ. Tôi chặn lại hỏi:

- Bà Bả đi đâu sớm vậy?

Bà nguyệt tôi một cái:

- Tao đi uốn tóc. Khéo hỏi!

Tôi vịn vai bà can:

- Bữa nay Chúa nhật tiệm uốn tóc đóng cửa hết rồi.

Tôi cố nhin cười để cố làm cho bà tin tưởng, nhưng bà nhìn tôi lộ vẻ nghi ngờ. Cô bạn láng giềng của tôi chơi ác kể tai bà:

- Chị Linh nói gạt, bà đi mau để người ta uốn cho kịp.

Bà gạt phất tay tôi, phải đi rồi ngoe nguẩy đi một nước. Khi đứng trước cửa tiệm, bà len lén nhìn vào, rồi cố bạo dạn bước vô trong.

Bà chủ ngồi ở quầy hàng cất tiếng hỏi:

- Bà kiếm ai?

- Tôi đi uốn tóc. Giá bao nhiêu?

Bà chủ ngạc nhiên hỏi vặn:

- Phải có người nhà bằng lòng chúng tôi mới dám uốn tóc cho bà.

Bà trả lời đầy giọng cương quyết:

- Tôi có tiền để trả cho cô mà.

Trong khi bà chủ còn đang cố giải thích cho bà Diếc hiểu thì tôi và cô bạn đạp xe đạp chạy như bay đi lũng mấy tiệm uốn tóc. Vừa thò đầu vào tiệm Nam Hiệp, chúng tôi thấy hai người đang bàn qua cãi lại. Tôi không dám nói năng với bà chủ tiệm chỉ sợ bà Diếc biết tôi vào căn mũi. Tôi giục Thanh (cô bạn láng giềng) cho bà chủ biết rằng bà Diếc khật khùng. Bà chủ nhón miệng cười rồi khẽ gật đầu. Bà Diếc nhìn Thanh rồi quay sang bà chủ tiệm cố lắng nghe sự đối thoại giữa hai người. Sau rốt, bị từ chối, bà Diếc đoán được sự có mặt của Thanh nơi đây. Bà nguyệt dài bà chủ tiệm rồi bỏ về.

Hai đứa chúng tôi đã lỏn về trước. Vào nhà tôi vờ vào phòng đọc sách lắng nghe từng tiếng động của bà trước thềm nhà. Bà ri rầm chửi rủa một mình. Không thấy tôi đâu, bà xông vào buồng lục kiếm. Tiếng guốc lộp cộp của bà gần về cửa buồng. Tôi cố giữ vẻ thản nhiên chúi mũi vào quyển sách. Bà chỉ về phía tôi nhiếc:

- Cái con này nó vô dang (bà muốn nói vô duyên) ghê! Tao đi uốn tóc mắc mớ gì mà mày xúi con Thanh qua cản trở? Sao mày biết uốn tóc mà mày cấm cản tao hả con mập kia? Con chó thiến này làm chuyện lằng òm...

Cố nén tràng cười đang chực tuôn ra, tôi chối phất:

- Nãy giờ tôi ở nhà, đâu có xúi biểu ai đâu.

Bà chẳng chịu tha:

- Mày cứ sợ ai cũng ngộ hơn mày nên mày ganh ghét tao. Thấy cái bản mặt phì lũ của mày mà ứa gan...

Tôi vẫn lặng thinh. Mắng nhiếc chán, bà trở về căn nhà nhỏ làm bầm rửa xả suốt buổi. Không ngờ bà Diếc có địch thủ để ganh duyên đọ sắc. Tội nghiệp! Kẻ đó lại là tôi...

Rồi một cái Tết trôi qua. Lật bật đã đến ngày đưa ông Táo. Trước nhà mấy chậu hồng và thược dược đua nhau nở vào buổi sáng. Tôi đang ngồi tỉa những cành lá úa. Thanh nảy ra ý kiến mời

bác thợ chụp hình cho tôi vài kiểu. Tôi bác bỏ ý kiến chụp hình ngoài trời vì bữa hôm đó trời âm u quá, và tôi đề nghị cắt vài bông hồng kết thành một bouquet đem vào tiệm chụp lấy rõ mặt mũi. Để điểm trang cho bó hoa, tôi tần mẩn cột vào một cái nơ lụa màu thiên thanh. Bây giờ thì tới phiên tôi ngồi vào gương đánh phấn nước, kẻ hai bên lông mày cho mắt sáng lên. Đôi môi của tôi được tô bằng một thứ son đỏ hoét. Trang điểm xong, tôi nhìn vào gương ngắm nghía lần chót, hai đuôi lông mày tôi vẽ đậm xéch ngược giống như mày của Liz Taylor. Tôi mím đôi môi làm duyên và chọn cho mình một góc cạnh khác hẳn để tránh chung cái mặt đầy thịt hai bên má như cái bánh bao. Tạm hài lòng về cách hóa trang của mình, chúng tôi đi qua tiệm hình cách nhà vài ba mươi thước. Thành trình trọng gói bó bông lại cẩn thận. Tôi ngồi trước máy hình do sự đạo diễn của ông ba Tàu. Ông ta xoay đầu tôi nghiêng qua bên này bên kia để ngắm nghía. Chưa vừa lòng, ông sửa lại bó bông trên tay tôi.

Tôi áp bó bông vào má. Thú thật tôi không dám cười vì có mặc cảm cái miệng mình rộng như miệng cá vồ, nên cố mím môi lại cho nó mỏng bớt và cho đôi mắt mơ màng huyền ảo thêm. Về nhà, trước gương tôi cố diễn lại cái màn cũ, ngồi ưỡn ẹo bên bó bông rồi tự mãn chờ ngày lấy hình. Như mọi chiều thứ bảy, Duy trở lại thăm tôi. Trên tay chàng, tờ báo Điện Ảnh cuộn tròn. Chúng tôi ngồi cạnh cửa sổ hướng ra sông. Tôi giành tờ báo và lật vội. Hình ảnh chàng Hercule đưa cái ngực dày và những bắp thịt ở bụng chia làm sáu mảnh nổi bật lên. Quay lại nhìn Duy. Ô! cái bụng của chàng cao lên như cái mả mới đắp.

- Anh bự con, nếu anh cố tập thể thao thì chẳng bao lâu ngực anh sẽ nở, nhứt là bụng anh sẽ chia ra làm sáu miếng như bụng Hercule.

Duy nhìn tôi rồi nhìn xuống cái bụng bình rinh như giấu cái nòi trong áo. Chàng cười:

- Bụng phải để cho nó thống nhất một khối thì mới mạnh được. Chia ra nhiều khối e mất tinh thần đoàn kết đi.

Trước vẻ yên lặng bất mãn của tôi, Duy lấy điều thuốc lá ra đốt. Tôi vẫn dán mắt vào tờ Điện Ảnh. Những chuyện không đâu cũng dễ đem đến cho nhau những bất mãn. Những cuộc gặp gỡ như thế đã giết lần những tình cảm tốt đẹp. Không khí buồn tẻ nhốt chúng tôi. Tôi cảm thấy sắp chết ngộp, cần phải dẫy dựa để thoát.

Thành đem hình về. Máy con bạn láng giềng giành nhau coi. Chúng nó xuýt xoa khen hoa đẹp, cái nơ xinh. Cơ khổ! Chúng nó quên cái điều quan trọng nhất là khen hình tôi. Tôi giành lấy hình. Sao mà đôi môi tôi dày dục nằm vắt ngang như hai con đĩa trâu. Đôi mắt tôi đánh "phong" xanh gớm ghiếc. Chụp chung với bông hoa là điều bất lợi cho tôi. Người ta mắc ngắm những vật gì làm phụ tùng cho tôi, hơn là thích ngắm khuôn mặt tôi.

Duy sắp đi quân dịch. Tôi sẽ kéo dài đời sống cô đơn với số mỡ thừa thãi dưới làn da mát như bánh đúc, trơn như sa-ten và bên mụ già càng lúc càng chìm đắm trong một thế giới ma quái. Cứ xem buổi điểm tâm hàng ngày mà mình ngán ngược. Với một tô hủ tiếu tôi chưa thấy thấm tháp gì ở bao tử. Dùng thêm một ly cà phê sữa, tôi chỉ mới no lưng lửng thôi. Phải thêm một khúc bánh mì dồn thịt nguội nữa, tôi mới vững dạ đi làm ở một tiệm may gần nhà lồng chợ Vĩnh Long. Ăn uống như vậy đó, ngoài hai buổi cơm chánh, tối nào tôi cũng ăn hột vịt lộn hoặc hai vắt mì trước khi đi ngủ. Cái ngực tôi đồ sộ, và cái bụng cũng bè bộn không kém. Phen này chắc phải đi đóng phim giả làm đào Ấn Độ. Có đôi lúc tôi soi gương thấy mình giống hệt con đào Savitri. Đôi mắt ốc bươu này nếu vệt thêm một quầng đen, phải vẽ thêm một vết son đỏ giữa hai chân mày, phải gắn hột xoàn ở một bên sống mũi, phải đứng trước tấm phong vẽ hình hai con rắn hổ phun xòa bàn nạo. Như vậy tôi có thể thủ vai chính trong phim "Công Chúa Cá Phò Mã Cù" hoặc trong "Xe Duyên Chỉ Thắm". Có nhiều lúc tôi muốn lấy chồng Chà và để được ăn CA-ri để cho xong cuộc đời. Đáng đi ột ệt của tôi làm đề tài hài hước cho trai trong xóm. Có nhiều lúc ngồi may, chợt nghĩ tới cái "ben" chít trên áo dài mà mình tủi thân. Lúc sau, tôi phải

xoay qua mặc "rộp xắc" cho tiện.

Ông Tư Tấn có dịp trở lên chợ và ghé thăm bà Điếc. Bà dọn cho ông một bữa cơm bĩ bàng gồm có rượu, thịt hầm, cá bóng chưng. Ông ngồi ngâm nga uống từng ngụm nhỏ. Hôm đó bà bận rộn suốt ngày. Dan díu được mười bữa thì ông Tấn bỏ đi, tiền bạc mà bà các ca các củm mấy tháng nay bị ông Tư Tấn vượt sạch. Từ đó, chứng bệnh sống bên lề thế giới quái đản tăng dần. Cơ hồ bà rời khỏi cuộc sống chung đụng với người chung quanh. Bà tự tạo cho mình một thế giới khác, nhiều mơ ước kỳ quặc. Ít khi bà có mặt với thực tại, bà không mơ mộng, suy nghĩ, bà sống trong cơn đồng thiếp, hay một vũ trụ lạ lùng mà tôi không sao hiểu nổi.

Vào một buổi trưa hè, tôi đang ngồi tra mấy cái nút vào một chiếc áo. Bà chạy ù vô đóng cửa âm âm miệng gào lên:

- Cọp vô nhà! Mày phụ tao đóng cửa mau đi.

Tôi vẫn thản nhiên tiếp tục công việc, mặc tình cho bà hò hét và cuống cuống đóng cửa nọ bẻ cửa kia. Thấy tôi vẫn ngồi lì trên võng, bà vừa đóng cửa vừa nhieéc:

- Cái con này đáng cho cọp nhai lăm. Mày không sợ cọp ở núi Tà Lơn xuống sao?

Mặt bà xanh lét mồ hôi rịn ra hai bên mép và trán. Cửa đóng xong bà đến bên tôi thở hồng hộc. Chán cái trò cọp rượt bà lỏn lổn rút êm về chòi.

Theo lời đề nghị của hàng xóm, tôi đưa bà đi y sĩ chuyên môn chữa thần kinh. Nhưng y sĩ trả lời bà vẫn là người bình thường. Bà chỉ bình thường vào ban ngày. Khi đêm về, bà sống trong thế giới người chết. Gào thét suốt đêm làm khuấy động cả giấc ngủ hàng xóm.

Lại một buổi chiều, gió lốc trên mái ngói tuôn ò ạt xuống những ngọn hoàng lan quanh nhà. Bóng tối đầy ắp trong khắp mọi gian buồng. Tôi hé cửa nhìn sang chòi bà Điếc, ngọn đèn dầu hôi vàng vọt đang rung rinh qua mắt cáo. Tiếng cầu nhàu đều đặn của bà cũng bắt đầu nổi lên. Cứ mỗi buổi chiều khi nắng đã đi trốn khỏi mái nhà bên kia sông là đến giờ bà Điếc bắt đầu phát thanh. Bà nói luôn miệng, thỉnh thoảng lại cười thét lên ra vẻ khoái trá. Bóng tối đã đưa bà vào một thế giới ma quái. Bà gọi tên những người khuất mặt và làm nhảm trò chuyện với khoảng không. Hình như có ai ngồi bên bà để bà hỏi rồi trả lời lấy một mình như thế suốt đêm, gần đến sáng bà mới lặn ra ngủ. Thành linh bà hét lên mừng rỡ:

- Vợ thằng Hường đó à? Lâu quá mới gặp mày. Sao bây giờ mày ốm vậy?

Bất giác tôi thấy lạnh xương sống. Người đàn bà mà bà Điếc vừa nói chuyện là thím dâu tôi đã giận chồng uống thuốc ngủ tự tử ngay trong nhà tôi ba năm về trước. Hình ảnh cuối cùng lúc thím hấp hối đang diễn lại trước mặt tôi. Đôi mắt thím mở tròn sau khi y sĩ chích cho thím một mũi thuốc hồi dương. Đôi môi màu trái mồng tơi của thím mấp máy sau cơn hôn mê suốt mười tiếng đồng hồ. Những đường gân trên người thím chuyển động. Chiếc giường run rẩy nghiêng ken két. Thím nhìn chòng chọc vào những người có mặt chung quanh giường, tay quơ lên không gian. Đôi bàn tay trắng xanh, dài, tím đen bỗng co quắp lại. Bọt hai bên mép thím trào ra giữa tiếng khóc thét của đàn con nhỏ cơ hồ như vắng đầu đây. Tôi lẹ làng quay lại sau lưng, hình như có tiếng khua động. Tôi chạy đến vặn đèn to lên. Càng sợ tôi lại hướng mắt về bàn thờ của thím. Đôi mắt của thím như lờm tôi. Trong bóng tối chập chờn tôi có cảm tưởng thím sắp rời khung kiếng để lặn về hướng tôi đứng? Vội mở cửa tôi chạy tuôn ra ngoài đi băng qua nhà Thành năn nỉ.

- Mày qua ngủ với tao đêm nay, nếu không tao sẽ bỏ nhà đi chỗ khác.

Thành gất:

- Hồi đó tới giờ sao chị không sợ mà hôm nay lại bày đặt lộn xộn vậy?

Tôi thuật cho Thanh nghe chuyện bà Diếc. Thanh níu tôi chạy về hướng chòi bà. Lúc này bóng tối dày đặc úp kín khu ngoại ô thành phố. Gió vẫn rít mạnh. Hình như trời nổi cơn giông. Mảnh trăng lúc này nằm vắt qua cây nguyệt quới đã bị trăng che khuất. Tôi nắm chặt tay Thanh. Chúng tôi đứng bên hè, vạch nhẹ mắt lá đưa mắt nhìn vào trong. Bà Diếc ngồi khoanh tay trên bộ ngựa gỗ. Ngọn đèn dầu hôi đặt trên chiếc bàn trà với hai ly nước trà bốc khói. Bà vui vẻ nhìn chăm chăm vào khoảng không:

- Mà có gặp thằng Thế không?

Ngừng một lúc như để nghe kẻ đối thoại vô hình trả lời, bà tiếp:

- Mà không gặp nó sao? Hôm qua nó vô đây đòi ngủ với tao nè.

Đôi mắt Thanh mở to nhìn tôi. Chúng tôi đứng sát vào nhau. Bàn tay lạnh cóng của tôi chạm phải làn da đầy gai ốc của Thanh. Thằng Thế mà bà vừa nhắc đến là chú của tôi đã chết vì chứng bệnh phong đòn gánh mấy năm về trước cũng trong căn nhà này. Hối chán, bà lăn ra nằm sát vào vách, tay gối lên đầu, còn cái gối của bà đặt phía ngoài. Bà nép mình tránh và nói tiếp:

- Tao nằm đây, mà có mỗi lưng thì nằm xuống đi vợ thằng Hường.

Gió sông ào vào cổ tôi. Tôi lạnh cóng cả người như bị ướp nước đá. Chúng tôi quay vào nhà. Đi độ vài bước, tiếng cười sảng sặc của bà Diếc lại vang lên:

- Tụi bay rình rập gì tao đó? Tao không có đem thằng nào về ngủ đâu.

Tôi chạy nhanh, tiếng cười ghê rợn của bà như đuổi theo.

Chúng tôi xẹt vào buồng ngủ đóng kín cửa. Ngọn đèn chong vẫn để cháy tỏ. Khi chúng tôi vào giường, tiếng rì rầm của bà vẫn còn văng vẳng. Chẳng bao lâu tiếng thở của Thanh đều đặn. Láy mền bịt tai lại, mắt tôi nhắm nghiền. Cuối cùng, cơn buồn ngủ vẫn không đến. Tôi lò mò đi tìm viên thuốc an thần. Tiếng đồng hồ bên hàng xóm đều đặn buông hai tiếng. Sự sợ hãi vu vơ từ chập tối đến giờ lên tiếng từ già tôi.

Thanh rón rén bước xuống giường, tôi vẫn nằm co ro trong mền ngủ ướt. Ánh nắng buổi sáng len lén bước vào thăm theo đường song cửa sổ. Tiếng hàng quà vọt lên như vòi nước. Tiếng guốc của Thanh lóc cóc trở lại, nó tung mừng lòi xềnh tôi dậy:

- Mau ra coi bà Diếc nè!

Tôi chạy ụt ịt sau Thanh. Đến sân nước, bà Diếc đang ngồi cạnh lu nước súc miệng bằng bàn chải với kem, bọt bèo ứa ra hai bên mép, chiếc bàn chải đưa qua đưa lại đều đặn trên hai nướu không còn răng. Chúng tôi vịn nhau cười sảng sặc. Bà Diếc ngẩng lên, đôi môi trắng xóa y như râu con lân. Tôi đến vịn vai bà, hỏi:

- Răng cỏ đâu mà đánh bằng bàn chải. Coi chừng chảy máu miệng bây giờ.

Bà nhỏ xong ngậm nước đầy bọt xà bông rồi há miệng chỉ vào trong cùng:

- Tao còn một cái răng cắm nè.

Thanh lăn ra cười:

- Hèn chi, hôm trước chị Nguyệt nói là chỉ bắt gặp bà đang ngồi ăn mía ghim.

Mưa đêm ồ ạt, cơn hồ như muốn trút xuống trần gian để lôi cả nhà cửa trôi theo dòng nước. Nóc nhà tôi tuôn ngói ròn rảng trong cơn lốc. Tôi cầm đèn đi xuống nhà bếp đẩy hé cửa sổ nhìn về chòi bà Diếc. Cái chòi lắc lự trước gió. Ngọn đèn bên trong tắt phụt tự bao giờ. Bà Diếc không nói nhảm. Vẫn không có tiếng động nào ngoài cơn gió dữ dội và khối nước ụp xuống mái nhà. Tôi khoác áo mưa cầm chiếc đèn bấm chạy vụt ra chòi. Vệt ánh sáng xanh quét vào chòi. Bà Diếc vẫn ngủ say. Tôi yên trí trở vào giường nằm co rúm trong mền như con tôm kho tàu trong

lòng chảo. Hình như tôi đang chìm trong không khí ngột ngạt sâu thẳm không có cách nào ngoi lên được. Những kỷ niệm lợt lạt từ đầu lũ lướt kéo về. Đã bao lần tôi cố tránh né những thứ bận rộn đó, nhưng nó cứ rỉ rả lọt vào cuộc sống bên trong của tôi. Tôi sợ những đêm khuya rả rích như thế này. Ngọn đèn chong đang nhảy múa trong ống khói pha lê trong suốt. Âm thanh đều đặn của những giọt nước mưa trên mái ngói dần dần rủ tôi vào giấc ngủ.

Như thường lệ, cứ mỗi sáng tôi xuống sông lội một vòng cho tiêu bớt những thớ mỡ sa đang tích trữ dưới nếp bụng tôi. Cái quần đùi đen để lộ đôi chân ú nần như hai cái ống nhỏ và trắng xanh như bụng con cá tra. Tôi đi ngang chòi bà Điếc để xuống cầu. Bất chợt tôi hé vách nhìn vào. Bà đang nằm quay mặt vô vách, thỉnh thoảng lại cựa mình rên khe khẽ. Tôi lách cửa vào trong, rờ lên trán của bà. Sức nóng chuyển sang bàn tay tôi. Bà vẫn chưa hay sự có mặt của tôi. Tôi lay và gọi giật bà. Bà Điếc cố cựa mình một cách khó khăn rồi nhướng đôi mắt lờ mờ nhìn tôi, phều phào nói:

- Tao đau hồi hôm đến giờ.

Giọng bà chìm lìm trong cổ. Bà run lấy bầy, đôi tròng mắt vàng như nghê.

Sau khi khám bệnh, bác sĩ trầm ngâm giây lát, nói:

- Bà ta bị chai gan. Nên đưa bà vào nhà thương.

Nghe tiếng nhà thương bà phản đối, cho rằng nằm nhà thương là bị bỏ rơi rồi sẽ chết để cho ruồi bu kiến đậu. Đành chịu thua, tôi để cho bà ở nhà, rồi nhờ Thành đi bỏ thuốc theo toa bác sĩ và thay phiên nhau săn sóc bà. Tuần lễ sau, bệnh bà Điếc không thuyên giảm và cái bụng của bà to như bụng ếch ương. Tay chân bà khô gầy như bộ xương trong phòng thí nghiệm. Tôi nhờ bao nhiêu người đến thuyết phục bà đi nằm nhà thương. Bà Điếc vẫn cho rằng nếu ra khỏi nhà này bà sẽ chết. Cuối cùng tôi nhờ hai ông hàng xóm khiêng bà lên xe xích lô. Bà cố dẩy dựa nhưng sức bà đã kiệt nên bà không tài nào ra khỏi vòng tay lực lưỡng của họ. Trên chiếc giường sắt phủ ra trắng, bà Điếc nhắm nghiền mắt, đôi môi khô tái nhợt. Thỉnh thoảng, bà nhướng mắt lên đỉnh mùng rồi thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn. Thi (cô em họ tôi) ngồi bệt nơi góc phòng lẩm nhẩm đọc tiểu thuyết. Chốc chốc, Thi ngẩng lên liếc vội về phía bà Điếc.

Nửa tháng chầm chậm trôi qua. Chúng tôi thay phiên nhau ngủ nhà thương. Cứ mỗi buổi chiều, hàng xóm lũ lướt tới thăm. Những gói quà chất đầy ngăn tủ. Độ vài ba hôm bà được y sĩ rút nước thừa chứa trong bụng. Nước ào ào chảy xuống thùng thiếc, sủi bọt trắng ngần. Ruồi nhặng mở cuộc liên hoan quanh mép thùng. Số mỡ thặng dư của tôi rút lui dần sau nhiều đêm bị đánh thức. Thân thể tôi như rã rời từng mảnh. Người tôi nhẹ bớt nhưng đầu óc tôi nặng nề. Hai con mắt màu tím xanh như đánh phong. Tôi giao bà Điếc lại cho cậu em (con cô tôi) để về nhà nghỉ ngơi một lúc. Đẩy cửa vào nhà, mùi ẩm ướt trên nền gạch xông lên. Tôi đặt chiếc giỏ trên tay xuống lần ra sàn nước. Dòng nước mát dội từ trên đỉnh đầu chạy dọc xuống tận chân đã lôi tôi ra khỏi cơn nặng nhọc. Mùi cay nồng của chất alcohol và mùi tanh tanh của bệnh viện trôi theo dòng nước. Tôi trở vào nhà quăng mình lên võng. Tiếng kéo kẹt đều đặn vang vang trong căn nhà âm u. Gió sông lòn vào khung cửa. Tắm màn màu da trời bay bay. Mí mắt tôi mỗi một ôm choàng lấy tròng mắt. Một ý tưởng chợt nảy lên đầu óc tôi. Nếu bà Điếc chết. Nếu... Tôi giật thót cả mình mảy. Không, không thể nào... Tôi không dám nghĩ xa hơn. Bà điên rồi, mê muội... Nhưng cuộc đời bà gắn liền cuộc đời tôi từ lâu. Nước mắt tôi trào ra. Tôi không thể sống ở nhà này với những bóng ma.

Tôi chợt nhớ ra mình đã tắt kính từ một tháng nay. Duy đã đi Saigon hơn một tuần rồi. Ôi! tôi phải đi khám bác sĩ. Đành ông thường không nghĩ tới hậu quả của một phút bồng bột. Tôi lấy tay rờ lên bụng. Từ lúc bà Điếc đau ốm tôi quên tất cả, chẳng để ý đến sự phồng ngừa. Nhưng sự bồng chồn vẫn không làm giảm cơn kiệt quệ. Tôi mơ hồ như cái đầu tôi rớt qua một bên võng, mọi sự việc đã chuẩn khỏi óc. Màu trắng chập chờn của bốn bức tường với bệnh viện và những

chiếc giường sắt phủ drap lùì xa rồi mất hút.

Anh Duy! Sau vụ phá thai em sứt mất mười hai ký thịt. Em gày gò, xanh xao. Đàn ông như anh là kẻ vô trách nhiệm. Anh chớ tưởng sức mảy mà em trả đũa chuyện anh bỏ em bơ vơ với cái bào thai trong bụng được ba tháng. Đêm đêm em giật mình, có cảm tưởng mình là kẻ sát nhân. Mai sau, xuống âm ti địa ngục, cũng riêng mình em chịu tội. Càng tội hơn là lúc đầu em chẳng may bị lương tâm cắn rứt.

Bà Bảy Diếc đã chết rồi. Tới phút lâm chung bà chịu rửa tội để về với chúa. Lẽ nào, một cô gái trẻ tuổi như em ở bên lề cái thế giới âm hồn như vậy mãi sao anh.

Bây giờ em chỉ còn có hai lượng vàng và một cái máy may. Đợi cho đỏ da thắm thịt để che mắt thế gian, em sẽ tiếp tục may thuê cho thiên hạ. Đời em chưa hẳn tàn như là cảnh chợ chiều. Em sẽ chất mốt từng đồng để tìm bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ. Em sẽ cho bơm cái ngực teo trở thành cái ngực vĩ đại., sẽ nhờ ông ta vá lại màng trinh. Để rồi anh xem. Em sẽ lấy chồng sĩ quan Thủ Đức. Nhứt định là đời em chưa lâm vào ngõ bí đâu. Trả thù anh, chẳng lẽ em mượn du côn đánh anh. Em sẽ làm một người đàn bà phong nhã. Đôi lúc em còn mơ đi học hát để trở thành ca sĩ phòng trà.

Giờ đây thì em cô đơn quá. Ba má em trị cái tội làm lỡ của em bằng thái độ hắt hủi, bỏ liêu. Quần áo em bây giờ rộng phùng phình. Phải sửa sang lối ăn mặc, trưng diện, em mới báo thù anh cho anh sáng mắt ra là con Linh này không phải là thứ gái gặp chuyện rủi ro là đem nước mắt ra giải quyết.

Nhìn trẻ em lóí xóm, em đau lòng. Phải chi anh chịu làm cha thì con chúng ta sẽ chường mặt với thế gian. Trời sẽ phạt em. Mai sau dù có chồng đàn hoàng, em sẽ tuyệt tự, phải xin con nuôi. Em vốn hiền lành, nhân đạo, tại anh, tại anh đó, em mới làm kẻ sát nhân.

Em sẽ ra đi khỏi tỉnh nhà, chạy trốn ám ảnh quá khứ. Mùa này có ốc gạo và xoài tượng. Các bà mang bầu tha hồ ăn cho thỏa thích bù tới lúc nằm giường cũ chỉ ăn cơm trắng với cá kho khô. Bây giờ em bệnh hoạn, chẳng ăn gì ngon, lại ngủ không được. Nhắm mắt lại em thấy đứa nhỏ bò qua bò lại, nhe hai cái nướu trống trơn ra cười với em. Lại nữa, hình ảnh bà Diếc ám ảnh em từng giây phút, ban đêm lẫn ban ngày. Biết đâu em sẽ là phản ảnh của bà sau này, điên cuồng vì khát vọng quên mất tuổi già.

Ôi! em sẽ chết trong êm vắng, trong ám ảnh dày vò chẳng? Em phải đi, phải đi...

Em nhìn ra một chân trời khác. Em sẽ tìm yên ổn cho mình. Nơi đó, em chinh đốn lại cuộc đời. Để rồi anh xem! Kẻ nào khinh rẻ em, kẻ đó sẽ hối hận. Anh đừng tưởng rằng anh xuôn sẻ mãi đâu. Trời phạt anh thất nghiệp. Anh lường gạt tiền bạc thiên hạ nên anh bị tù.

Tuy vậy, em sẽ mở cho anh một con đường khi anh ra khỏi khám. Con đường ấy sẽ đưa anh vào vòng tay rộng lượng của em. Trời sinh chúng ta gắn bó với nhau. Dù có khinh nhau, nhưng chúng ta khó mà bút sọt dây oan nghiệt đã ràng buộc chúng ta từ kiếp trước...

Đọc “Đêm tối bao la” của Nguyễn Thị Thụy Vũ Bảo Ngọc

“Đêm tối bao la” là những đoạn khúc ghép nối lại với nhau, bộc lộ cuộc sống buồn bã về nội tâm và những khát khao vượt thoát nhuộm màu bất lực của tầng lớp bình dân ở một vùng quê

miền Nam. Việc chọn bối cảnh là một khu phố nghèo bên dòng sông ở thị trấn Vĩnh Long, cũng như để nhân vật chính của câu chuyện sinh sống và lo việc hương hỏa trong một ngôi nhà từ đường thiếu ánh sáng là hàm ý của tác giả về sự tiếp nối từ đời này sang đời kia. Tuy là truyện ngắn, “Đêm tối bao la” mang trong lòng chiều dài của những thế hệ và các mối dây ràng buộc từ ông bà, cha mẹ, chú thím đến con cháu. Chứa đựng trong truyện còn là hai thế giới của người sống và người chết, người tỉnh và người điên, người trẻ và người già, người đi và người ở.

Một cảm giác ngọt ngào đã được tác giả thổi vào câu chuyện ngay từ những dòng đầu tiên. Hơi thở bức bối đó len lỏi trong từng câu chữ, chạy suốt cho đến khi câu chuyện kết thúc. Tác giả dường như dùng bút pháp chống lại “thẩm mỹ hoá”, dung nhan những nhân vật từ chính đến phụ, qua ngòi bút của tác giả, đều hiện lên với những đường nét kém thẩm mỹ đến độ khó có thể dành được cảm tình của người đọc. Phải chăng đó là một cách tác giả để cho độc giả cảm nhận được nỗi cô đơn hữu hình, cảm nhận được bất hạnh mà những nhân vật bất buộc phải nhận lấy dù muốn hay không muốn?

Nếu nói bất hạnh thì không hẳn đúng, nhưng những điều không may đã làm cho cuộc sống của nhân vật chính trong truyện là Linh trở nên bức bối. Cô không lấy được người mình yêu, tình cảm với người tiếp theo chai sạn dần, đời sống buồn tẻ. Để có thoát khỏi tất cả những điều nhàn nhạt, vụn vặt, không chút vui thú cứ tái diễn mỗi ngày đó, cô muốn hoá thân thành một cô đào xinh đẹp, được các chàng trai thanh tú vây quanh. Nhưng không may, cô chỉ sở hữu một trí tưởng tượng nghèo nàn nên không thể là một nhà văn để thoả mãn được ước mơ của mình. Nói cách khác, khát vọng của cô vượt quá những gì cuộc đời có thể ban tặng nên cô mãi mãi bị giam hãm trong sự cô đơn đã thấm sâu vào tâm khảm.

Không phải vô cớ mà tác giả gắn liền cuộc đời một người con gái như Linh với một bà cô già tên Điếc với chứng tâm thần bất ổn. Giữa hai con người một tỉnh một điên này, tuy biểu hiện bên ngoài khác nhau, nhưng tận trong tâm hồn lại có một sự giống nhau lạ lùng. Khi Linh chỉ ước mơ hão huyền về một thế giới văn chương không có thực mà cô là nhân vật chính yêu kiều được nhận nhiều sự yêu thương và ban phát sự yêu thương, thì bà Điếc không ngại ban phát tình yêu của mình và nồng nhiệt nhận lại tình cảm từ người khác phái trong thế giới thực. Khi Linh chỉ dám viết thư cho người tình phụ bạc hăm dọa sẽ trả thù bằng cách đi sửa sắc đẹp để chinh phục đàn ông thì bà Điếc biết làm dáng thực sự bất chấp tuổi già. Linh chỉ biết than thân trách phận vì sao không được sắc nước hương trời thì bà Điếc biết làm cho mình đẹp nhất trong những kẻ xấu xí nhất. Linh bị Duy bỏ rơi với cái thai phải tự đi phá thì bà Điếc bị người tình cuỗm hết tài sản rồi biến mất. Dù buông xuôi hay cố gắng, cả hai người đều bị “hạnh phúc” phản bội và ruồng bỏ. Mỗi người một cách nhưng nỗi đau thì như nhau.

Sự ma quái xuất hiện càng lúc càng dày đặc vào phân đoạn gần cuối đời của bà Điếc. Những oan hồn trong dòng họ trở về với người sống qua những mẩu chuyện trò trong đêm với bà Điếc. Điều đó ám ảnh Linh, làm cô sợ hãi. Cho đến một ngày bà Điếc qua đời, Linh mới nhận ra là cô đã dựa vào bà một cách vô thức từ trước đến nay. Rồi cô kêu gào Duy trở về với cô, nhưng đó là một hy vọng mong manh, một sự giẫy dụa cuối cùng của tuyệt vọng. Cả cái bào thai bị Linh bức tử cũng lại ẩn hiện trong sự dần vật đau khổ của cô. Những con người đã bỏ cô đi sẽ không bao giờ trở lại nữa. Đoạn cuối câu chuyện, chỉ còn lại nhân vật chính chung sống trong cùng một không gian với những hồn ma, cô cảm thấy sự gắn bó mật thiết với những linh hồn, cô nhận thấy mình trong số phận những kẻ bất hạnh đã nằm sâu trong lòng đất, vậy cô đang sống hay cô đã chết?

Đọc “Đêm tối bao la” của Nguyễn Thị Thụy Vũ Vy Huyền

“Đêm tối bao la” được viết trong thời chiến, nhưng mức độ ác liệt của chiến tranh không xâm nhập vào truyện, trái lại là cái nhìn rất bình thường, coi cuộc chiến như một phần cuộc sống. Không khí chán chường, thất vọng, u ám bao trùm cả một xã hội lác đác hình ảnh một hai người đàn ông. Trong suốt truyện, chúng ta chỉ thấy vồn vện một nhân vật Duy, là người bạn trai của Linh (nhân vật tôi). Qua cách tả của “tôi”, Duy không phải là người mà cô hoàn toàn có thể đặt niềm tin và tình cảm, nhưng cô không có một chọn lựa nào khác cho vơi bớt ngày tháng gặm nhấm cô đơn.

Linh đến với văn chương để trốn đi những cô đơn của cuộc đời, nhưng nhiều khi cô cũng chán ngấy việc viết văn. Cô tuyên bố: "Tôi chán viết văn. Văn chương nào phải là cái cớ để phụ nữ giải toả ẩn ức. May mà tôi không đem bài vở đăng báo. Có một chàng văn sĩ đòi bạt tai lũ đàn bà cầm bút, hăm he đuổi họ trở về chỗ bếp núc và chỗ ngồi lê đôi mách. Thái độ du côn đó chẳng những không làm tôi giận mà tôi còn mê chàng nữa, rồi vẽ ra trong óc là chàng trai đẹp trai hấp dẫn như James Bond hay chàng điệp viên 007." [trang 45].

Nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc, trong bài "Văn học Việt Nam: Một nền văn học nghiệp dư" đã nói đến cách mỗi người tìm đến văn chương như là một thú vui hơn là một công việc kiếm sống. Còn nếu đã tìm đến văn chương để kiếm sống thì nó thiên về báo chí, chứ không còn đơn thuần là văn học. Việc nhân vật tôi trong truyện nói "May mà tôi không đem bài vở đăng báo" cũng tương tự như Nguyễn Khuyến đã viết trong bài “Khóc bạn”:

*Câu thơ nghĩ đến đo muốn viết
Viết đưa ai, ai biết mà đưa*

Đến cuối truyện, khi người đàn ông của Linh đã ra đi, người đọc thấy được một tia sáng loé lên giữa những ngày đen tối. Linh trong cơn thất vọng ê chề vẫn hy vọng một ngày tươi sáng hơn sẽ đến trong cuộc sống của cô, như niềm hy vọng rằng cô sẽ lấy chồng là sĩ quan Thủ Đức, sẽ đi sửa lại sắc đẹp và làm một người đàn bà phong nhã. Nhưng cuối cùng, sau những mộng ước hão huyền, Linh đã trở về với thực tế của cuộc đời, với một hy vọng rất bình thường là mở lại đường về cho Duy, người đã bội bạc bỏ cô ra đi.

Ngoài ra, trong “Đêm tối bao la” còn có nhân vật Bà Điếc "nửa tỉnh nửa khùng", nhưng sống một đời sống tự do và đi ngược lại với những lề lối mà xã hội vẫn còn đặt nặng trên mỗi con người, đặc biệt là với phụ nữ. Bà Bầy thật sự có điếc hay không? Tôi tin rằng người đàn bà này không điếc và cũng không khùng như cách những nhân vật trong truyện nhìn bà. Nhưng bà "điếc" vì đã không lắng nghe, đã không tuân phục cái nền tảng luân lí mà xã hội đặt ra. Bà tự tìm cho mình một lối đi riêng, một cuộc sống riêng, tự tìm kiếm hạnh phúc cho riêng mình. Bà đã sống không theo bất kỳ một lề lối nào, bất chấp việc bị mọi người xung quanh nhìn với con mắt kỳ dị. Ngay nhân vật tôi, trong suốt quãng đời sống với Bà Điếc, cô vẫn cho rằng bà không bình thường, để rồi khi ngồi nghĩ lại, cô tìm thấy đâu đó hình ảnh của chính cô trong tương lai. Bằng việc xây dựng nhân vật bà Điếc, Nguyễn Thị Thụy Vũ đã phá đi những chuẩn mực [được coi là] đạo đức, nhưng thật ra đầy thành kiến, và [ngắm] hy vọng vào một tương lai tốt đẹp hơn.

Ngoài ra, tuy xã hội trong truyện tuy vẫn còn bao trùm bởi những áp lực, lề lối xưa cũ, người đọc vẫn có thể thấy ảnh hưởng của văn hoá phương Tây đang thấm dần vào. Hình ảnh một người đàn ông hấp dẫn như Hercule, James Bond, một người đàn bà gợi cảm như Liz Taylor

thay đổi dần những quan niệm trong xã hội miền Nam đã và đang tiếp cận ngày càng gần hơn với nền văn hoá Tây Phương.

© 2006 talawas

Khung rêu (...trích đoạn)

[...]

Buổi trưa, lấm lúa đối diện phòng Tịnh vang lên tiếng vĩ cầm lúc réo rất như một dòng suối chảy siết, lúc van vi buông lợi, mơ hồ... Tịnh mở toang cánh cửa phòng, đưa mắt nhìn qua lấm lúa cách chỗ nàng ngồi một khoảng sân trống. Bông hoàng lan ngoài cửa sổ tiết ra mùi thơm nhẹ, ngọt ngào lùa tận ngõ ngách căn phòng nàng. Tịnh cảm thấy mình lâng lâng, dào dạt khi tiếng đàn ve vượt thính giác nàng.

Đáng lý Tịnh ra khỏi phòng ngủ từ nãy giờ vì còn nhiều bếp nước chờ đợi nàng. Nhưng có cái gì níu kéo nàng. Tịnh ngồi lại bên cửa sổ, lơ đãng nhìn những chùm hoa hoàng lan vàng nhạt trộn một chút lục nõn đang trũng giỡn với gió. Những khao khát, rạo rức âm thầm đang làm đảo lộn đầu óc nàng.

Nàng bước lại ngắm bóng mình qua chiếc gương trước tủ áo. Dưới làn lụa màu nguyệt bạch, những đường cong của một tấm thân đầy căng sinh lực bị đè ép xuống. Chiếc áo nịt chặt chội làm cản trở nhịp thở của nàng; Tịnh chợt mỉm cười khi nghĩ ít lâu nữa, chiếc áo lót này sẽ rách tung ra. Phải nói đường may ở khoảng ngực vài phân nữa, nếu không, mình sẽ chết ngột. Lắm lúc, Tịnh muốn bỏ hẳn chiếc áo lót để cho các bắp thịt tự do snh sôi nảy nở. Có gì mà phải ràng rịt chặt chẽ như bó đòn bánh tét vậy? Ý nghĩ đó, bà Phủ đã đoán biết ngay khi bà tình cờ bước vào phòng riêng của Tịnh và nhìn thấy nàng chỉ mặc chiếc áo bà ba, không dùng chiếc áo lót bên trong. Bà nhìn sững những phần cao nguyên của thân thể nàng ngun ngút sức sống dưới làn áo lụa. Bà ngồi lại bên cạnh Tịnh, xĩa cục thuốc qua hàm răng trắng đều như hột lựu, rồi cắn nhả:

- Áo lót có chật thì ra chợ mua vải về may cái khác. Con gái ăn mặc trống trải như vậy, người ta không nói mình là con nhà làm ăn đâu.

Tịnh cười, cãi lại:

- Con chỉ mặc như vậy khi ở trong buồng chớ có đi ra ngoài đâu mà sợ.

Bà Phủ tăng háng rồi kể lễ:

- Hồi thuở mợ còn con gái, mợ đâu có được bận áo lót vừa vặn như tụi bây. Phải may áo để cho thật chặt chịa và còn tra thêm hàng chục nút gài bằng khuy nữa. Bây giờ, tụi bây học đòi theo Tây, Tàu nên ăn mặc thét rồi coi không được.

Tịnh thôi cãi. Nàng nghĩ mợ dẫu mình lúc nào cũng có tâm hồn hoài cổ. Hột xoàn còn có thể mài dũa, chớ thành kiến của người già thật khó lòng biến đổi được.

Tịnh vừa quay lưng xuống nhà sau thì Tường bước tới chắn lối. Chàng cầm nhánh mai xám mốc chi chít những búp màu vỏ lúa ngậm đòng đòng, đưa về phía Tịnh.

- Di nhờ chị chưng mai vào mấy cái lục bình da rạn trên bàn thờ.

Tịnh nhìn Tường hỏi gặng:

- Mợ Phủ giao cho cậu, rồi cậu sai chuyền qua tôi, phải không?

Tường cười xòa và khen Tịnh bói quẻ cuối năm giỏi. Tịnh đề nghị em nên đưa mai cho lão Tự cấm giúp. Nàng đưa tay đám nhẹ lên vai Tường:

- Lục bình trên bàn thờ quý lắm nghen, bây giờ không tìm đâu ra được. Mợ Phủ mà giao cậu cấm hoa không khác nào giao trứng cho ác.

Tường chống chế:

- Cái gì mà tôi làm chẳng được? Nhưng thằng này không thiết mó tới mấy thứ công việc lảm lảm cầm trong nhà như đàn bà con gái đâu.

Tịnh bỏ đi một nước vì còn lủ khủ công việc đang đợi nàng dưới bếp. Tường bước theo ngơ ngác tìm lão Tự. Tịnh quay lại, hạ thấp giọng:

- Hình như lão Tự qua bên nhà anh chàng ở trọ rồi.

Tường ngó sững chị:

- Sao chị nhủ mà mắt chị ngó thấy suốt bên đó được?

Tịnh đưa tay mân mê cành mai trên tay Tường, ngập ngừng một lúc:

- Cậu đàn vĩ cầm inh ỏi vào buổi trưa làm tôi mất ngủ. Tôi ngồi ở cửa sổ ngó mông ra ngoài.

Tường lắc đầu:

- Ai kéo vĩ cầm hồi nào?

Tịnh giả vờ:

- Ai trông khoai đất này? Không cậu còn ai vô đây?

Tường cười tinh quái ngó Tịnh. Chàng thừa biết Tịnh muốn tò mò về Hoàng, người bạn học mà chàng đưa về đây ở trọ theo lời mời của bà kế mẫu chàng. Thật ra, Tường chỉ biết lò mò về Hoàng: không nhà, mồ côi mẹ từ thuở nhỏ và người cha thì đi làm ăn xa. Hơn nữa, Tường không muốn đi sâu vào những uẩn khúc mà Hoàng không muốn hở môi thêm.

Tường hỏi Tịnh:

- Chị mê tiếng vĩ cầm đó rồi hả?

Tịnh bẽn lẽn mắng em:

- Đừng nói xàm, mợ Phũ nghe được thì chết cả lũ.

Tường bỗng nhận được tiếng guốc quen thuộc lê về phía nhà bếp, chỗ của Tịnh và của chàng. Hai con mắt Tường chớp chớp khi Ngự hiện ra sau cánh cửa khép hờ hững. Chàng lúng túng bỏ đi tìm lão Tự.

Tường đã khoác lấy thái độ lạnh nhạt giả vờ để che mắt bà Phũ khi giáp mặt Ngự. Riêng Ngự cũng tỏ vẻ lãnh đạm, khổ hạnh như một tu nữ trên mâm cơm hay trong cuộc nói chuyện tào lao có mặt chàng vào lúc tối dưới ánh đèn “mãng-sông” treo lơ lửng trên đầu hồi.

Từ hôm bà Phũ bắt gặp Tường đứng với Ngự dưới gốc cây mãng cầu xiêm trong một đêm trăng sao đi vắng, bà nghiêm giọng nói với Ngự:

- Nam nữ thọ thọ bất thân. Con gái như rơm khô dễ bắt lửa. Con trai là một thứ lửa nguy hiểm. Lửa để gần rơm nếu không cháy cũng tròm trèm.

Lúc nào bà Phũ cũng khuyên răn, giáo dục Ngự bằng những câu chữ Hán, những lời trích ở pho kinh Phật này, quyển truyện Tàu kia. Bà còn hăm he sẽ đưa Ngự về miền đất đỏ để nàng sống cuộc đời công nhân bóc chén lấy mũ cao su, nối nghiệp cha mẹ nàng. Sự dòm ngó ngăn cản của bà Phũ càng lúc càng chặt chẽ đã biến Ngự thành một trái cấm ngọt ngào, quyến rũ. Tường thường nói với chính mình cũng như phân bua với người khác là chàng không dính dáng huyết thống gì với Ngự.

Lão Tự có lần nói đùa với chàng:

Con ông gắm ghé cháu bà,

Thuận cả một nhà, bà lấy lại ông.

Tường và Ngự đang chờ cơ hội. Cả hai vừa sung sướng, vừa khổ sở. Năm cùng tháng tận rồi mà cuộc tỏ tình vẫn chưa đi tới đâu.

Tường giật mình vì một bàn tay xương xương khô héo đặt lên vai chàng. Chàng quay lại. Lão Tự cười nhe chiếc miệng còn vài chiếc răng nứt còm, thương bánh:

- Làm gì đó cậu Ấm?

Tường lắc đầu, rồi trao bó mai cho lão Tự. Tịnh từ trong bếp nói vọng ra:

- Lão có thấy lúc này Tường lơ lửng như bị ai hớp hồn không lão?

Lão Tự nói con trai vừa bễ tiếng, nói khao khao như ngỗng đực thường hay đờ đẫn, lúc biếng nói biếng cười, lúc thì mơ mơ màng màng vậy mà. Tường cười vang và chàng chọt nghe âm

vang tiếng cười của mình lại đượm một chút khôi hài. Chàng thường cho lão Tự một liều thuốc thơm, rồi đánh trống lảng, giục lão đi cắm hoa.

Tịnh bưng chiếc thau sành trắng đựng đậu xanh bước ra sàn nước. Tiếng vĩ cầm luồn theo gió sông huyền hoặc. Tâm hồn Tịnh phiêu du trong cõi vô thức. Nàng lơ đãng nhìn ra sông, ngắm những chiếc xuồng chở hoa và những chiếc ghe chở dưa hấu nặng nề xê dịch trên dòng nước trong xanh, lười biếng. Màu xanh đen bóng của dưa hấu, màu vàng sáng rực của hoa cúc, hoa vạn thọ, màu đỏ của hoa màu gà, màu xanh rêu mốc của mấy cây mai chiếu thủy u nản, tạt nguyên trở những nụ hoa trắng xóa hình ngôi sao làm Tịnh cảm thấy mình như lạc vào một thế giới lộng lẫy và thân mật.

Dòng nước trong như mắt mèo, uốn lượn qua những khu vườn xanh lục trước mặt. Tịnh chớp hàng mi dày, hình dung cái dáng dấp của người con trai xa lạ đến trọ trong lẫm lúa nhà cậu nàng được mấy tuần nay. Tịnh thường bắt gặp ánh mắt sắc ngọt của người con trai ấy khi chàng sửa soạn để chiếc vĩ cầm lên bờ vai. Tịnh tự hỏi tại sao Hoàng không về quê ăn Tết mà chịu ở lại trong lẫm lúa đìu hiu đó? Thân thể chàng ra sao? Gia đình chàng ở tận nơi nào? Sự cô độc của người con trai bao giờ cũng là một yếu tố thu hút đối với phái nữ. Đã bao lần, Tịnh muốn hỏi Tường về tông tích chàng, nhưng Tịnh lại e ngại. Trong câu chuyện với Ngự, nàng thường đề cập tới tiếng vĩ cầm như những lời tâm sự với gió sông trong những buổi chiều trôi chậm ám ảnh nàng mãi không thôi. Không ai trong nhà này nói đến người con trai kỳ lạ đó. Chắc không ai biết tung tích chàng. Tịnh cười băng quơ. Tịnh ơi, mày đúng là một con nhỏ hư thân.

Có tiếng dép lẹp xẹp của bà Phủ càng lúc càng rõ rệt hơn. Tịnh đưa bàn tay suông dài trắng nõn vỏ xanh còn bám trên những hạt đậu chưa kịp nở. Nàng tẽ cho phần vỏ màu cốm non trôi giạt xuống sông nước.

Bà Phủ nhỏ phệt cốt trà xuống bãi cỏ, liếc vào trong chậu sành:

- Đậu chưa tróc đều hay sao mà con đái lâu quá vậy?

Tịnh áp ứng:

- Dạ, đậu chưa kịp nở đều.

Tịnh cảm thấy ngỡ ngàng nghịu với những ý nghĩ thâm kín của nàng về chàng thiếu niên ở trọ.

Nàng hỏi hộp tường chừng những ý nghĩ đó không thể thoát khỏi cặp mắt soi mói của bà Phủ.

Và một thoáng mặc cảm phạm tội mơ hồ nhuộm đỏ đôi má nàng.

Bà Phủ giục:

- Lẹ lên đi Tịnh, rồi vô phụ với con Ngự xên dùm mợ thúng mút dưa.

Tịnh bê chiếc thau sành trắng đựng mớ đậu đái sạch, đứng lên. Ánh nắng sót muện chiếu rực rỡ trên mặt sông. Màu mây đỏ chói lòa sau hàng cây xa tít ở cuối vườn. Từ mấy tuần lễ trước, trong cơn lạnh, không khí đã bắt đầu sạch hơn nước. Sáng và trong... Mùa xuân sắp về.

Hôm nay, hai người con gái quần quật cắt, xắt, tĩa, lộng những thỏi bí, gừng, đu đủ, khế cơm dưa thành những chùm hoa, những hình quả trám, hình tròn. Những bàn tay ngâm nước hàng giờ để xả nhiều lượt cho đến khi bí, gừng, củ cải nõn nà như bông bươi rồi đem xên trên ngọn lửa cháy liu riu. Chốc chốc, bà Phủ từ trên nhà đi xuống, ghé vào bếp kiểm soát hai cô cháu gái đang cặm cụi trở tài khéo tay.

Bà Phủ ngó Ngự đang lơ đãng nhìn đâu đâu, cần nhân:

- Hồng biết mấy bữa nay, ai hớp hồn con Ngự mà nó bơ ngo, báo ngáo?

Ngự liếc mắt về phía Tịnh đang cho dưa vào trong đáy song chằm một giọt đường và cho nheu vào chén nước lạnh để xem đường mút tới chưa.

Bà Phủ đặt bàn tay lên thành nồi mút của Ngự, quờ:

- Lửa leo lét, chuột chạy không cháy lông như vậy, bao giờ mút mới ráo được?

Ngự cho vào lò miếng than hồng gấp bên bếp của Tịnh. Bà Phủ trở lên nhà ngồi lại bên khay trà.

Bên cạnh bếp than hồng rực nóng, hai bên má của hai cô ửng đỏ như màu mặt hồng đào. Mỗi người đeo đuổi một ý nghĩ riêng tư. Im lặng bao trùm khuôn bếp. Chiều xuống dần. Tiếng chim tu hú vắng vắng trong hàng cây bên kia sông gọi lên một mùa xuân lộng lẫy.

Xong công việc bếp núc, Tịnh trở vào phòng riêng, ngồi lại bên cửa sổ ngắm bông cẩm nhung tím trong chiếc lọ thủy tinh màu hổ phách. Nàng tìm về những mùa xuân xa cũ bên bà mẹ góa bụa tận miền Hà Tiên. Những ngày sống bên mẹ thật vui êm đềm. Tịnh nhìn cuộc đời hấp dẫn như màu giấy hồng đơn gói tiền mừng tuổi trong ngày đầu năm. Tịnh được mẹ may cho chiếc áo mới màu hồng ngọt ngào. Nàng đeo bông tai trái châu và vài món nữ trang bằng vàng đồ đé. Một kho tàng kỷ niệm thời thơ ấu bỗng chen lấn nhau trong tâm hồn Tịnh. Nàng đi dạo vào những buổi mai mát rượi bên những đầm sen bát ngát gần làng Mạc Cửu. Màu bông hồng lẫn màu bông trắng ló nhố từ những đám lá xanh lênh bênh trên mặt nước yên tĩnh. Đám mai rừng gần lối bên lăng ươt sững sương đêm. Mẹ nàng thường dẫn nàng lên đó để lễ bái và chỉ cho nàng xem một cây mai già nua sống hơn nửa thế kỷ. Những buổi trưa, Tịnh theo bọn bạn bè chui vào hang Đá Dựng tối như mực, uốn lượn khúc khuỷu, dẫn tới một cái cửa hẹp trở lên hòng núi. Người hướng dẫn thi vị hóa cái cửa đá chật hẹp kia là cửa Thiên Đàng. Rồi nàng leo lên Lầu Trống của một bực đá sững ươt và vỗ nhẹ lên bộ ngực chưa đủ sức biến nàng thành một thiếu nữ để nghe tiếng vọng huyền bí, xa xôi vào vách đá.

Tịnh đã mắt hẳn những cảnh tượng thơ mộng từ khi ba nàng rủ bà vợ góa theo mình về côi bên kia. Tuổi trẻ nàng được thông dong chiều đái hơn Ngự. Khi nàng về sống với với vợ chồng ông Phủ, nàng vẫn được thánh thời, tiếp tục đi học. Song cái mặc cảm mồ côi vẫn làm nàng bi quan. Tâm hồn nàng lại bị khung cảnh thơ mộng ở Hà Tiên gồm biển, núi, rừng, đồi buộc chặt. Cánh cửa phòng vụt mở và kèm theo tiếng kêu thanh và nhào của Ngự:

- Làm gì đó? Ra đây em chỉ cho coi cái này!

Lão Tự khệ nệ bê hai chậu cúc vàng đặt lên thềm, tạt cửa vào lẩm lúa. Hoàng bước ra giúp lão một tay. Gian phòng bừa bãi và luộm thuộm của Hoàng nhúm lên một chút tươi sáng vì màu vàng óng ả của hai chậu cúc rồi. Lão Tự nhìn chung quanh căn phòng. Chiếc giường ngủ bừa bãi chắn chiếu. Màu áo gói trắng đổi thành màu ngà, chỉ còn vài lỏm trắng nuối tiếc khẹp nép bên trong. Chiếc mũng rêu xạm lúc nào cũng mắc lên bốn tréo góc, không buồn đem xuống xếp lại. Kệ sách nghiêng ngửa. Vài ba cái áo lỏn ngổn mắc trên đầu đinh đóng ở vách ván. Chiếc đàn vĩ cầm nằm lỏng chông trên bàn viết. Một lớp bụi mờ nhẹ như một áng sương chiều màu xám phủ lên mọi vật dụng trong nhà.

Lão Tự nói:

- Tui sẽ giúp cậu trang hoàng nhà cửa cho tươm tất một chút để cho có vẻ Tết nhứt.

Hoàng cười buồn:

- Và cháu sẽ cùng bác ăn một cái Tết chung nhau cho có bậu bạn.

Tường lẻo đẻo đi theo sau Tịnh, bước trở tới chỗ lão Tự đứng. Hoàng đột nhiên nhìn chăm chăm vào phía Tịnh. Nàng bối rối, dừng lại hỏi Ngự:

- Cái gì ngộ đâu?

Ngự ngoẻo đầu qua vai Tịnh:

- Thấy chị buồn, kéo chị ra đây xem lão Tự sửa soạn nhà cửa cho anh Hoàng.

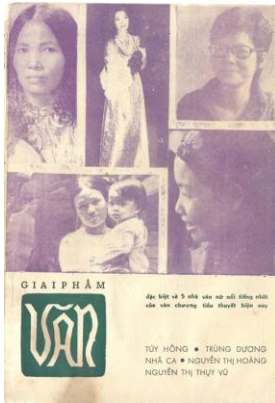
Tịnh ngồi xuống chiếc băng đá dưới gốc cây hoàng lan trên sân gạch, nhìn qua lẩm lúa.

[...]

Nguyễn Thị Thụy Vũ với "Lòng Trần" Hồ Trường An

Trong 30 năm qua, Hồ Trường An đã cho xuất bản nhiều tập nhận định, phỏng vấn văn nghệ sĩ (Chân Trời Lam Ngọc, Theo Chân Những Tiếng Hát, Sàn Gỗ, Màn Nhung, Ảnh Trường Kịch Giới - 2012), song gần đây ông viết phê bình văn chương, là lãnh vực thân cận của ông, bởi ông đọc nhiều và có óc quan sát tinh tế, trí nhớ tỉ mỉ và viết cặn kẽ.

LTS: Bài sau đây trích ra từ chương sách thứ chín của cuốn *Trên Nẻo Đường Nắng Tươi* của nhà văn Hồ Trường An, chưa xuất bản.



Ông viết: "Chương chín này là chương chót của quyển biên khảo *Trên Nẻo Đường Nắng Tươi* gồm có bốn truyện ngắn: hai của Võ Đình, một của Nguyễn thị Hoàng, một của Nguyễn thị Thụy Vũ. Bốn truyện ngắn đó lột ra cái khung hiện thực và tân hiện thực đã từng phong tỏa văn chương Việt Nam từ bao năm qua mà Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng, Nguyễn Mạnh Côn, Thanh Tâm Tuyền và Võ Phiến nỗ lực để xông xáo bước ra.

Qua bốn truyện ngắn này, ba tác giả cố gắng noi theo gương Tôn Hành Giả trong *Tây Du Ký* của Ngô Thừa ân để làm cuộc cân-đầu-vân, với mỗi bước nhảy vọt là bay thật xa. Họ có đến chân trời tư tưởng bao la và lạ lẫm nào không? Cái đó còn tùy theo mỗi khía cạnh nhận xét của bạn đọc nào muốn nhìn sâu vào hiện hữu, muốn đón

nhận sự canh tân trong văn chương, muốn thoát ra khỏi không khí buồn nản của văn chương tả chân (hiện thực, tân hiện thực) từ xưa đến giờ.

Nguyễn thị Hoàng và Nguyễn thị Thụy Vũ không hề nêu tình ý gì rõ ràng trên mặt chữ. Cả hai viết khơi khơi. Trừ Võ Đình đôi lúc trình bày một vài nhân sinh quan sơ sài lộn vụn, còn hai nữ sĩ kia chỉ trình bày diễn biến của sự việc, kèm theo đó là công việc miêu tả (tả cảnh, tả người, tả một vài tâm trạng của hân vật).

Nhưng ẩn sau mặt chữ của họ thấp thoáng bao điều làm chúng ta ray rứt bàng hoàng khiến chúng ta nghĩ ngợi không thôi. Một chân trời tư tưởng mênh mông và thăm thẳm? Một bí nhiệm nằm sau lưng cuộc sống hay ở ngay trong cuộc sống? Làm sao chúng ta nắm bắt được trọn vẹn ý tình của ba tác giả kia? Tuy nhiên, chúng ta vẫn cứ tiếp tục ray rứt bàng hoàng, vẫn cứ tiếp tục suy gẫm...

Võ Đình đến với chúng ta qua hai truyện ngắn *Chuyện Cây Bàng* và truyện ngắn *Lại Chuyện Cây Bàng*. Hai truyện ngắn này ở trong tập truyện **Lâu Xếp** xuất bản vào năm 1997. Nguyễn thị Hoàng đến với chúng ta qua truyện ngắn *Tan Trong Sương Mù* ở trong tập truyện Bóng Lá Hồn Hoa do Văn xuất bản vào năm 1973. Và sau hết, Nguyễn Thị Thụy Vũ đến với chúng ta qua truyện ngắn *Lòng Trần* trong tuyển tập truyện ngắn gồm nhiều tác giả *Những Truyện Ngắn Hay Nhất Trên Quê Hương Chúng Ta* do Sóng xuất bản vào năm 1973. Trước đó, hình như vào năm 1969 thì phải, truyện ngắn này được đăng trên tập san Văn do Nguyễn Đình Vượng làm chủ nhiệm, nó có cái tựa là *Muồng Nước Mắt*."

Đó là phần vào đề của chương chín. Kỳ này nhân số Chủ đề Phụ Nữ, Khởi Hành trích đăng sau đây phần viết về hai nữ sĩ Nguyễn Thị Hoàng và Nguyễn Thị Thụy Vũ để chúng ta cùng thưởng thức văn biên khảo văn học của nhà văn Hồ Trường An. Trong bài đôi chỗ có những nhận xét có thể gây hiệu ứng thái quá, chúng tôi vẫn đăng tải, vì nghĩ rằng Hồ Trường An cầm bút đã hơn bốn mươi năm, ông có lý do riêng của mình mà chúng ta dù không hoàn toàn đồng ý vẫn nên tôn trọng tác giả.

Nguyễn thị Thụy Vũ, tác giả truyện ngắn *Lòng Trần* là chị ruột của bút giả nên bút giả biết rất rõ xuất xứ của truyện ngắn này cùng khuynh hướng văn chương của tác giả. Đây là câu chuyện có thật thuộc về họ ngoại của cụ thân sinh của tác giả và bút giả. Trong truyện, cô đào hát bội Năm Thành và sự nữ Diệu Tâm chỉ là một người. Nữ nghệ sĩ Năm Thành sau khi chồng và đứa

con trai đều chết nên cắt tóc đi tu, có cái pháp danh là Diệu Tâm. Nhưng ở ngoài đời bà Năm Thàng là mợ dâu của bà nội chúng tôi, còn sư nữ Diệu Tâm là cô họ của cụ thân sinh tôi.

Tên của bà Năm Thàng ở ngoài đời là Tư Bồn. Bà lấy tên thật của mình làm nghệ danh. Bà thuộc hàng ngũ tiền phong trong ngành hát bội, trước lớp các bà Năm Nhỏ, Năm Chung, trước luôn lớp các bà Năm Sa-Đéc, Cao Long Ngà, Ba Út, Sáu Bê, Hai Sáng, Năm Đồ... Trong quyển *50 Năm Mê Hát*, cụ Vương Hồng Sển có viết vài hàng về nữ nghệ sĩ này.

Câu chuyện về cuộc đời của bà Tư Bồn và của sư nữ Diệu Tâm được ông thân sinh chúng tôi thường kể khi ba cha con nhắc tới làng Đạo Thạnh, thuộc tỉnh Mỹ Tho. Đó là nơi sản sinh hai nữ nhân vật ấy. Do đó, chi Thụy Vũ tôi liền nhập họ làm một đề tạo ra nữ nhân vật chính trong truyện ngắn *Lòng Trần*. Truyện rằng:

Năm Thàng là cô đào hát bội, thanh sắc lẫy lừng được một ông phú hộ say mê. Ông tình nguyện gia nhập gánh hát để được theo bước lưu diễn của cô. Ông săn sóc cô và soạn tuồng để cô diễn. Cảm động tấm chung tình của ông, cô bỏ nghề hát để làm vợ ông. Rồi đó, ông chồng chết vì tai nạn sét đánh, đứa con của cả hai cũng chết sau đó ít lâu. Cô Năm Thàng cắt tóc đi tu, lấy pháp danh là Diệu Tâm, sống khổ hạnh, giữ trai giới rất nghiêm ngặt cho tới tuổi già bóng xế.

Ngờ đâu, trong phút hấp hối, sư nữ Diệu Tâm đòi húp một muỗng nước mắm. Nhưng họ hàng thân tộc của bà cho rằng bà sắp thành chánh quả mà còn bị quỷ ma theo khuấy phá để bà bị tội phạm giới. Cho nên nọ nhất định không chiều theo ý của bà. Bà chết trong cơn hành hạ của thể xác, trong cơn thèm thuồng không được thỏa mãn. Càng chua xót hơn, trong phút lâm chung, bà quên mình là kẻ tu hành mà chỉ nhớ mình là cô đào hát bội Năm Thàng:

... Tất cả đứng im lặng chung quanh giường chờ đợi phút nghiêm trọng của ni cô trong khi ni cô vật vã từng đợt với Tử thần. Tiếng nói của bà vụt sang sảng như lúc còn trên sân khấu. Giọng nói trong trẻo, tỉnh táo nhưng đôi mắt bà vẫn nhắm nghiền:

- Tôi mới biết thương mình, mấy năm mình khổ công theo đuổi tôi, mình đặt tuồng cho tôi hát.
- Con gắng học hành cho đỗ đạt làm quan nghe con cưng của má.
- Tôi chỉ thích sắm vai Đoàn Hồng Ngọc hơn làm Phàn Lê Huê. Mình thích tôi diễn vai nào nhứt?
- Bớ này Tiết Giao! Ở này bạc tình lang! Mặt chàng đẹp mà làm chi? Lờn chàng ngọt ngào làm chi? Để thiếp ngày nay mất ngọc, thân thiếp bơ vơ.

Cả một ký ức trời nhanh lên óc bà rõ rệt và nhanh như một phim quay hết tốc lực của nó. Bà đọc thoại từ quăng đời sân khấu đến quăng đời làm vợ ông phú hộ Thọ. Giọng bà đang sang sảng vụt dừng lại, dưới ánh đèn hiu hắt, ni cô mở trừng trừng đôi mắt trắng nhợt như cổ thu hình ảnh sau cùng của đời sống và ni cô quờ quạng hai bàn tay trợ xương với lời van vãn đứt nối:

- Hãy cứu tôi, cho tôi một muỗng nước mắm thôi.

Cô cháu dâu nhìn bà em họ:

- Mợ ơi! Mợ nhờ sư sãi đọc kinh trừ tà nghen. Cần nhứt là canh giữ đừng cho ai đem nước mắm lại.

Bà em họ tức mình:

- Để tôi đọc kinh cứu khổ. Hồi xưa Phật Thích Ca gần đắc đạo thì ma vương tới phá. Còn chị này sắp về Tây Phương tới nơi cũng chưa yên thân (*CGTT, các trang 77, 78*)

Tác giả trình bày sự việc theo lối kể truyện ở đoạn hồi ức về dĩ vãng vàng son của ni cô Diệu Tâm. Nhưng ở đoạn tả cảnh chùa trong phần nhập đề, ở đoạn bà nằm trên giường bệnh, tác

giá mới thật sự viết văn. Bút pháp của chị đơn giản, đôn hậu và chân phương qua lối dụng ngữ miền Nam Kỳ Lục Tỉnh rất hồn nhiên và linh hoạt.

Từ nếp sống lưu diễn vinh quang, kinh qua nếp sống khuê các trên nhung lụa để đi đến nếp sống tịnh trai khổ hạnh trong chùa, ni cô Diệu Tâm (*hậu thân của nữ nghệ sĩ Năm Thành*) phải gồng mình khép mình trong trai giới. Đó không phải bà tu vì giác ngộ lẽ vô thường mà là để trốn tránh nỗi bất hạnh đau thương. Từ khởi điểm, bà đã đi lạc đường lối tâm linh. Bà trốn tránh cái thất vọng chứ không chịu quán niệm về cái Tánh Không của vạn hữu để thấy cái phù ảo huyền hoặc của thuận cảnh hay nghịch cảnh trong kiếp sống. Bà không dám đối diện với thất vọng đau thương để phá mê diệt khổ. Đau thương, thất vọng, đam mê, đắc ý, khoái lạc, tất cả đều là phiền não do cái Ngã tạo nên. Càng trốn tránh cái Ngã, nó chỉ tạm thời lặn sâu dưới Tầng Thức chúng ta. Nhưng hề có cơ hội thuận tiện là nó trồi lên bình diện của ý thức. Nó vùng vẫy, hung hăng đánh phá tâm thức chúng ta. Đó cũng giống như cái lò so mạnh bạo bị dồn nén tới đa. Nhưng đến một khi nào đó, sự dồn nén lơi đi, nó bung ra với sức vùng vẫy cũng không kém dữ tợn.

Trong trường hợp ni cô Diệu Tâm, bà càng gồng mình trì giới, thì càng bị sức quyến rũ của giới cầm thu hút. Khi còn mạnh khỏe, bà còn đủ sức áp đảo nó bằng ý chí kiên cố. Nhưng khi đau yếu, ý chí đó trở nên bạc nhược nếu không tiêu tan rời rã đi. Nó vùng lên như hòng hỏa diệm sơn khạc lửa và tuôn phúng xuất thạch không ai cưỡng nổi. Nó như quả bóng ném mạnh vào bức tường để rồi dội ngược vào người ném một cách thô bạo.

Thân xác bà mòn mỏi trong giấc hôn mê chập chờn, bà nghe tiếng tụng niệm ngoài chánh điện. Trong bóng tối mù mờ, loáng thoáng có tiếng muỗi vo ve, đột nhiên ni cô Diệu Tâm cảm thấy miệng mình lạt quá, lạt kinh khủng! Phải chi có một chút nước tương để bà nếm thử. Trí óc bà dán chặt vào ý nghĩ đó, lưỡi bà khô đi đồng thời nước dãi tuôn ra đầy miệng. Thế rồi ý nghĩ bà trôi xa hơn, nước tàu vị iểu, rồi tới nước mắm. Cơ thể bà vụt bùng lên. Nước mắm! Nước mắm! Ni cô Diệu Tâm nuốt ực nước miếng. Một nỗi xót xa là nước mắt bà ướt đầm. Có cái gì chống đối trong từng thớ thịt, khớp xương của bà.

Bà vụt nghĩ, nếu có một muống nước mắm chui vào bao tử của bà thì có lẽ những chấn động, phản đối trong cơ thể mòn mỏi sinh lực của bà sẽ dịu xuống, và muống nước mắm sẽ đem lại cho bà cái khỏe khoắn để bà ngủ một giấc thật ngon và ngày mai bà sẽ tiếp tục sinh hoạt lại như cũ dưới mái chùa này.

- Nước mắm! Muống nước mắm!

Ni cô hoàn toàn quên mất cái hiện tại trong chùa, quên cả mười năm tu hành. Bà rơi trong ý thức mù mờ chỉ có hình bóng muống nước mắm bằng sứ trắng chứa một thứ nước vàng trong suốt như nước trà. Kê miệng mà nếm thử phải biết. Ni cô Diệu Tâm co rúm lại, thờ hồn hển. Ba tiếng muống nước mắm như ba nhát búa đập vào đầu óc bà làm bà lảo đảo.

Bà phải uống một muống nước mắm. Ngày mai dầu có phải đọc kinh sám hối, bà cũng không màng. Bà tin chắc chắn rằng dầu đọc kinh cứu khổ cứu nạn với Đức Bạch Y Quán Thế âm Bồ Tát cũng chưa chắc mầu nhiệm bằng một muống nước mắm. Nước mắm sẽ là món thuốc tiên làm cho cây khô trở bông, làm cho bao nhiêu sinh lực của bà bùng sống lại. Cố gắng hết tận hơi, bà thều thào gọi chú tiểu kiếm cho bà một muống nước mắm.

Tất cả những người có mặt quanh giưòng đều ngạc nhiên lẫn hốt hoảng.

Diệu Tâm lập đi lập lại mấy lần:

- Mô Phật! Cho tôi một muống nước mắm, tôi uống vào sẽ hết bệnh liền.

Tiếng kêu gọi van vỉ, thê thảm. Hai tay Diệu Tâm chìa ra tuyệt vọng. Chú tiểu bùng đến gần bà tách trà ướp sen, kề gần miệng bà. Ni cô khép chặt môi phản đối:

- Tôi chỉ cần uống một chút nước mắm cho mặm mòi.

Nói xong, ni cô chìm hẳn vào cơn đồng thiếp; hai cánh tay gầy guộc còn giương ra quờ quạng van xin. (*Chuông Gióng Thênh Thang, các trang 76, 77*)

"Tôi bước vào văn đàn bằng những truyện ngắn. Truyện ngắn khó viết vì tư tưởng lẫn cảm hứng chỉ được diễn tả trong một khuôn khổ ngắn. Người viết phải cô đọng tư tưởng. Tôi thích truyện ngắn không có cốt truyện, mà đầy nhiều chi tiết soi sáng thái độ lẫn quan niệm của tác giả đối với văn chương và cuộc đời. Trong ba tập truyện Mèo Đêm, Lao Vào Lửa, Chiều Mênh Mông, hầu hết các truyện ngắn đều có cốt truyện hẳn hoi, nên tôi không được vừa ý lắm." (Nguyễn Thị Thụy Vũ trả lời nhà văn Nguyễn Đông Ngạc, 1973).

Đè nén quá khứ đau buồn vào quên lãng, đè nén thất vọng vì những mơ ước không thành. Đó không phải là tu hành đúng phép, đúng cách. Tu là dùng ánh sáng trí tuệ để soi bản thể vạn pháp trong vòng tham sân si rồi đưa tất cả vào Tuệ Giác, vào Tánh Không (*cái Không tuyệt đối, cái gốc rễ rốt ráo*) của chúng. Có vậy, bậc hành giả sẽ tu hành một cách hạnh phúc và thanh thoi. Đè nén dĩ vãng và niềm đau khổ, nhưng có ai giết chết được chúng đâu? Chỉ có xoa dịu chúng, âu yếm vỗ về chúng và để rồi quán chiếu cái gốc rễ của chúng, xem chúng không có thật để ta không bám víu vào chúng nữa. Nếu được vậy, hành giả sẽ thành công như người thợ săn bắt được con trăn bằng cách nắm chặt cổ nó, khác hẳn trường hợp kẻ nắm đuôi trăn bị trăn quay đầu lại quật ngã. Chỉ có ánh sáng Tuệ Giác trong những phút quán niệm, lần hồi ni cô Diệu Tâm sẽ giác ngộ rằng cái quá khứ vàng son của mình là vô thường, nỗi đau khổ của mình cũng là vô thường do sự giả hợp của nhiều yếu tố mà hình thành. Ánh sáng Tuệ Giác sẽ cho bà thấy tất cả đều là không thật, đều là như huyễn, do đó bà sẽ giác ngộ.

Tôi xin lập lại: tu là tìm phương cách giác ngộ chứ không phải để tránh đau khổ. Đau khổ sẽ đuổi theo người u mê lánh khổ cho tới tận cùng dù nó có bị chìm sâu vào đáy thăm tận cùng của tiềm thức đương sự đi nữa. Phật gọi đó là thức thứ 8, Tàng Thức hay là A-lại-da thức. Kho tàng bao la không ngần méo chất chứa những kỷ niệm, biến cố, thiện nghiệp hay ác nghiệp từ vô lượng kiếp đến hiện kiếp. Mỗi tác nhân, mỗi tác nghiệp dù nhỏ như mây lông sợi tóc vẫn còn tồn tại mãi trong cái Tàng Thức ấy, không bao giờ mất đi. Đến cơ duyên chín muồi là chúng tuần tự hiện hành.

Muỗng nước mắm đầu thể làm cho ni cô Diệu Tâm mang tội sát sanh. Nhưng nó là đầu mối, là cánh cửa mở ra để bà thấy lại con đường phạm phu thể tục quyến rũ vụt hiện bày trở lại trước mắt bà. Dù bằng ý thức chưa rõ rệt đi nữa, nhưng bà vẫn còn muốn đi trở lại trên con đường ấy, sau nhiều năm bà phải buộc mình sống trai giới chốn cửa Thiền. Nói rõ hơn, vì không còn phương tiện, cơ hội, sức khỏe và nghị lực, cho nên bà không thể trở lại đường cũ nên bà phải tiếp tục nương nấu chốn chùa chiền để tìm chỗ nương thân và điểm tựa cho tinh thần mình. Lại nữa, tu hành mà ép xác thái quá thì tinh thần cũng bị dồn ép theo lẽ thân tâm tương ứng. Ngày xưa, Đức Thích Ca Mâu Ni tu theo ngoại đạo, nhịn ăn, nhịn ngủ thét rồi thân xác kiệt quệ và tinh thần cũng hôn ám theo. Ngài bèn xuống sông tắm cho sáng khoái, chịu uống sữa do một người thiếu phụ mến kẻ chân tu đem dâng. Xác thân có mạnh khỏe thì tinh thần và trí óc mới trở nên minh mẫn. Nhờ vậy, ngài mới tiếp tục tu cho đến khi thành chánh quả. Đức Phật chủ trương Trung Đạo trong đó có phần Trung Dung trong cách tu hành: đừng nương chiều xác thân trong những thú khoái lạc, nhưng cũng không nên ép xác thân đến độ hành hạ khốc liệt xác thân. Dây đàn chùng quá sẽ không nảy bật ra âm thanh. Nhưng nếu căng thẳng nó quá, nó sẽ đứt.

Viết truyện ngắn *Lòng Trăn*, Nguyễn Thị Thụy Vũ không phải chỉ nêu lên cái hệ lụy ở chính nơi cá nhân cùng cái nghiệp khó tránh mà cá nhân ấy phải chịu trách nhiệm trong việc vay trả. Chị còn nhắm vào bước đường tu tập của con người sợ khổ nên lánh khổ, con người ấy không biết soi sáng căn nguyên cùng bản thể cái khổ. Chồng chết, con chết là cái ác quả của ni cô Diệu

Tâm từ bao thời tiền kiếp hiện hành trong kiếp này. Còn việc bà lạc bước đường tu là bởi bà thiếu Tuệ Giác, tưởng đâu chay tịnh khổ hạnh là được Phật độ để thoát khổ và được chứng một quả vị nào đó. Bà quên rằng tu là trước hết phải thấu suốt quặng đời vinh quang thuở trước và cái tang tóc thảm thê tiếp theo, tất cả chỉ là lẽ vô thường, theo lịch trình sinh diệt. Tu là quán chiếu, là soi sáng bản thể của vạn pháp. Mà bản thể của tất cả đều là Không. Xa lánh cái phiền não (*vốn là Không*) tức là ta còn thấy cái khổ có thật nên mới xa lánh, tức là ta còn khư khư ôm lấy cái mộng tưởng, huyền hoặc. Rồi cuộc ta vẫn còn mê, chưa thể giác ngộ. Tu như thế dù có chay tịnh, ép xác cũng không hiệu quả, cũng như lấy gươm chém vào nước, lấy chày giã nát ánh trăng. Nhưng nếu ta hiểu rõ nó là Không, rồi ta cứ quán chiếu cái Không ấy cho thuần thực thì ta đâu còn bị nó vương vấn, dính mắc dưới đáy thăm của Tầng Thức nữa. Vì đã là Không rồi thì làm gì có chuyện vương vấn và dính mắc nữa?

Qua truyện ngắn *Lòng Trần*, tác giả Nguyễn thị Thụy Vũ trình bày một khía cạnh tâm linh khá đặc thù: lánh tục bằng cách nương nấu chồn am vân chưa chắc là ngộ. Vấn đề mê và ngộ vốn phức tạp và phiền toái. Mê vốn dễ bao trùm giăng bủa khắp mọi loại chúng sinh. Các bậc hành giả nếu đi sai một lần tơ kẽ tóc là bước qua đường tà có nhiều biển khổ bên mê đón đợi. Tu hành phải dựa vào nền tảng Chánh Kiến và phải do Chánh Tư Duy soi sáng hướng dẫn. Con đường đưa tới bờ chứng ngộ thấp thoáng nhiều bóng ma. Bóng ma! Đó chỉ là cách nói những chướng ngại nội tâm tuy vi tế nhưng mãnh liệt khiếp được cụ thể hóa bằng hình ảnh ghê rợn để cảnh giác các hành giả đề phòng và xa lánh. Còn chướng ngại ở ngoại giới để tránh hơn vì nó thô tháp và diễn biến nhanh nên dễ làm cho hành giả nhận chân được chứng ngay.

Ni cô Diệu Tâm bị chướng ngại ngoại giới khi chưa xuất gia đầu Phật, bị chướng ngại nội tại khi ở chùa. Nghiệp lực cứ đưa đẩy bà vào từ cái đau khổ này đến cái phiền não kia. Đây là một nhân vật được tác giả dùng để nêu ra một khía cạnh tiêu cực của vấn đề tâm linh, vấn đề tu hành. Độc giả không sao khỏi ngậm ngùi cho kiếp nhân sinh nói chung, cho nhân vật nói riêng. Nêu ra như thế, tác giả không nhằm mục đích bài xích chuyện tu hành hay nhạo báng các hành giả. Trái lại, chị đưa độc giả đối diện và quan sát chuyện phá mê diệt khổ, giúp họ thấp sáng chánh kiến khi dẫn thân vào con đường tu tập. Cái tiêu cực của chuyện vẫn dung chứa mầm mống tích cực để giúp hành giả tránh những chướng ngại và chạp bầy do cái tà kiến tạo ra.

Tổng kết: Quyển tuyển tập *Những Truyện Ngắn Hay Nhất Trên Quê Hương Chúng Ta* ít có những tác phẩm có ý tình chôn sâu sau mặt chữ, trừ *Cửa Tùng Đồi Cánh Gài* của Nhất Hạnh, *Con Thần Lăn Chơn Nghiệp* của Hồ Hữu Tường, *Một Ngày Để Tùy Nghi* của Võ Phiến... Bởi họ là những nhà văn lớn hoặc là nhà tư tưởng lớn, cho nên các nhà biên khảo và các nhà phê bình cày cục tìm tòi những ẩn dụ tư tưởng trong các tác phẩm của họ. Còn về phía các truyện ngắn của các nhà văn nữ đóng góp trong tuyển tập đó, có lẽ truyện ngắn *Lòng Trần* của Nguyễn thị Thụy Vũ được nói tới nhiều. Không hiểu các nhà biên khảo và các nhà phê bình khi đề cập tới truyện ngắn ấy đã nắm bắt những gì qua khía cạnh tâm linh? Nhưng hình như chẳng có ai nhìn nó qua lăng kính Duy Thức Học, trong đó có một phần nói về Tầng Thức. Họ chú ý tới nó vì hồi kết cuộc của câu chuyện quá bất ngờ, như trái lựu đạn nổ tung vào tín ngưỡng và vào ảo tưởng của họ. Riêng truyện ngắn *Tan Trong Sương Mù* của Nguyễn thị Hoàng, gần 50 năm qua mấy ai còn nhớ? Và chẳng có nhà phê bình nào, nhà biên khảo nào thềm đoái hoài tới nó, viết cho nó vài câu. Thật ra mấy ai chiêm cảm được cái ẩn dụ của tác phẩm này? Mấy ai có kinh nghiệm khi đọc một tác phẩm văn chương có ẩn dụ? Mấy ai biết cái giá trị không nhỏ của ẩn dụ trong văn chương? Mấy ai hiểu rằng tìm được cái ẩn dụ trong tác phẩm là mở tung cánh cửa đóng kín trên mặt chữ để bước vào một chiều sâu đáng kể của nội dung tác phẩm?

Riêng về Võ Đình, độc giả chỉ nghĩ rằng anh là một họa sĩ nổi danh, còn văn chương là nghề tay trái. Bởi cái thành kiến kiên cố ấy nên họ không tìm được chất phục linh và chất hồ phách quý giá ở cây tùng sống trên vài trăm năm qua hai quyển tập truyện *Xứ Sấm Sét* và *Lầu Xếp*.

Nguyễn thị Thụy Vũ với truyện dài “Khung rêu” Hồ Trường An

“Khung Rêu” là một truyện dài trong 10 tác phẩm của Nguyễn Thị Thụy Vũ, đã đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc vào năm 1971, đánh dấu thời huy hoàng của các cây bút nữ lưu như Nguyễn Thị Vinh, Linh Bảo, Thanh Phương, Minh Đức Hoài Trinh, Minh Quân, Túy Hồng, Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Trùng Dương, Lê Hằng, Trần Thị NGH (Trần thị Nguyệt Hồng), Nguyễn Thị Ngọc Minh, Ngô Thị Kim Cúc...

Quyển sách do Kê Sĩ xuất bản vào năm 1969. Sau đó, dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, nó được tái bản cùng với quyển truyện dài “Chiều Xuống Êm Đềm”; khi tung ra hải ngoại nó được bán đắt như tôm tươi. Vào năm 2000, nó lại được Văn Nghệ tái bản lần thứ hai, nhưng cách trình bày cầu thả, sơ sót nhiều lỗi chính tả và nhiều lỗi sơ xuất khác làm cho câu văn hoặc câu đối thoại có ngôn ngữ Bắc Nam ba rọi, đọc lên nghe lố bịch và buồn cười. Cho nên độc giả sành điệu không còn cảm thấy thú vị nữa khi lao từ trang đầu tới trang cuối. Chúng ta không thể ngờ một nhà xuất bản nổi tiếng ở hải ngoại như nhà xuất bản Văn Nghệ, khi gặp hồi mạt vận, làm việc một cách cầu thả, tất trách như vậy.

Bài nhận định này dù vậy vẫn căn cứ vào các ấn bản do Văn Nghệ tái bản.

Đây là câu chuyện tang thương trong một gia đình địa chủ giàu sang tới hồi khánh kiệt, nhưng nó được lồng vào một thời đại nhiễu nhương, khi mà giai cấp địa chủ tới giai đoạn mạt kiếp trong cuộc chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh. Tác giả lấy một bối cảnh nhỏ lồng vào một vấn đề lớn lao: cảnh ngộ biến suy dập vùi trên lớp sóng phé hưng, trên khúc quanh của thời cuộc, trong sự vận hành của lịch sử. Xin đọc những lời trần tình của tác giả ở mục “Thay Lời Tựa”:

Từ hồi còn nhỏ tôi đã phải chịu đựng một ám ảnh thường xuyên: sự suy sụp bệ rạc của một gia đình thịnh mãn ở miền Nam. (Cái thịnh mãn của hạng điền chủ ở miền Nam trước đây đã là tục ngữ...). Nguyên nhân chánh của sự suy sụp bệ rạc này thì ai cũng biết: chiến tranh. Một cuộc chiến tranh dằng dai hai mươi lăm năm, khoảng thời gian gần bằng số tuổi của tôi.

Tôi sanh ra và lớn lên trong một dòng dõi đã đến hồi ly tán. Cái họ của tôi gồm hai chữ có gạch nối có thể sẽ gọi lên những cảnh sống huy hoàng, vương giả của một thành phần xã hội trong trí nhớ ao tù của những ông già bà lão, những cảnh sống mà tôi chỉ nghe kể lại như một chuyện hoang đường trong những lần giỗ chạp.

Bây giờ chỉ còn lại một ngôi nhà thừa tự, cột kèo chạm trở tinh vi đã mục rệu, và chẳng bao giờ lành những vết thẹo của chiến tranh không tha, những điền sản cò bay thẳng cánh chỉ biết đến qua một đồng bằng khoáng vô dụng mà giấy đã ó vàng và dòn tan, một đám bà con xa gần chi chút, nhỏ nhen ích kỷ như sò hến và hoàn toàn vô tích sự.

Tâm lý của hạng người này khá đặc biệt. Đó là những thằng chổng trôi giạt lênh bênh trên dòng sông hung tợn, một hạng người khur khur ôm lấy cái quá vắng vàng son (nát đậu cũng còn bờ tre), dờ thây dờ thợ dờ cu ly, bắt lực trước sự biến đổi nhãn tiền của cảnh ngộ, bầu vịu vào nhau mà sống sót. Trong ngôi nhà thừa tự đó, mỗi người là một hòn đảo của những thói hư tật xấu... Có phải con người một khi đã mất thăng bằng trong cuộc sống vật chất thường để lộ ra rõ

riết hơn bao giờ hết những xấu xa tàn tệ của mình? Và một giai cấp cũng vậy.

Khi khởi công quyển truyện này, tôi đặt trước cho tôi một chủ định: ghi lại cái ám ảnh từ thời nhỏ dại đó của tôi, trong ước vọng, một lần nữa, giải tỏa nó cho xong.

Lẽ hiển nhiên, tôi không hề có ý định làm công việc của nhà xã hội học hay của nhà đạo đức học. Những công việc này vượt quá sức của tôi. Và lại, chúng cũng chẳng lợi lộc gì cho tôi.

Tôi cũng không có ý định phân tích các nguyên nhân, và nhất là phê phán một ai hay một điều gì. Cho riêng tôi, tôi chỉ muốn dựng lại cái thế giới khốn đốn đã bao trùm tôi cho đến ngày nay. Tôi chỉ muốn mô tả một hiện tượng xã hội hoàn toàn thân thuộc mà thôi.

Tiểu thuyết là tưởng tượng, ai cũng biết vậy, nhưng có tưởng tượng nào không bắt nguồn từ một phần sự thật?

Sở dĩ tôi trình bày như vậy, là để xin những người thân thích của tôi, nếu có dịp rảnh rỗi nào đọc quyển truyện này, hãy rộng lòng tha thứ cho tôi.

Vậy thì chúng ta nên xếp tác phẩm “Khung Rêu” của Nguyễn Thị Thụy Vũ vào loại nào. Hiện thực? Không thể được, vì loại hiện thực chỉ là một sự ghi chép biến động trong gia đình hoặc trong xã hội một cách khách quan, không thêm thắt một nhân sinh quan, một thái độ nào trước cảnh bề dẫu hưng phế. Tân hiện thực chẳng? Thật ra những nhân sinh quan mà tác giả đưa vào tác phẩm hơi ít, không đủ dung lượng nâng tác phẩm lên hàng tân hiện thực. Nó chỉ ở lưng chừng giữa hai lần mức hiện thực và tân hiện thực mà thôi. Nhưng chúng ta nắm chắc một điều: tác giả viết về gia đình mình từ thế hệ ông bà đến thế hệ cha chú mình, dĩ nhiên không có tác giả hiện diện trong tác phẩm. Cho nên chúng ta không thể gọi đây là quyển tiểu thuyết tự truyện (roman autobiographique) của tác giả được. Danh sĩ Tào Tuyết Cần khi viết bộ “Hồng Lâu Mộng” còn có thể hé hé cho đọc giả biết nam nhân vật chính Giả Bảo Ngọc trong quyển tiểu thuyết tràng giang ấy là bức phóng ảnh của mình. Nhưng Nguyễn Thị Thụy Vũ thì không chịu xuất hiện trong tác phẩm nên không làm sống dậy thế hệ thứ ba (tức là thế hệ lũ cháu nội của ông Phủ trong truyện), trong đó có tác giả.

“Hồng Lâu Mộng” bắt đầu với cảnh hưng thịnh của họ Giả và đi lần vào cảnh gia biến lụn bại, nhưng kết cuộc còn vớt vác được chút ít yên vững của nghiệp nhà. Nhưng “Khung Rêu” bắt đầu vào cảnh lụn bại, nhưng bề ngoài gia chủ (tức bà Phủ, vợ kế của ông Phủ) cố tình che giấu để vớt vát thể diện với xóm làng. Rồi vì cha con ông Phủ hư hỏng nên cảnh tái hưng không hề được xảy ra.

Mở đầu câu truyện, tác giả lần lượt giới thiệu gia đình ông Phủ (không được tác giả nêu tên) gồm có: Vợ chồng ông Phủ, ba người con trai riêng của ông Phủ gồm có Canh, Thụ và Tường. Chiêu là con của ông Phủ và bà Phủ kế vốn là kẻ bán nam bán nữ. Ngoài ra còn có cô Tịnh là cháu gái kêu ông Phủ bằng cậu và cô Ngự vốn là cháu gái kêu bà Phủ kế bằng cô. Trong hàng tôi tớ gồm có lão Tự, thằng Mọt (vốn người Miên), cô Ngà và cô Lại. Lại còn thêm người nam sinh tên Hoàng ở trọ ăn cơm tháng.

Ông Phủ là một bậc đường quan và điền chủ giàu có. Nhưng khi vào truyện thì ông đã hưu trí và đất đai của ông trong vùng Việt Minh chiếm đóng bị sung công. Bà Phủ trước khi kết hôn với ông đã có một đời chồng. Bà khôn ngoan, khéo léo, ăn ở với ba người con riêng của chồng rất tử tế, lại biết quán xuyến đảm đang trong ngoài để tạo cho chồng một cuộc sống êm ấm. Canh

là tên trưởng nam ngô nghịch, chỉ muốn cha mình sớm chia gia tài cho mình để được ăn chơi phung phí. Thụ, người thứ nam có cá tánh khá rõ rệt, rất hưởng ứng theo cao trào vào chiến khu của Việt Minh để chống Pháp. Tường là kẻ hời hợt, nhẹ dạ, lười biếng. Tịnh là cô gái lẳng mạn, tinh thần yếu đuối, yêu Hoàng tha thiết bằng một mối đam mê oan nghiệt. Ngự là cô gái lòng dạ lỏng lẻo, tâm tính bốc đồng, chuộng vật chất xa hoa. Chiêu thì thích làm con gái, thích sống theo cuộc đời phụ nữ, nhưng bị mẹ o ép phải làm thanh niên nam tử trong khi đó trái tim Chiêu rung động bởi hình ảnh thơ mộng của Hoàng. Lão Tự là người lão bộc trung thành, tình lý đồng cân rất được chủ thương mến. Ngà là cô tớ gái, xinh xắn, nhưng không có cá tính, bị định mệnh chèn ép nhưng không đủ can đảm ngoi lên. Lài và Mọt ưa cà khịa với nhau theo kiểu giỡn bóng đùa trắng nhưng không hề phải lòng nhau. Còn anh nam sinh tên Hoàng cũng chỉ được tác giả tô màu nhạt lẻo, không có gì đặc sắc ngoài khuôn mặt hữu tình và tài chơi đàn. Đây là nhân vật phụ, nhưng vẫn là nhân vật then chốt quan trọng: chàng đã làm cho Tịnh say mê đến điên rồ, làm cho Chiêu biết mình không có trái tim của đáng nam nhi mà lại có một tâm hồn phụ nữ nhạy cảm đối với nam giới. Đã vậy, à Lài còn đồ đốn say mê thầm lặng Hoàng và khinh rẻ Mọt vốn là kẻ dị chủng (người Cao Miên). Lại có hai nhân vật ở ngoài gia đình ông Phủ, cũng được tác giả nói khá kỹ. Đó là ông Tám, cha của Ngà và Đực, anh chàng nông phu đã từng say mê Ngà và cưỡng bức Ngà.

Thảm kịch bắt đầu lúc ông Phủ cưỡng hiếp Ngà và Ngà mang thai. Cả nhà ăn một cái Tết khá hạnh phúc, trừ ông Phủ và Ngà (vì cả hai có tâm sự riêng). Sau Tết, câu chuyện mang thai của Ngà mới được tiết lộ. Để che miệng thế gian, bà Phủ định cho Mọt một ít ruộng đất để y ta cưới Ngà. Nhưng ông Phủ không chịu. Thế là bà Phủ dọn ở riêng, dù trong khuôn viên của chồng mình. Bà không thèm coi sóc việc tề gia nội trợ nữa. Còn Canh dù có về nhà an ủi bà Phủ, rồi lại ra đi và không được tác giả nhắc tới nữa. Còn Tường ve vãn Ngự cho tới lúc Ngự mang thai. Rồi cả hai rủ nhau bỏ nhà đi trốn để hưởng hạnh phúc trong một góc trời quê hẻo lánh. Nhưng cả hai không đào đâu ra tiền, cam sống cực khổ rồi trở về ngôi nhà thừa tự. Tịnh và Hoàng yêu nhau đúng như niềm mong mỏi của Tịnh. Nhưng Hoàng phải ra đi, không hiểu có phải theo giấc mộng đi làm lịch sử mà chính vì ông Phủ cấm chàng dan díu với Tịnh. Còn Chiêu thì dù có yêu Hoàng nhưng biết rằng với cái thân phận bán nam bán nữ, chàng không thể nào hưởng hạnh phúc lứa đôi được nên bỏ nhà ra đi. Cao trào kháng chiến dâng cao, Thụ và luôn cả Tường bỏ vào chiến khu. Từ khi Hoàng biệt vô âm tín, Tịnh phát điên lên. Còn ông Phủ bị vợ hắt hủi, đâm ra khổ sở và chết vì chứng xung động tim. Ngà sinh con mà không nuôi được nên có ý định trở về quê sống với cha mẹ và nối duyên với anh chàng nông phu tên Đực. Ngà đi học may rồi ngoại tình với một anh chàng lính kín (tức là viên mật thám ngành Tình Báo của Pháp) rồi bỏ nhà ra đi với tình nhân và dấn thân vào cuộc phiêu lưu tình ái không có ngày mai.

Mười năm trôi qua. Chiến tranh kết liễu. Thụ, Tường trở về thành thị tỉnh Vĩnh Long, chứ không đi tập kết ra Bắc. Bà Phủ và lão Tự đã qua đời. Thụ sống nhờ mẩu vườn cây ăn trái, phần đất hương hỏa còn sót lại. Tường cưới cô thôn nữ xinh đẹp khác, sống bằng nghề chích dạo, chạy ăn muốn hột hơi vì gia đình đông con. Hoàng cũng cưới vợ khác, sống sung túc nhờ tiệm bán phụ tùng xe gắn máy. Chiêu biệt vô âm tín. Người ta đồn Chiêu bị Tây bắt bắn chết tại Rạch Nước Lạnh nên Thụ đành lấy ngày đi của Chiêu để làm giỗ mỗi năm cho Chiêu. Tác giả không được chu đáo vì không nhắc tới Canh, Ngà, Mọt và Lài. Riêng Tịnh thì sau 5 năm ở Dưỡng Trí Viện Biên Hòa đã tỉnh lại trước khi chết. Nàng hỏi thăm người này người nọ và chết một cách sung sướng.

Như đã nói, “Khung Rêu” là chuyện biến cố trong gia đình ông Phủ. Từ một đơn vị nhỏ trong xã

hội miền Nam vào 5 năm cuối của thập niên 40 của thế kỷ 20 cho tới 4 năm đầu của thập niên 50 cũng của thế kỷ này. Nhưng đọc qua những biến cố trong tác phẩm “Khung Rêu”, chúng ta thấy ngay một xã hội toàn vẹn của đất nước Nam Kỳ trong thời chiến tranh giữa Pháp và Việt Minh. Điều này, chúng ta cũng đã biết trong bộ “Khói Lửa Kinh Thành” (“Kinh Hoa Yên Vân”) của Lâm Ngữ Đường do Vi Huyền Đắc dịch. Cứ nhìn vào gia đình họ Tăng, họ Diêu, họ Ngưu thì chúng ta chẳng những biết ngay cái xã hội ở Bắc Kinh, mà còn ở vùng Hoa Bắc (miền Bắc Nước Tàu) và ở khắp địa lục Trung Hoa trong thời Trung Hoa bị Nhật Bản xâm chiếm. Trong khi đó, bộ “Hong Lâu Mộng” của Tào Tuyết Cần và Cao Ngạc không bao giờ hé cho độc giả biết cái xã hội của kinh đô Kim Lăng (Nam Kinh bây giờ) hay của miền Hoa Nam (miền Nam nước Tàu) tức là những cái bên ngoài Ninh Quốc Phủ và Vinh Quốc Phủ của họ Giả. Cũng vậy, bộ “Jalna” của nữ sĩ Mazo de La Roche không bao giờ hé cho độc giả biết cái xã hội ngoài trang trại tên Jalna của dòng họ Whiteoak, từ thế hệ ông cố bà cố cho tới thế hệ cháu chắt. Cho nên cái thành công của Nguyễn Thị Thụy Vũ là đã biết dùng cái nhỏ bé làm điển hình cho cái lớn. Chỉ tiếc một điều là chị thiếu nhân mạng để làm nổi bật cái xã hội ngoài gia đình ông Phủ bằng những chi tiết chọn lọc và tiêu biểu hơn để tô đậm bức tranh xã hội ấy bằng những nét cọ sắc nét hơn, bén gót hơn, có thể chĩa mạnh vào ấn tượng của độc giả hơn.

Câu chuyện với nhiều biến cố trong gia đình ông Phủ chỉ là một tượng trưng cho sự dẫn co giữa hai giai cấp: địa chủ và tá điền. Ông Phủ và bà Phủ điển hình cho giai cấp địa chủ. Ông Tám, Ngà và Đực điển hình cho giai cấp tá điền. Nhưng trong cuộc chiến Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh, chủ điền chẳng những mất hết đất đai mà còn mất hết quyền lực. Vậy mà ở một vài địa phương, nhất là ở chốn thị thành, bởi mang cái thành kiến thâm căn cố đế ăn trên ngồi tróc đối với đám dân nghèo (chẳng hạn như bọn tôi tớ dưới tay mình hay những kẻ làm ruộng mướn cho mình), giai cấp địa chủ vẫn hà hiếp những kẻ làm ruộng mướn cho mình. Ông Phủ cưỡng bức Ngà làm cho Ngà phải mang thai. Vậy mà ông Tám, cha của Ngà không dám tỏ lời trách móc và không có một ý nghĩ đi thưa kiện.

Ông Tám vụt co ro như con cuốn chiếu trước cặp mắt sắc bén của ông Phủ mà ông có cảm tưởng lúc nào cũng chong thẳng về ông. Miệng ông lắp bắp:

-- Dạ... bẩm quan lớn... lóng rày được mạnh giỏi?

Cái mặc cảm thua thiệt vẫn không rời khỏi tiềm thức ông Tám. Ông khúm núm chưa dám ngồi làm ông Phủ phải nhắc lại:

-- Ngồi đi chú Tám. Tôi có câu chuyện muốn nói với chú đây.

Ông Tám như bị thôi miên bởi đôi mắt xéch ẩn dưới cặp chun mày rậm của ông Phủ. Ông lấy chiếc khăn choàng tắm trải trên mặt ghế và áy náy ngồi lên trên. Giọng ông Phủ lúc nào cũng oang oang, cái nhìn từ cặp mắt trũng sâu như mũi kiếm phóng về người đối diện làm ông Tám tưởng chừng tay mình dài và dư như tay con mực.

Ông Phủ mở đầu câu chuyện:

-- Chú tính lên rước con Ngà về dưới phải không?

Ông Tám đáp nhỏ như không dám xác nhận:

-- Dạ.

Ông Phủ châu mày:

-- Theo tôi, con Ngà đang lúc bụng mang dạ chửa chú nên để nó ở trên này

Tôi sẽ hết lòng lo cho mẹ con nó được vuông tròn.

Ông Phở ngừng lại dò xét phản ứng trên mặt người đối diện rồi tiếp lời:

-- Dầu gì đi nữa, nó cũng là vợ tôi. Đứa nhỏ trong bụng nó là do khí huyết tôi tạo ra, lẽ nào tôi làm ngơ cho đành đoạn. Nếu chú bằng lòng, tôi sẽ sai trẻ nó về rước chú lên ở với anh Tự cho vui. Hai anh em bạn già hủ hỉ với nhau cho có bạn.

Ông Tám ngồi yên, miệng cơ hồ bị khóa lại. Ông còn chỉ biết gật đầu vâng dạ về mọi lời đề nghị của ông Phở và như từ bao lâu rồi, ông thấy mình hèn hạ, bạc nhược, nhỏ nhoi trước con người mà ông đã nung nấu thù hận. Ông Tám ngồi thừ ra như một khúc củi.

Ông Phở ngó vào nhà giữa:

-- Ngà đâu? Ra đây biểu coi.

Ngà bước ra với chiếc áo bà ba vải phin trắng. Á nhìn ông Tám, đôi mắt đăm lẹ. Còn ông Tám thấy con mình lếch bệch với cái bụng gần ngày ông cũng không cầm được nước mắt tủi cực. Ông đứng dậy, chấp tay lên ngực:

-- Con xin kiêu quan lớn. Xin phép quan lớn cho con nói chuyện riêng với con Ngà một chút.

Ông Phở lại hỏi:

-- Chú chịu lên ở chợ không?

-- Dạ bẩm quan lớn để con suy nghĩ lại.

Ông Phở cười có vẻ cời mờ:

-- Nếu chú không thích ở đây thì tôi cho bút chú phần lúa mỗi năm.

-- Dạ cảm ơn quan lớn.

Ông Phở liếc qua Ngà rồi lại nói :

-- Bề gì tôi với chú cũng là chỗ thân tình với nhau. Chú đừng ái ngại gì hết.

Ông Phở day qua lão Tự :

-- Hình như trong nhà còn chai rượu đế. Anh nên bắt con vịt cà cuống thật mập nấu cháo cho chú Tám giải lao. Phen này hai ông bạn già nhậu say một bữa.

Ông Tám bước xuống thềm lủi vào bóng tối. Ngà đợi ông ở nhà ngang, tại căn buồng riêng bỏ hoang từ mấy tháng nay của ả. ả khêu ngọn đèn trứng vịt, rồi ngồi bên chiếc giường đóng bụi lò mờ, khóc tầm tức tầm tui.

Ông Tám dịu giọng:

-- Con tính sao đây? Muốn về với tía hay không?

Ngà hỉ mũi, giọng vẫn còn ướt đẫm nước mắt:

-- Con còn mặt mũi nào về dưới xứ nữa? Sống chết, vui buồn gì cũng phải rán chôn churen ở đây, con nỡ nào báo đời tía hoài.

Ngà ngập ngừng một lát, rồi nói:

-- Quan Phở cũng tử tế với con. Tía đừng lo. Có lẽ gần Tết, con sẽ về thăm tía.

Thật ra, từ lúc bà Phở giận chồng cho tới nay, ả nào có được một phút an vui? ả đã leo lên lưng cọt thì phải ở lì nơi đó, rán mà chịu đấm ăn xôi.

Ngà hỏi:

-- Tía tính ở lại hay về ?

Ông Tám sàu thăm:

-- Lát nữa, tía về. Nếu có hướn, con nhớ về thăm tía. Chắc từ đây tới chết, tía không còn lòng dạ nào lên đây nữa.

(các trang 252, 253, 254)

Bởi có những kẻ cường hào ác bá, những tay điền chủ địa chủ ác ôn kia mà bọn Cộng Sản hô hào đấu tranh giai cấp, không phải vì muốn bảo vệ dân nghèo, cũng không phải cốt chống đối bất công trong xã hội mà cốt để dựng lên đảng cấp nguy hiểm và tàn độc hơn giai cấp gấp trăm nghìn lần. Chúng lợi dụng những kẻ thất bại trong xã hội, những đám lê dân ngu dốt vùng lên chống trả giai cấp địa chủ, giai cấp tư sản, luôn cả giai cấp trí thức tức là những phần tử may mắn hơn bọn nghèo nàn dốt nát. Chúng ta hãy đọc đoạn ông Phủ đi góp lúa do tá điền làm mướn ruộng của ông làm ra:

Ghe đổ vào con kinh trồng dừa nước hai bên. Trời đã xế chiều. Phương Tây nhuộm màu hồng rực rỡ. Ông Phủ xếp quyển sách, kéo kính trắng xuống sống mũi, ngồi bật dậy:

-- Mình nên ghé thẳng Đực, nhờ nó hướng dẫn đi đường bộ ắt mau hơn đi ghe nhiều.

Mọt cho ghe lủi vào ụ lá và bước lên nhà núp dưới làn cây vú sữa. Con mèo mun mắt xanh biếc và trong veo nằm đã dượt ngoài sân, nghe tiếng chân Mọt, vụt đứng dậy, nhìn lơ đảng người khách lạ, rồi ổng ẹo vào trong.

Mọt hân hoan bước vào hàng ba, lên tiếng:

-- Anh Đực đâu rồi?

Đực cời trần, mình mẩy lực lưỡng và đen đúa, từ nhà bước ra.

Gã kèm hãm được sự ngạc nhiên vừa chợt biểu hiện trên khuôn mặt khi đã nhận ra Mọt. Gã chau đôi mày xéch rậm như người lúc bực mình lại bị quấy rầy. Gã hát hàm hỏi:

-- Xuống hỏi nào đó? Đi với ai đây?

Mọt mỉm cười cầu tài:

-- Dớ! Khéo làm bộ hoài, tôi đi với quan lớn... ủa với ông thầy thuốc bắc chớ đi với ai? Không lẽ tôi đi một mình thì ai góp lúa đây?

-- Thầy thuốc bắc nào?

Mọt sợ sệt nhìn quanh rồi nói nhỏ:

-- Anh đừng có nói lớn. Thầy thuốc bắc tức là quan lớn đó đa anh. Quan lớn sợ mấy ông Việt Minh bắt nên mới biểu tôi kêu là... thầy thuốc bắc.

Mọt bước vào nhà. Căn chính giữa bị bỏ lú cao nghệu choáng cả lối đi. Đực hướng mắt về phía xẻo lá, cười lạt:

-- Quan lớn của anh đi cũng chẳng ai thềm đong lúa, chớ nói gì anh hay thầy thuốc bắc.

Mọt trở mắt:

-- Dớ! Anh này hõn ghê! Sao dám ăn nói ngang ngược vậy?

Đực chấp tay sau hông:

-- Xuống biểu quan lớn của anh rút lui lẹ đi. Nếu lạng quạng đòi góp lúa ữa thì coi chừng bị bắt

quản thúc bây giờ.

Một chưa kịp nói thì Đực gằn giọng:

-- Anh có biết ruộng đất của quan lớn anh do mồ hôi nước mắt của anh em tá điền tui đóng góp không?

Một ngỡ ngác nhìn Đực. Có phải đây là một nhân vật mới do thời cuộc tạo nên không? Đực mở hai con mắt gườm gườm nhìn người đối diện, giọng rít lên:

-- Bọn chủ điền khôn nạn đã bao đời bóc lột anh em nông dân. Nhưng thời the61moi5 người

thế đã đổi khác rồi. Ngày nay, nông dân đã giác ngộ quyền lợi, đứng lên tranh đấu, quyết không để bọn chủ điền đè đầu đè cổ nữa...

Đực nói thao thao, càng nói càng say. Những lời lẽ của Đực, đối với Một sao mà lạ tai. Một chỉ về phía ghe hầu:

-- Đó! Anh giỏi xuống dưới mắng quan lớn đi. Tôi đâu có ăn nhậu gì với ruộng đất.

Đực hát hàm:

-- Tôi đâu có sợ ai. Anh giỏi học lại quan lớn của anh đi.

Ông Phủ đã leo lên bờ, chậm rãi đi vào sân nhà Đực. Một và Đực bắt đầu đấu khẩu với nhau, mặt người nào, người nấy xanh dờn.

Ông Phủ cắt ngang câu chuyện:

-- Gì đó Một?

Đực quay lại hỏi xẵng xớn:

-- Ông đi thâu lúa ruộng phải không?

Ông Phủ quát mắt nhìn Đực. Chỉ mới chưa đầy một năm mà hán đã thay đổi quá nhiều. Trước kia, khi hầu chuyện với ông, hán co ro như một con cuốn chiếu. Bây giờ hán đang hát mặt, hách dịch nhìn ông thiếu điều muốn ăn tươi nuốt sống ông. Nhưng ông vẫn giữ thái độ khinh thường.

Đực tiếp, giọng càng lúc càng cao lên:

-- Ông hãy quày ghe về ngay, nếu không vị chút tình nghĩa cũ, tôi đã ám hại ông rồi. Tất cả ruộng đất của bọn tay sai cho Tây đều được chia cho dân nghèo hết rồi. Ông đừng có mong còn một hạt lúa cho chim ăn, một thèo đất cho chó ỉa nữa.

Đực chỉ nói như vậy rồi bỏ qua hàng xóm. Một lát sau, ông Phủ chợt thấy một bọn tá điền của mình tụ họp bên kia doi đất, nhón nháo chỉ trở về phía ông. Trái với mọi năm, ông không còn được họ đón rước nồng nhiệt và thưa bẩm vâng dạ ngay khi ghe ông vừa cập bến nhà Đực.

Ông Phủ thất thần hỏi Một:

-- Về mau, Một! Bây giờ vô miệt trống mà góp được vàng, tao cũng không đi. Chèo mau đi con, tui nó hạ sát bọn chủ tớ mình bây giờ đã.

(các trang 274, 275, 276, 277)

Về vấn đề mô tả cảnh vật, nhân vật và tâm trạng nhân vật, Nguyễn Thị Thụy Vũ chỉ phác họa bằng những nét gầy gọn, không đi sâu vào chi tiết, không đào xới nhiều những vận sự rườm rà. Mỗi một khung cảnh có một lối dàn dựng riêng. Chẳng hạn như căn nhà thủy tạ của ông Phủ, tác giả không mô tả ngay chính nó mà tả những cái chung quanh nó hoặc bên ngoài nó: Ngự ngòi hong tóc trên chiếc băng dài ngoài nhà thủy tạ. Mái tóc nàng dài quá nửa lưng còn ngan ngát mùi lá bồ kết. Nước sông đầy ăm ắp vỗ vào bờ đất từng đợt êm đềm. Ngự nhìn trời mênh mông. Giàn hoa lý kết từng chùm rủ xuống đầu nàng và tỏa mùi thơm nhẹ. Mảnh trăng chìm dưới nước với màu thủy ngân bạc thếch bị gió xô giạt từng cơn. Con sông như một giải lụa nhấp nhô dài bất tận. Gió sửa soạn cuộc hành trình bên bờ sông, lòn qua kẽ tóc, vuốt lên má, xoa nhẹ nhẹ trên làn da nàng làm nàng nhẹ nhõm, phơi phới. Ngự có thói quen, khi chiều

xuống, là ngồi nhà thủy tạ cho đến lúc đi ngủ. Nàng thích ngắm mấy chiếc ghe thương hồ và cảnh tượng sinh hoạt muện màng trên sông. (trang 11).

Ở đoạn trên đây, tình cảm người ngắm cảnh không lọt vào khung cảnh rõ rệt, tức là không có vấn đề đối cảnh sinh tình. Nhưng ở đoạn sau đây, chúng ta mới thấy tình lồng vào cảnh, cảnh khơi dậy tình. Tác giả tả cảnh một buổi trưa nắng chói chang và tiện dịp giới thiệu con người tình cảm phong phú của Tịnh: Tịnh là một cô gái đa cảm, nhìn đời bao dung, yêu cây cỏ thiên nhiên, mơ một thế giới khác lạ trong tương lai và muốn khám phá cảm giác của mình khi tiếp nhận hơi thở, nụ hôn và ánh mắt người tình. Nàng còn yêu con sông sau nhà vì có đôi lúc nó gọi cho nàng một cuộc đời bằng phẳng và thơ mộng. Buổi sáng nàng thường đứng dưới gốc cây khế nhìn những vệt sương mềm mại bốc trên mặt nước. Nàng còn yêu khu vườn bên nhà. Bóng cây râm mát có thể xoa dịu từng cơn nắng hè chói chang. Cây cối, chim chóc, trái ngọt trong vườn như có một ngôn ngữ bí mật riêng: Hãy yêu cuộc sống một cách cạn cợt hồn nhiên. Đó là tạo được niềm hạnh phúc trong sáng. Tịnh nhắm mắt lại để tưởng đến ánh mắt sắc ngọt của Hoàng. Tại sao chàng ăn Tết ở đây? Chàng nghĩ gì về cái Tết tha hương? Từ thuở nhỏ, Tịnh đã có một niềm trắc ẩn dồi dào. Gặp đám ma nào đó nàng khóc như chính mình vừa mất mát một người thân. Nàng cũng thường chăm tưới, săn sóc hoa kiểng. Khi gặp một con sâu. Tịnh không nỡ giết nó, chỉ lấy cái que gắp nó sang khóm cỏ dại. Nàng tưởng tượng nó sẽ lột cái vỏ xấu xí để thành con bướm rực rỡ. Bây giờ nghĩ tới nỗi cô đơn của chàng trai xa lạ, tự nhiên Tịnh cũng quyết tìm cách chia sẻ với chàng. Tịnh đi về phía lấm lúa. Hình như nàng sung sướng một cách bông bột. Nàng nhìn chiếc sân gạch tàu. Những cái sàn lát lá chuối khô bày đầy những trái chuối cau đã lột vỏ. Mặt trong chuối, dưới sức nắng mặt trời đã đặc sánh lại. Chuối phơi như thế ngon hơn chuối sứ ép mỏng. Những con ong mật bay quanh quần bên sân. Tịnh chợt thấy nắng mỏng trong suốt tung bồng mở cho nàng một thế giới xán lạn có những cây cau tỏa hương và rù bóng mát bên thềm. (các trang 81, 82)

Hồ Trường An (em NTTV)

Phụ đính:

Tình dục và các nhà văn nữ

Thế Uyên

(Tình dục và các nhà văn nữ miền Nam 1955-1975)

Nguyễn Thị Thụy Vũ

Trái với Túy Hồng gốc cố đô Huế cổ kính, quan liêu và quý tộc, Nguyễn Thị Thụy Vũ xuất thân từ miền đất mới, là dòng sông Cửu Long. Bà mang sắc thái của thứ "văn minh miệt vườn" (chữ của nhà văn Sơn Nam), biểu lộ đầu tiên và rõ nét là văn phong của bà ngay thẳng, đôi khi thiếu chau chuốt, một truyền thống Nam kỳ từ thời cụ Nguyễn Đình Chiểu, thẳng băng, ít ẩn dụ, chữ khó và còn đượm màu sắc tươi rói của cuộc đời đang diễn ra.

Lui ra một khoảng cách không gian và thời gian, để thấy tại Nam kỳ lục tỉnh có hai thứ văn hóa, đạo lý song hành với nhau. Một là của tầng lớp trên, ảnh hưởng hơi nặng Khổng Mạnh, một thứ nho giáo nguyên thủy, nguyên chất hơn các miền khác. Lý do chính là khi tiến vào vùng đất mới, các quan lại và thầy đồ Việt dựng độ dân Cao Miên và dân Chăm thuộc một nền văn minh khác hẳn, chịu ảnh hưởng Ấn Độ, chứ không phải Trung Hoa nữa. Ngay cả Phật giáo miền này cũng là Tiểu thừa, chứ không Đại thừa quen thuộc cả ngàn năm. Và khi dựng độ một nền văn minh khác, cao chẳng kém gì mình, phản ứng người Việt là đề cao hẳn lên thứ nho học truyền

thống của mình, áp dụng nguyên văn và khất khe hẳn lên, như là phản ứng tự vệ về văn hóa nhằm bảo vệ bản sắc, căn cước của mình.

Đó là tầng lớp trên, thiếu số tất nhiên, nhưng không quá thiếu số vì thêm sự hiện diện của đồng minh, là cộng đồng Hoa đã đông thì chớ lại còn trải rộng trên địa bàn Nam Kỳ lục tỉnh, mà cộng đồng Hoa thì dù ở đâu trên trái đất, cũng bảo tồn được thứ văn hóa đạo đức của mình. Cộng các yếu tố vừa trình bày, tầng lớp trên của Nam kỳ thường "nhân lễ nghĩa trí tín", các nhà văn thơ hay "văn dĩ tải đạo", đời sống và sinh hoạt văn hóa nhiều nơi còn cổ kính hơn cả miền Bắc... Năm 1958-1960, khi nhận chức thầy đồ trẻ nơi trường trung học Nguyễn Đình Chiểu (Mỹ Tho) và trung học công lập Kiến Hòa (Bến Tre), người viết đã ngạc nhiên thấy học sinh nam nữ còn mặc bà ba trắng đi học và cư xử với thầy cô, người lớn, một cách lễ nghĩa khỏi chê. Đến những giờ chót trước khi nghỉ tết Nguyên Đán, theo truyền thống cho học sinh được liên hoan, lập tức lớp chia làm hai phe nam nữ, hò với nhau vui vẻ như ông bà nội ngoại trên sông rạch, coi như không biết tới văn minh Tây phương là cái gì.

Nếu tầng lớp trên của Nam kỳ lục tỉnh sống đạo đức gò bó như vậy, tầng lớp dưới, tầng lớp nông dân ít chữ, thậm chí có nơi còn mù chữ, lại có nếp sống đích thực là dân khai hoang. Nghĩa là người nữ bình đẳng hơn với người nam, vợ chồng có bất đồng thì uỳnh lộn nhau, chứ không có mục người vợ chịu ép một bề cho chồng đánh đập như miền đất cũ. Và dĩ nhiên truyện yêu đương và tính dục, cũng trực tiếp, nhanh chóng và thoải mái nhất nước. Trai gái đi đến đụng chạm thân xác dễ dàng, và cư xử với nhau bình đẳng, ít có mục con gái bắt đền con trai. Nếu gặp chàng họ Sở, chơi rồi chạy, người con gái có bầu vẫn có thể bình tĩnh sinh con và nuôi con, không có cảnh bị làng xã bắt vạ như miền đất cũ. Đất nước đầy kênh rạch chằng chịt, người nữ chót lờ bước có thể chống xuồng đi miền khác dễ dàng, làm lại cuộc đời.

Sau khi phác thảo sơ khởi bối cảnh văn hóa xã hội miền Nam là như thế, khi đi vào văn chương Nguyễn Thị Thụy Vũ, sinh tại Vĩnh Long năm 1937, mới hiểu khi bắt đầu viết, tác giả này hay than thở về sự gò bó đến như ngạt thở của cái xã hội bà phải sống từ khi lớn lên, đầy những thành kiến hẹp hòi, cổ lỗ. Một nhân vật của bà than thở: "Tao nói với mày là phải đi khỏi tỉnh Vĩnh Long. Tao không chì đá như mày tưởng, tao chịu đựng không bền trước sự soi mói của bạn bè, người quen. Tao làm lơ, nhưng tao không đi thỏa như thiên hạ tưởng... Đàn bà phạm tội vì trót yêu một người rồi giết một mầm sống trong bụng, phải trả một giá quá đắt... dẫu cho nước sông Cổ Chiên cũng chưa rửa hết nhục nhã. Phải nuốt nước mắt, phải bịt mắt mà đi chỗ khác, để mai kia một nọ còn có cơ hội đi lấy chồng. Ở đây chỉ tỏ làm gương xấu cho gái nhà lành. Tao phải đi, dẫu có vào nơi cùng cốc thâm sơn cũng cam lòng".

Thụy Vũ và nhân vật trên của bà thuộc tầng lớp trên nên mới khổ sở nhiều về dư luận như vậy. Còn tầng lớp dưới, như đã nói, thường là nông dân gốc khai hoang, dư luận xã hội không gắt gao như vậy. Vợ người viết có lần mượn người làm là một cô gái quê Sa Đéc xinh xắn, được một thanh niên gốc Hoa thương yêu. Chàng thuê cho nàng một căn nhà nhỏ, ngay gần nhà chủ, để sáng đi làm, chiều tối về tổ ấm với chàng. Sống như một cặp vợ chồng, dù chẳng cưới xin gì cả vì chàng là con trưởng, do đó gia đình không chịu có dâu trưởng người Việt – dâu thứ nhì thì được. Rồi đương nhiên nàng có bầu. Khi cái bụng bắt đầu lớn, vợ người viết quyết định cho cô nàng nghỉ làm, về Sa Đéc ở với mẹ, không phải vì lý do đạo lý, mà vì tránh bạn bè dị nghị, nghi ngờ oan ông chồng của mình là tác giả cái bầu...! Hơn một năm sau cô gái Sa Đéc trở lại thăm, cho biết cô sinh con trai. Bố mẹ chàng người Hoa mừng vì có cháu đích tôn, thân chinh đi xuống Sa Đéc điều đình đón cháu về nuôi. Với gái Bắc không cưới xin mà chửa đẻ như thế, thường sẵn sàng cho bố mẹ của chàng nuôi đứa nhỏ để mình dễ đi lấy chồng khác, con gái Nam thì không. Cô người làm kể tiếp: Cháu chửi tưởi hạt sen hai ông bà một trận, ai bảo không chịu cưới cháu trước đây. Còn đứa nhỏ do cháu đẻ ra, là con của cháu chớ, mắc mớ gì đến ai. Hai ông bà cứ lằn khản hoài, cháu lên cơn giận càngh hông, vô nhà lấy cái đòn

sóc ra, quơ lên đuổi, cứ thế rượt chạy tới bến đò luôn!... Mấy năm sau vợ chồng người viết gặp lại cô đang ngồi bán bánh cuốn ở lề đường Nguyễn Kim, cô cho biết đã lấy chồng khác, và mọi sự vẫn zui zẻ... như thường.

Dù phản ứng có khác nhau như thế, hai người nữ, một của nhân vật Thụy Vũ thuộc giai cấp tư sản có học, một của giai cấp nông dân ít học như cô gái người làm gốc Sa Đéc, sau cùng có cách ứng xử giống nhau: bỏ nơi cũ mà đi thôi. Nhà văn Uyên Thao khi viết về Thụy Vũ, đã luận bàn khá hay về sự trốn chạy: "...Trong thế giới tù hãm của cuộc sống tỉnh lẻ vừa vụn vặt, vừa khắc nghiệt ấy, Thụy Vũ đã cho thấy tất cả những người đang sống chỉ thực sự sống bằng cách chạy trốn. Trong khi những kẻ yếu đuối chạy trốn vào vùng trời tưởng tượng bi thảm của mình thì những kẻ tương đối mạnh dạn hơn chạy trốn vào sự giả dối, che đậy. Ngoài hai lớp người ấy là một lớp người chạy trốn thực sự, chạy trốn bằng cách ném mình vào những cuộc phiêu lưu mà mọi tính toán chỉ dừng lại ở một điểm duy nhất: miễn là tách xa được thế giới tù hãm này". (Các nhà văn nữ VN 1900-1970, Nhân Chủ SG 1973, Xuân Thu tb 1991)

Đọc văn Túy Hồng, thấy thiếu gì chàng ra vô nườm nượp, nhưng thường là loại "người tình không chân dung"... Với Thụy Vũ, dân xứ nhiệt đới, dân miệt vườn gốc di dân khai hoang, mọi sự là khác: thân thể người nam người nữ đều được tả, đề cập tới một cách thẳng thắn. Sau đây là một "chân dung" một người tình nam: "Duy choàng tay qua đôi vai tôi, đôi môi chàng màu tro nặc mùi thuốc lá hờ hững đặt lên môi tôi... Tôi lách ra khỏi vòng tay ấy, ngoái lại nhìn chàng. Da mặt chàng trắng nhợt như da bụng con thằn lằn. Mắt chàng sần sùi và thờ nặng như một tảng đá không còn làm da thịt tôi nháng lửa nữa. Đôi vai rộng và mông tròn của chàng ngày trước đã lôi cuốn sự chú ý của tôi..." (Chiều mệnh mông)

Thụy Vũ có viết một truyện ngắn kể lại một ni sư già, khi hấp hối, nhất định đòi những người đang bao quanh lấy cho một muống nước mắm, một muống nước mắm thôi. Đó là ước nguyện sau cùng trước khi viên tịch của ni sư: thêm húp một muống nước mắm, nước mắm mà thôi. Những người chung quanh từ chối không lấy, cho rằng cả đời ni sư đã ăn chay niệm Phật, nay sắp thành chánh quả lại dờ chừng đòi ăn mặn... là mê sảng, là bị Ma Vương quyến rũ... Rút cục ni sư sắp lìa đời còn thều thào: nước mắm, cho muống nước mắm.

Nhìn "chàng" mà thấy da mặt chàng giống như "da bụng con thằn lằn", nhìn bản thân khi tắm thấy bộ ngực lép xẹp, dư luận thì cổ lỗ soi mói khát khe, còn về phía tăng lữ, ni sư cuối đời, lúc hấp hối còn thêm húp một muống nước mắm... Thụy Vũ và nhân vật của bà phải bỏ tỉnh lẻ Vĩnh Long mà lên Sài Gòn, là phải thôi. Nhiều nhà văn khi đời không gian sinh sống, môi sinh, khi viết cũng dễ đổi loại các nhân vật: Để mưu sinh nơi mới, Thụy Vũ đã có thời kỳ làm cô giáo kèm Anh văn cho các cô gái bán bar cho Mỹ. Cô giáo này vừa tò mò, vừa có trí nhớ tốt, ghi nhớ mọi chuyện để rồi sau này tạo dựng hai cuốn Lao vào lửa và Mèo đêm, hai tác phẩm đưa tác giả từ chỗ nổi tiếng bậc trung đến chỗ vang danh khắp nước, xếp vào hàng ngũ "bốn con nữ tặc"...

Thụy Vũ dùng ngôn ngữ nói hàng ngày, trực tả mọi sự, không có "ke" là tục hay nhã, ghi nhận sự việc sự cố và ngôn ngữ trung thực như một ký giả đi làm phóng sự vậy. Dù mọi chuyện: gái bán bar bị lính Mỹ hành hạ thể xác, lính Mỹ biểu tình chống "Sài Gòn-tea" tại vài đường phố Sài Gòn để phản đối chủ các bar chém quá nặng, gái bán bar lườm gạt lính Mỹ, coi cọp người khác tắm, đi phá thai, bị bệnh hoa liễu (hồi đó loài người chưa phát kiến ra bệnh AID), gái mới nhập môn học các ngón nghề của bậc đàn chị, trong nghệ thuật bán bar, và đôi khi đi khách như một gái hạng khá đắt tiền.

Nghề bán bar, xét thuần túy về sự vụ, đã có từ ngàn xưa ở châu Á cũng như châu Âu. Công việc hầu rượu, chúc rượu cho đàn ông, trong mọi tiệc rượu, liên hoan lớn nhỏ, ở châu Âu như

Pháp, Ý kêu là các nàng courtesane, ở Nhật được chuyên môn hóa cao độ thành các nàng geisha, ở Việt Nam các cụ gọi là đào rượu, phân biệt với các cô ca sĩ được gọi là đào hát. Dù là đào rượu, chứ không phải gái điếm, đôi khi khách say không về được, cũng cho khách nằm chung giường nhưng không có mục giao hợp. Chuyện đó phải có mục tán tỉnh, thỏa thuận trước đã. Bởi thế một trong những truyện tiểu lâm các ông nội ngoại chúng ta hay kháo nhau, là đêm hôm dùng lưỡi dao cạo cắt lên dây quần các cô đào... (Thời trước phụ nữ ngoài Bắc không mặc quần dây thun, mà quần có giải rút luôn trong cặp quần, khi cần phòng thủ thụ động, kéo một sợi dây cho nút cột tắc tị, rất khó cởi).

Như vậy chuyện gái hầu rượu cũ như việc ăn rau muống uống nước dừa, nhưng tự nhiên ồn ào hẳn lên trong thập niên 60 đầu 70 vì sự hiện diện của nửa triệu quân Mỹ và đồng minh nhập nội miền Nam. Dĩ nhiên họ khỏe mạnh sung sức (không quân đội nước nào bắt các ông Liễu Hạ Huệ, quý ông Bá Di Thúc Tề, các thứ đàn ông bất lực, nhập quân ngũ cả), nên trông cậy ở đàn bà địa phương giải trí và giải quyết nhu cầu sinh lý cho họ... (ông Heftner & Ø Cty có lần xin cho nhập tổ chức Playboy club và các cô playmate xinh xắn sexy ăn mặc như thổ, nhưng chính quyền Việt lúc đó, lãnh đạo bởi thành phần công giáo bảo thủ, không cho phép). Lính Mỹ đến nước nào cũng vậy không có mục hiếp đàn bà, và vốn là một dân tộc trọng thương mại, họ điều đình mua, thuê những phụ nữ cần thiết cho nhu cầu giải trí, giải lao và giải quyết sinh lý của mình. Dĩ nhiên bằng tiền mặt, những đồng dollar xanh hay đỏ (dollar đỏ chỉ dùng để mua hàng trong các PX của quân đội Mỹ), thứ đồng tiền vạn năng, mơ ước của dân nghèo, nhất là phụ nữ, ở Nhật (sau đệ nhị thế chiến), ở Phi Luật Tân, Nam Việt Nam, Nam Hàn... và nhiều nước kém mở mang khác.

Phụ nữ ở đâu cũng vậy, khi phải dùng cửa trời cho, vốn tự có để kinh doanh, cũng tiện tận mặc cả ráo riết với đàn ông. Chỉ ngồi uống rượu chung bàn thôi tán chuyện lãng nhãng, giá biểu khác, tính theo từng ly rượu chai bia chạng uống, từng ly nước trà giả rượu nàng uống (tục gọi "Saigon tea"). Cao hứng muốn sờ soạn lung tung, thì giá khác (khi quân đội Mỹ ra đi, ngày nay dân Việt từ bỏ các bar rượu, thay thế bằng các quán bia ôm, hiện nay thị trấn, thành phố nào cũng có, từ Hà Nội đến Cần Thơ...). Còn muốn giao hợp, dĩ nhiên ở một nơi ngoài quán, giá cả là thương lượng, cao thấp tùy ngoại hình xấu đẹp, nhiều hay ít kinh nghiệm, trẻ hay già, và kiểu giao hợp chọn lựa. Hoạt cảnh sau đây là điển hình trong các bar :

"Một tên Mỹ cao lớn, râu ria cạo nhẵn thính, những vết cạo trên râu quai nón vẫn làm tối sầm khuôn mặt hấn. Hấn nhẹ cười mơn trớn hỏi:

- Em tên gì?

Tôi trả lời cộc lốc:

- Tina.

Hấn lôi tôi vào lòng rồi đặt lên bắp đùi hấn. Bàn tay hấn sờ soạn lên ngực và eo của tôi. Chị Nam thường nói với tôi là tụi đàn ông Âu Mỹ lông lá như con dã nhân, mỗi ngày cạo râu hai lần thì hành sự rừng rú chịu không nổi. Tôi sợ sệt nhìn cánh tay hấn. Hấn buông thông tay tôi tiếp tục cười:

- Ngủ với tôi đi.

Tôi giơ tay làm hiệu:

- Mười ngàn nghe.

Hắn lắc đầu:

- Mắc lắm cưng ơi! Nếu mười ngàn thì em phải trả tiền phòng và tiền ticket.

Tôi lãnh đạm lấy bông phấn ra sửa soạn lại nhan sắc... (Mèo đêm)

Thụy Vũ chuyển nguyên văn các đối đáp của gái bán bar ngoài đời vào truyện, thí dụ như đoạn tả ma cũ bắt nạt ma mới:

"Thấm nheo mắt chăm chọc nhìn cô ả Khương. Nhan sắc như vậy mà dám vác mặt tới White Snow, chỗ hội họp của những người đẹp. Đã vậy nó còn dụ khi được tên Mèo đi quân dịch nữa chứ. Từ hôm Khương về đây cô ả chưa thêm trình diện nàng. Đã vậy khi gặp nàng là ả phớt lờ, không coi nàng ra một gờ ram nào.

Vừa khi Khương định bước đi liền có tiếng gọi giật lại:

- Ê, con kia! Ở ngõ ngách nào tới đây?

Khương gượng cười:

- Tôi từ trên Phú Nhuận dọn về.

Thấm cười rĩ và nhìn vào mặt ả:

- Ở đó gần Gò Vấp, Hạnh Thông Tây mà.

Biết Thấm ám chỉ mình là gái ăn sương hạng bét, chỉ chui rúc ở chỗ tối tăm nên Khương mím môi, nuốt nước miếng. Thấm đứng ưỡn ngực hách dịch hỏi:

- Ê, ra nghề hồi nào?

Khương đáp cụt ngủn:

- Cũng gần mười năm rồi.

Thấm cười chăm chọc:

- Ủa, té ra cũng chưa già tay ả đó mà. Nè, cái con hỗn láo kia, mày biết bà cố này đây là ai không?... Trời ơi! Té ra em này chưa biết danh bà Thấm Ngựa chớ"... (Ngọn pháo bông)

Ngôn ngữ sinh động, sống sượng như thế tiếp tục trong cuốn Lao vào lửa:

"Một người bạn cầm tay tôi suýt xoa:

- Cô Tina sắm chiếc nhẫn này bao nhiêu? Thằng "bò" của con Thúy mua tặng đó hả? Mới vào nghề mà sao có phước quá. Chắc là con gái của ông trời. Tụi gái già này là thứ con ghẻ của ông.

Đôi mắt hờn ghen quay sang lũ bạn. Một ả khác trầm trồ bằng giọng uốn éo:

- Gái trinh mới có giá như vậy chớ. Còn tui tui tan hoang như ống cống thì chỉ có cách kiếm tiền mua hột xoàn giả..."

Như trên đã trình bày, gái hầu rượu có từ thời cả Jesus, Tất Đạt Đa, Mohamet, Khổng Mạnh... chưa ra đời, chỉ thay đổi tên gọi theo không gian, thời gian. Và thế giới của xóm dưới, xóm nhà lá, xóm chị em ta, xóm bình kháng, khu đèn đỏ... thời nào nơi nào chẳng có. Nhưng ít thôi và thường ở vị trí khuất mặt bà con. Thập niên 60 và nửa thập niên 70 của thế kỷ 20, quân đội Hoa Kỳ đóng quân ở đâu, là lập tức các bar rượu xuất hiện ở đó, ngay ở các công ra vào có lính Mỹ. Và cái câu sáo ngữ "đồng tiền, khách hàng là vua, là Thượng Đế" vẫn cứ đúng, thêm một đặc điểm: vì có nhiều dollar tuôn ra, các chủ bar có phương tiện trang trí trang bị phòng ốc tối tân đẹp mắt, đủ màu xanh đỏ, giàn âm thanh tốt... dĩ nhiên với quầy rượu với các ghế cao căng bọc da giả, các kiểu nữ ăn mặc nhiều màu nhưng hà tiện vải, đi đi lại lại như trong các saloon của Mỹ thời Tây tiến.

Mới đi ra ngoài ngõ vô đã thấy bắt mắt, các nhà đạo đức thật và giả địa phương rên la khóc than cho văn hóa dân tộc, truyền thống văn hiến có từ thời công chúa Tiên Dung còn tắm khóa thân ở bãi cát ven sông... Những cái gì xảy ra bên trong các bar, các ông bà già trầu đầu có biết rõ, bây giờ bỗng có một nhà văn nữ loại có tài văn, là Nguyễn Thị Thụy Vũ, ghi chép thành văn chương và mang ra trình bày trong sách báo công khai, làm sao dư luận không sửng sốt, xông xáo, bàn tán khen chê, đôi khi còn kết án tác giả làm bại hoại phong hóa đạo đức dân tộc... Quên luôn Thụy Vũ ngoài đời chỉ là một cô giáo tình nhỏ xinh xắn và đoan trang, sử dụng ngòi bút của mình miêu tả thế giới của gái bán bar lừng lẫy một thời. Miêu tả một cách trung thực, dùng ngôn từ đôi khi sống sượng gây sốc cho một số người đọc, chỉ vì các gái bán bar ăn nói như thế. Không lẽ lại để cho cô Tina hay Thắm Ngựa ỏn ẻn với một ông G.I. râu và lông rậm rạp vừa hành quân trong rừng về, như thế này: Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha? (Kiều)...

Sự khác biệt về tính dục trong truyện Nguyễn Thị Thụy Vũ và các nhà văn nữ khác

Du Tử Lê

Đề cập tới trường hợp Nguyễn Thị Thụy Vũ, một cây bút nữ từng đưa tới nhiều nhận định khác nhau, thậm chí mâu thuẫn trong cách nhìn của một số người cầm bút ở miền Nam Việt Nam, trước cũng như sau biến cố 30 tháng 4, 1975.

Tôi nghĩ, để dễ theo dõi hành trình văn chương của cây bút nữ họ Nguyễn này, chúng ta có thể tạm chia hành trình đó làm ba giai đoạn.

Giai đoạn thứ nhất: Xuất hiện.

Những người từng dõi theo sinh hoạt văn chương của Nguyễn Thị Thụy Vũ kể rằng, năm 1963, trên tạp chí Bách Khoa, Saigon, người đọc thấy xuất hiện một số truyện ngắn của một cây bút nữ lạ hươ hạc. Sự hươ, hạc này không chỉ mang ý nghĩa một tên tuổi mới, mà, nó còn hươ hạc ở cả phương diện nội dung nữa. Đó là những truyện ngắn ký tên Nguyễn Thị Thụy Vũ. Nếu không kể những nhà văn nữ có tác phẩm và tên tuổi ít nhiều bập bùng bước trên lộ trình văn chương tiền chiến, (điển hình, ảnh hưởng dòng văn chương Tự Lực Văn Đoàn, như Nguyễn Thị Vinh, Linh Bảo...) thì đó là:

- Thời điểm của một Nhã Ca đã sớm có chỗ đứng riêng, vững vàng cả về thơ lẫn truyện.
- Thời điểm của một Túy Hồng đã định hình lấy cho mình bằng một văn phong chanh ớt, rất địa phương. Rất Huế.
- Thời điểm của một Trùng Dương muốn trở thành phát ngôn viên của triết lý Hiện Sinh ở miền Nam, thể hiện qua văn chương, nối tiếp bước đi của Françoise Sagan ở Pháp. (1)

- Và, đó cũng là thời điểm của một Nguyễn Thị Hoàng vừa chính ngọ, với tác phẩm “Vòng Tay Học Trò”...

Tuy xuất hiện có phần trẻ hơn một chút so với những cây bút nữ vừa kể, nhưng tác giả “Mèo Đêm” Nguyễn Thị Thụy Vũ cũng đã cho thấy móng vuốt của mình. Những móng vuốt sắc, nhọn và, một võ công có thể gây hiểm nghèo cho địch thủ khi lâm trận...

Giai đoạn thứ hai của hành trình văn chương Nguyễn Thị Thụy Vũ, đánh dấu bằng tập truyện đầu tay, “Mèo Đêm” của bà.

Tập truyện “Mèo Đêm” của Nguyễn Thị Thụy Vũ, gồm 4 truyện ngắn được coi là tiêu biểu cho thời kỳ thăm dò, khai khẩn cánh rừng văn chương, chữ nghĩa của bà. Cả bốn truyện đều có nội dung như những lưới giảo lao thẳng vào các mục tiêu tình dục.

Tình dục qua tác phẩm này, có hai nguồn mạch chính:

- Ấn ức sinh lý của các nhân vật là những người nữ quá thì (các truyện “Một Buổi Chiều” và “Đợi Chuyến Đi Xa”).

- Hai truyện còn lại “Mèo Đêm,” “Nắng Chiều Vàng” đề cập tới những hoạt động mưu sinh trên thân xác mình, của những cô gái bán bar và, bán thân cho quân đội Mỹ.

Không phải đợi tới lúc Nguyễn Thị Thụy Vũ xuất hiện, tình dục mới chiếm với trò chính diện, hay trở thành con bài chủ của thế giới văn chương nữ giới miền Nam Việt Nam.

Trước bà, người ta đã được đọc một Nguyễn Thị Hoàng với những trang văn xuôi cháy khét những hòn than tình dục táo tợn.

Trước bà, người ta cũng đã được đọc một Túy Hồng với những dòng chữ như những khối thuốc nổ cận giờ bộc phá.

Và, sẽ là một thiếu sót lớn nếu chúng ta không nhắc tới một Trùng Dương qua văn chương, đã cho thấy tham vọng chiếm lĩnh ngọn cờ đầu mang tên hiện sinh, với những trang văn xuôi mở vào những cuộc phiêu lưu tình dục không duyên cớ. Ý niệm quá khứ, tương lai gần như vắng mặt, nhường sân khấu cho tình dục, khi xác thịt lên tiếng.

Tới đây, theo tôi, đã đến lúc chúng ta nên nêu câu hỏi:

- Lý do gì hay tại sao những truyện ngắn của Nguyễn Thị Thụy Vũ ngay từ những xuất hiện thứ nhất, vẫn có khả năng khuấy động biển nước tình dục, trong lúc nó vốn không thiếu những con sóng cấp bảy, cấp tám, hung hãn đánh vào những thành trì bảo thủ cổ cựa theo truyền thống khép kín, ngậm thình của đa số phụ nữ Việt Nam thời đó?

Một câu hỏi khác, theo tôi đáng kể không kém, cũng nên nêu lên là:

- Cùng khai thác đề tài tình dục từ chỗ đứng, từ cảm nghĩ của người nữ như những ngọn hải đăng soi đường, vậy liệu có khác biệt nào chẳng giữa những cây bút nữ vừa kể với cõi giới văn xuôi Nguyễn Thị Thụy Vũ?

- Đồng thời: Sự khuấy động trong lãnh vực tính dục của những cây bút nữ kia, có mang một ý nghĩa nào khác hơn chính sự... khuấy động?

Về câu hỏi thứ nhất, theo tôi, tuy cũng là chủ tâm mở toang cánh cửa cấm cản, phá sập hàng rào giam hãm mọi phát biểu về sinh hoạt tâm-sinh lý người nữ bởi phong tục, tập quán lâu đời của phương Đông, nhất là của người phụ nữ Việt Nam... Nhưng, nếu những nhà văn nữ đi trước Nguyễn Thị Thụy Vũ như Nguyễn Thị Hoàng, Trùng Dương hay Túy Hồng xây dựng bối cảnh tác phẩm của họ ở những thành phố lớn; với những nhân vật nữ hầu hết thuộc giai cấp trí thức, thành thị thì, bối cảnh của Nguyễn Thị Thụy Vũ lại là những nhân vật nữ tỉnh lẻ. Hầu hết không thuộc thành phần trí thức. Họ là những phụ nữ thuộc giới “chân quê.”

Vì thuộc giới nông dân, lam lũ, ít học, cho nên những nhân vật của Nguyễn Thị Thụy Vũ không mấy bận tâm tới những vấn đề trừu tượng, như con người được sinh ra để làm gì? Định mệnh nào đã trói thúc tay chân con người và, sẽ đẩy đưa thân phận họ tới những vùi dập, lãng quên nào?

Nhân vật của Nguyễn Thị Thụy Vũ đơn giản hơn. Chân thật, mộc mạc hơn. Mặc dù cũng buông thả theo nhu cầu của bản năng, nhưng nhân vật của tác giả “Mèo Đêm” không được tác giả đắp, choàng lớp áo suy tư; sơn phết những lớp sơn triết lý lên thịt da trần trụi của nhân vật mình...

Tuy cùng khai thác đề tài tình dục từ chỗ đứng, từ cảm nghĩ của người nữ như những ngọn hải đăng soi đường, nhưng nhân vật của Nguyễn Thị Thụy Vũ vốn gốc tình lẻ, chân quê, nên bà đã không cho họ bước ra tiền trường văn xuôi với nhung lụa văn chương rực rỡ, hoặc bóng bẩy, láng lẩy chữ nghĩa như Nguyễn Thị Hoàng.

Nhân vật của cõi-giới văn xuôi Nguyễn Thị Thụy Vũ cũng không đặt vấn đề thượng đế đã chết hay vẫn còn sống? Họ không hề thao thức, trần trọc trước lần ranh ăn thua đủ với Thượng đế, như trong truyện của Trùng Dương. Họ chỉ sống. Thân nhiên, sống. Như không hề đặt vấn đề, tại sao được sinh ra?!!

Cũng vì tính tình lẻ, lam lũ kia mà, ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật trong truyện Nguyễn Thị Thụy Vũ, cũng là những đối thoại “trực chỉ.” Không lập lòe trí thức. Không ẩn dụ kỳ khu cao siêu.

Đáng kể hơn nữa, theo tôi là thứ ngôn ngữ mang đầy tính miền Nam. Thứ ngôn ngữ nói thẳng đuột. Khỏe mạnh. Gân guốc. Sáng rõ.

Thí dụ đoạn đối thoại trong truyện dài “Khung Rêu,” (2) một truyện lạc khỏi dòng chảy quen thuộc của Nguyễn Thị Thụy Vũ. Một truyện được tác giả đặt trên vòng quay ngược thời gian, trở lại với những chủ đề ông chủ và đầy tớ, quan lớn và lê dân, tôi đòi thời phong kiến - Khiến người đọc nhớ tới những tác phẩm từng nổi tiếng một thời của chương xã hội, tả chân, thời tiền chiến. Điển hình như tiểu thuyết “Tắt Đèn” của Ngô Tất Tố (3), “Giông Tố” của Vũ Trọng Phụng (4)...

Đó là mẫu đối thoại đầy tính chất Nam bộ, trong buổi sáng mùng một Tết, giữa bà Phủ và cô đầy tớ (đã mang thai với ông Phủ) như sau:

Giọng bà Phủ làm ả chột tỉnh:

-Sao? Chúc ông bà năm mới cái gì đây? Nói hết câu cho bà nghe coi.

Ngà nắm hai bàn tay vào nhau, ngập ngừng:

-Năm mới con chúc ông bà... trường thọ.

Bà Phủ cười cười mở:

-Dữ ác hôn?

Ở lãnh vực tả cảnh, cũng vậy. Nguyễn Thị Thụy Vũ không chủ tâm làm văn chương. Bà cũng không cho những cảnh tượng ghi nhận một so sánh hay liên tưởng tân kỳ nào, ngoài thứ ngôn ngữ mạnh mẽ, như những cú đấm thẳng tay. Chắc nịch.

Thí dụ, khi tả bóng đêm đã về trên đường phố, nếu là Nguyễn Thị Hoàng người đọc sẽ được thưởng thức chí ít cũng một đoạn dài, nếu không muốn nói là có thể dài tới nửa trang viết.

Nhưng ở thế giới văn chương Nguyễn Thị Thụy Vũ, nó đã được thu gọn trong một câu rất ngắn mà, rất gợi hình (kể cả gợi dục):

“Bóng tối đã ôm choàng thành phố ngoài khung cửa...”

(“Đợi Chuyến Đi Xa,” trong “Mèo Đêm.”)

Trong truyện “Lao Vào Lửa” (xuất bản năm 1967,) khi tả sự ganh ghét, ty hiềm của những “đồng nghiệp” thâm niên trong nghề bán thân, trước sự may mắn hãn hữu của một “lính mới,” được một chàng GI bất ngờ thương yêu thành thật, mua tặng cô những món quà quý giá... qua bút pháp của mình, Nguyễn Thị Thụy Vũ đã ghi lại “phát biểu” của một “đàn chị” cùng nghề: “Gái trinh mới có giá như vậy chớ. Còn tui tui tan hoang như ống cống thì chỉ có cách kiếm tiền mua hột xoàn giả!”

Với những nét đặc thù kể trên, tôi không tìm thấy một dòng dạng thấp thoáng nào giữa cõi-giới văn xuôi của những nhà văn nữ ở miền Nam và chữ nghĩa của Nguyễn Thị Thụy Vũ. Nếu không muốn nói chúng là những mặt khác thô nhám, nhầy nhụa nhất của tình dục, nhìn từ đáy bùn. Cặn bã.

Chú thích:

(1) Françoise Sagan nữ văn sĩ Pháp, tên thật là Françoise Quoirez. Bà sinh năm 1935, mất năm 2004. Bà nổi tiếng ngay với tác phẩm đầu tay “Bonjour Tristesse” viết năm 1954, khi mới

18 tuổi. Độc giả Việt Nam khá quen thuộc với tác phẩm này, qua bản dịch “Buồn Oĩ Chào Mi.” (Theo Wikipedia)

(2) Tác phẩm được trao giải thưởng văn chương bộ môn Văn, năm 1970.

(3) Ngô Tất Tố sinh năm 1893 tại phủ Từ Sơn, Bắc Ninh, nay là huyện Đông Anh, Hà Nội. Ông mất năm 1954 ở Yên Thế, Bắc Giang. Tiểu thuyết “Tắt Đèn” của ông bị chính quyền Pháp cấm lưu hành năm 1939. (Theo Wikipedia)

(4) Vũ Trọng Phụng sinh năm 1912 tại Hưng Yên. Lớn lên và mất tại Hà Nội năm 1939. Phóng sự xã hội “Giông Tố” được đăng tải từng kỳ trên tờ Hà Nội Báo, với tựa đề “Thị Mịch.” Trước khi xuất bản thành sách, tác giả đổi tựa thành “Giông Tố.” “Giông Tố” do nhà Văn Thanh xuất bản lần đầu tiên tại Hà Nội, năm 1937. (Theo Wikipedia)

Ngoài họ Nguyễn, cũng có những nhà văn khác dùng ngòi bút của mình để sẫm soi hiện tượng xã hội xuống cấp: Sự xuất hiện của một thành phần xã hội mới. Thành phần mà thời đó, người ta thường gọi là “Me Mỹ.”

Nhưng trước nhất, hầu hết những cây bút này thuộc nam giới, hiểu theo nghĩa họ không thể tiếp cận một cách triệt để đối tượng của họ.

Thứ đến, nhân vật cũng như bối cảnh của họ là những cô gái bán bar tại đô thị hay những thành phố lớn. Do đấy, tính xác thực qua những tâm sự về những cảnh đời của những cô gái kia có một tỷ lệ rất mỏng; nếu không muốn nói là nhiều phần được dàn dựng bài bản lâm ly, éo le, bi thảm... Đó là chưa nói tính chất xa lạ, mới mẻ không đáp ứng được nhu cầu tò mò của độc giả. Trường hợp Nguyễn Thị Thụy Vũ, ngược hẳn.

Chẳng những có lợi thế cùng giới tính, bà còn là người dạy tiếng Anh cho những cô gái nhà quê (nhiều người không biết chữ).

Tiếng Anh với thành phần mới, thành phần “Me Mỹ” của xã hội miền Nam tỉnh lý, trước 1975 là “chìa khóa vàng,” nụ cười ma quỷ hay nhan sắc rực rỡ của định mệnh giúp họ mở được những cánh cửa bước vào những ngôi nhà kín bưng, của những chàng GI nắm trong tay cả đồng tiền đô xanh, đô đỏ...

Đã thế, hầu hết truyện ngắn cũng như truyện dài của Nguyễn Thị Thụy Vũ, luôn có cốt truyện rõ ràng, lớp lang đầu đuôi... Nên căn bản, đề tài của bà vốn là một từ trường có sức hút mạnh mẽ. Đồng thời, chúng còn đáp ứng được bản chất tò mò của người đọc nữa.

Tuy nhiên, sự thành công vang dội, nhậm lệ của Nguyễn Thị Thụy Vũ, giúp bà sánh vai cùng những nhà văn nữ cùng khuynh hướng khác, như Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng, Trùng Dương... không có nghĩa bà hoặc những người đồng thời với bà nhằm mục tiêu tranh đấu cho nữ quyền.

Bình tâm nhìn lại, chúng ta sẽ thấy, dòng văn xuôi 20 năm miền Nam phong phú, đa dạng được, do nơi nhà văn có những biên độ tự do đủ để chọn lựa, thể hiện xu hướng văn chương của mình. Từ chọn lựa viết về người lính miền Nam, chống Cộng, phản chiến tới lãng mạn, viễn mơ, xã hội, lịch sử, phong tục, tập quán, vân vân...

Tóm lại, sự khuấy động mặt nước ao tù tính dục của Nguyễn Thị Thụy Vũ (cũng như một số nhà văn nữ thời đó), là những chọn lựa ứng hợp với cảm quan văn chương của họ Nguyễn. Hành trình văn chương của Nguyễn Thị Thụy Vũ theo tôi, sẽ chỉ có hai giai đoạn rõ rệt là giai đoạn khởi đầu, với những truyện ngắn trên báo. Mau chóng định hình với tác phẩm đầu tay “Mèo Đêm” và những tác phẩm kế tiếp.

Với tổng số 10 tác phẩm được ấn hành, tính đến tháng 4, 1975, càng về sau, Nguyễn Thị Thụy Vũ càng có những truyện mà, tính dục như ngọn triều lùi xa bờ cát. Vai trò chính diện, con bài chủ trong một số truyện của họ Nguyễn đã sang tay... Tính dục vẫn có đó. Nhưng nó chỉ như cái có để dẫn đến những mặt khác của bản chất con người. Thí dụ, truyện “Trôi Sông” với hai nhân vật chính: Một ông già và một đào hát bội hết thời.

Theo mô tả của tác giả thì cả hai có cùng một mẫu số chung là mơ ước có được những ngày cuối đời sung túc, thơ mộng như một giải mã cho ẩn ức gay gắt tới nứt nẻ suốt thời thanh xuân. Những khát vọng cháy bỏng không tưởng của họ, xét cho cùng, cũng là một phản ứng tự nhiên. Rất con người. Mặc dù, cuối truyện, hai nhân vật “trôi sông” kia vẫn không được định

mệnh “hồi tâm,” ngoảnh lại, dành cho họ một nụ cười an ủi. Mà, khi hai chiếc đò nát gặp nhau, họ đã xấp lại như hai con thú cùng đường, động kinh. Để rồi trong một ảo giác sau chót, ông già chết trên bụng bà đào hát hết thời. Như tiếng nấc hay lời nguyện rửa ai oán cuối cùng của những phần số bất hạnh.

Cũng vậy, trong truyện ngắn “Đêm Tối Bao La,” (còn có tên là “Bà Điếc”), Nguyễn Thị Thụy Vũ tả một thiếu nữ (cực khác của tuổi già?), mơ ước làm lại cuộc đời sau khi bị phụ tình. Cô phải phá thai. Nhưng không vì thế cô lạnh, nguội khát khao một lần được làm mẹ (bản năng bẩm sinh của người nữ)!

Trước phần số bùn đen của hai nhân vật trong truyện kể trên, định mệnh đồng đánh vẫn không mở khóa cánh cửa tương lai cho tuổi trẻ còn đó, của người con gái này!

Ở những truyện loại vừa kể, người đọc vẫn đối diện với một Nguyễn Thị Thụy Vũ móng sắc. Một Nguyễn Thị Thụy Vũ lúc hòa hoãn. Khi sôi nổi. Ngậm ngùi... Cũng vẫn còn đâu đó bản năng. Nhưng chúng là mặt khác của những mô tả dục tình thô nhám, trần trụi. Tôi muốn nói, bà đã xẻ dọc cánh rừng văn xuôi của bà, để mở lối cho mình, một lối đi khác.

Trên con lộ mới xuyên qua thân phận làm người này, những mơ ước chín đỏ cuối kiếp, hay xanh ương đầu đời, đã được bà đề cập (đào xới), như một bản năng song hành với bản năng tính dục. Tuy nhiên, phải đợi tới khi truyện ngắn “Lòng Trần” ra đời thì, giai đoạn thứ ba trong lộ trình văn chương của Nguyễn Thị Thụy Vũ mới rõ ràng hiển lộ.

“Lòng Trần” là một truyện ngắn tách thoát quyết liệt, toàn phần với thế giới văn xuôi bao nhiêu năm của Nguyễn Thị Thụy Vũ. Nó như một đứa con văn chương tự sinh của bà. Trong phần nói về truyện ngắn “Lòng Trần” của mình, theo yêu cầu của nhà xuất bản Sóng, bà cho biết, truyện ngắn “Lòng Trần” của bà có tới tám mươi phần trăm sự thật. (5)

Nhân vật cô Năm Thành, một nghệ sĩ hát bội, là bà con xa với bà nội Nguyễn Thị Thụy Vũ. Trong truyện, cô Năm được một ông phú hộ bỏ ra phân nửa số ruộng đất của ông để chuộc cô ra khỏi gánh hát, đem về làm vợ. Chồng chết, cô Năm Thành ở vậy, thủ tiết nuôi con. Mỗi khi đến ngày giỗ chồng, cô Năm lại nhập vai đào hát ngày xưa, với đầy đủ mũ mào, cân đai của sân khấu hát bội...

Cô Năm cũng giắt lông trĩ trên đầu. Cầm gương trước bàn thờ chồng, cô biểu diễn những vai đào võ mà, trước kia ông phú hộ từng say mê qua tài diễn xuất của cô. Nhân vật thứ hai, ni cô Diệu Tâm, vẫn theo tác giả, cũng là chỗ bà con xa với bà nội của bà. Và, “ni cô chạy lạt nâu sòng từ hồi còn nhỏ, nhưng đến khi chết, lại đòi uống một muống nước mắm...”

Trong truyện, Nguyễn Thị Thụy Vũ đã nhập hai nhân vật vừa kể, làm một. Tác giả “Khung Rêu” viết:

“...Cô Năm Thành là mẫu người quá khứ của ni cô Diệu Tâm, để cho người đọc thấy rõ là ni cô Diệu Tâm luôn mến tiếc thời vàng son của mình. Khi truyện này được đăng trên tạp san Văn thì các văn hữu gởi lời khuyến khích. Thật ra, ngay khi sáng tác, tôi không nghĩ rằng mình viết một truyện hàm chứa một vài tư tưởng Phật Giáo trong quyển kinh Lăng Nghiêm, mà tôi chỉ thấy rằng cốt truyện có nhiều chi tiết ngộ nghĩnh, thế thôi.”

(Trích “Những truyện ngắn hay nhất của quê hương ta,” trang 399.) (5)

Sau mấy chục năm, đọc lại phát biểu của tác giả “Mèo Đêm,” về truyện ngắn “Lòng Trần,” tôi thấy rõ hơn bản chất chân chất của bà. Tôi không dùng hai chữ “ngay thẳng” - Vì đôi khi sự “ngay thẳng,” cũng ẩn tàng cái chủ tâm muốn chứng tỏ của người sử dụng chúng.

Nhưng “chân chất” thì không! Vì “chân chất” theo phân biệt của tôi, là ngay thẳng hồn nhiên. Nó có sẵn tự bản chất. Nó làm nên nhân cách đời thường Nguyễn Thị Thụy Vũ.

Sự “chân chất” của họ Nguyễn nằm nơi hai tiết lộ đáng kể trong trích đoạn trên. Đó là, bà được các văn hữu khuyến khích vì nó hàm chứa một vài tư tưởng Phật Giáo...

Từ cảm nghiệm vừa kể tôi bỗng hiểu ra, tại sao tác giả “Lòng Trần” có thể bình thản, mạnh mẽ sống lo cho các con. Trong số đó có một bé gái tên Thụy, sinh năm 1973. Cháu bị liệt từ năm lên 2 vì tai nạn té ngã trong nhà; do sự vô trách nhiệm của của chị người làm trông nom cháu thời đó.

Vào những năm tháng đầu sau biến cố tháng 4, 1975, nhà văn Văn Quang cho biết, có một thời gian tác giả “Chiều Xuống Êm Đềm” đã phải làm lơ xe đồ, chạy đường Saigon-Thủ Đức. Suốt ngày bà chỉ đứng một chân... cho tới khi kiệt sức, không kham nổi, bà mang con cái về nhà mẹ ở Lộc Ninh. Chốn ở mới của bà là một nơi “...không có điện, không có nước, (bà và các con) sống như người rừng!”

Về “đời sống thực vật” của cháu Thụy, nhà Văn Quang ghi lại như sau:

“Suốt ngày hôm đó, cái hình ảnh cháu Khôi Thụy ám ảnh tôi không rời. Buổi trưa tôi ngồi với Ngân ngay trên sàn gạch nhà ngoài. Tôi nghe phòng bên vắng vắng tiếng cười rúc rích của Thụy Vũ, tiếng chị nựng nịu, tiếng nước chảy ào ào rửa nhà và tiếng hát ru của chị vắng lên giữa núi rừng. Tôi có cảm tưởng như chị sống rất hồn nhiên, vui vẻ bên đứa con thơ hai ba tuổi. Càng nghe chị cười, chị thủ thủ với con, tôi càng thấy ghen ngào. Đôi mắt Ngân chớp mau, cô nói như để che lấp nỗi lòng mình:

-Anh thấy không, đó là nét đặc biệt nhất của Thụy Vũ. Chị luôn coi đứa con chị như khi còn hai tuổi và chị cứ hình dung cháu không hề bị bệnh, chị vẫn nựng nịu cháu, cười đùa hồn nhiên với cháu. Có miếng gì ngon chị cũng để phần cho cháu, dù chị biết rõ hơn ai hết rằng nó không hề phân biệt được cái gì là thức ăn chứ đừng nói đến ngon dở. Nhưng đó là tấm lòng bao la của người mẹ...

-Phải nói rằng một người mẹ tuyệt vời và một tấm lòng can đảm vô bờ bến.” (6)

Chỉ với một đoạn văn trên của nhà văn Văn Quang, đã cho thấy nhân cách Nguyễn Thị Thụy Vũ có phần chói lòa hơn cả văn nghiệp của bà.

Do đó, tôi không thấy cần thiết phải viết thêm dù chỉ một dòng, về cây bút nữ đầy cá tính của 20 năm văn học miền Nam này!

(3 tháng 11, 2010)

Chú thích:

(4) Nhà xuất bản Sóng do nhà văn Nguyễn Đông Ngạc chủ trương. Năm 1974, ông xuất bản một tuyển tập nhan đề “Những truyện ngắn hay nhất của quê hương ta,” gồm 45 truyện ngắn của 45 nhà văn miền Nam (tính từ 1954 tới 1973).

(5) Nguyễn Thị Thụy Vũ tên thật là Nguyễn Băng Lĩnh, sinh năm 1939 tại Vĩnh Long. Bà làm nghề gõ đầu trẻ tại tỉnh lỵ này cho tới năm 1961 thì dời lên Saigon.

(6) Trích “Người con gái 27 năm với đời sống thực vật,” Văn Quang, Saigon, tháng 4, 2000.

Chén trà, cây bút và một ngọn đèn

Hồ Trường An

(Em trai của nhà văn Thụy Vũ)

Nếu chúng ta chỉ biết tới những văn nghệ sĩ mà không nói tới những người làm văn hoá, những ký giả...tôi e thiếu sót, và bất công nữa là khác.

Và hôm nay nắng hạ đang trở về từng bừng trên lá cây bạch dương, trên những mặt tiền xám của các khu chung cư, trên mái ngói đỏ, trên những chùm trái anh đào chín mọng...

Nắng càng gay gắt, tôi càng nhớ anh Nguyễn Ngu Í. Mỗi năm vào mùa nóng nực, cơn điên trở về với anh. Anh chạy long nhong từ nhà văn hữu này sang nhà bạn văn kia, độc thoại thôi liên tu bất tận. Có nhiều lần chị Thoại Dung, vợ của anh, phải kiếm anh hụt hơi để đưa đi dưỡng trí viện Biên Hoà.

Đã nói tới anh Nguyễn Ngu Í, tôi không thể quên ký giả Lê Phương Chi, người em kết nghĩa của

anh Ngu Í. Cả hai viết ký sự về văn học rất hay, phỏng vấn văn nghệ sĩ thật tuyệt. Anh Ngu Í có khuyên tôi một câu để đời: "Muốn phỏng vấn văn nghệ sĩ cho hay là phải đọc nhiều sách báo, đọc rồi phải suy nghĩ ...". Sống trên đất Pháp, vào tối thứ sáu lối 9 giờ, tôi thích xem cuộc hội thoại giữa ký giả Bernard Pivot với tác giả các tác phẩm vừa trình làng trong tuần trên đài truyền hình Authène 2. Nhìn Bernard Pivot, tôi nhớ tới anh Ngu Í và anh Phương Chi, hai ký giả tận tâm yêu nghề, mê đọc sách và có kiến thức sâu rộng.

Về sau, khi vào quân đội, qua Tô Thùy Yên, tôi biết thêm ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc. Ông giữ mục tạp ghi trên nhật báo Tiền Tuyến, viết rất linh hoạt về đủ mọi đề tài: văn chương, sân khấu, ca nhạc, điện ảnh, chính trị, xã hội, phong tục ... Có một thời gian ông vắng mặt, nhà văn Thanh Tâm Tuyền viết thay nhưng không tạo được cái không khí hấp dẫn nồng mặn như ông.

Một ký giả lão thành có kiến thức thâm hậu về văn hoá là cụ Văn Lang Trần Văn Ân, chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp san Đời Mới, một trong hai tạp chí có giá trị của miền Nam thời thập niên 50 (tạp san kia là tờ Nhân Loại do Đông Hồ chủ trương)

Vậy thì hôm nay, tôi sẽ viết về Nguyễn Ngu Í, Lê Phương Chi, ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc và cụ Văn Lang Trần Văn Ân.

Nắng bên ngoài phai dần. Mãi đến 11 giờ đêm, bóng tối mới chịu trở về. Tôi lại ngồi vào bàn viết, đối diện với thếp giấy trắng. Thôi thì, tôi phải viết, tự mình bắt buộc mình, dù có cảm hứng hay không, về những ký giả thượng thặng kia. Mười lăm năm qua rồi, nếu tôi chần chừ, không chịu ghi lại, tôi sẽ quên rảo khi tuổi già bắt đầu lép lỏ bên kia cầu nhân sinh.

Đã có thếp giấy nỡn nà, hãy cho tôi một chén trà, một cây bút và một ngọn đèn. Quá khứ dẫu có lùi vào cõi xa xăm, tôi sẽ bắt nó sống dậy trên từng dòng chữ. Và tôi thấy lại chặng đời đó, khoảng năm 1964, sau khi Ngô Triều sụp đổ, cơn khủng hoảng chính trị ở miền Nam đất nước bắt đầu trầm trọng. Đó là lúc Văn Lang tiên sinh vừa được phóng thích, từ Côn Đảo trở về; Nguyễn Ngu Í đang làm chấn động văn giới bằng loạt bài phỏng vấn đăng trên bán nguyệt san Bách Khoa.

Vào mùa hè năm 1987, tôi không đi nghỉ hè ở đâu cả. Rồi tháng tám trôi qua, tôi cảm thấy mắt thăng bằng tâm lý dữ dội. Trong nội giới của tôi, từng trận dao động làm đêm đêm tôi mất ngủ, khoác áo lạnh đi lang thang trên những con đường vắng ngắt; đi như mê, đi trong cơn bán mộng du cho đến khi ý thức được sự hiện hữu cùng nỗi đau khổ của mình tôi mới trở về nhà, thiếp đi trong giấc ngủ nặng nề và cơn hồi hộp.

Có lẽ tôi cần thay đổi không khí. Và nhân dịp tháp tùng theo người bạn đi Vannes, một tỉnh lỵ ven biển vùng Bretagne, tôi quyết định sẽ ghé thăm nhà chí sĩ Văn Lang Trần Văn Ân hiện đang cư ngụ tại Rennes, một thành phố to lớn với những kiến trúc bằng đá cực kỳ tráng lệ.

Văn Lang Trần Văn Ân là cựu ký giả, là nhà cách mạng và cũng là cựu cố vấn tổng thống Thiệu, một kẻ sĩ thanh liêm trong chế độ tham nhũng và một người rất ưu tư về văn hoá. Tôi kính mến tiên sinh không hẳn vì ông là người tiết tháo vì tôi vốn ít quan tâm đến chính trị. Lý do chính vì ông là bạn thân của nữ sĩ Song Thu, kẻ mẫu của ba tôi. Những năm sau cùng của bà Song Thu, chính tiên sinh đã cấp dưỡng, giúp đỡ bà cho tới ngày bà mệnh chung vào cuối xuân 1970.

Đã quyết định, tôi liền điện thoại cho Văn Lang tiên sinh. Bốn năm qua, ông đã tái hợp với phu nhân và cậu con thứ chín. Mỗi ngày tiên sinh miệt mài dịch thơ Đường ra Việt ngữ, dịch thơ mình ra Pháp ngữ, sáng tác truyện dài, truyện ngắn... Chính phu nhân sắp xếp các bản thảo rồi

đánh máy, trình bày từng tập rất đẹp cho tiên sinh.

Một ngày u ám đầu tháng chín, chúng tôi lên đường . Khởi hành từ sáng sớm, đến 2 giờ chiều chúng tôi mới đến Rennes, gõ cửa nhà Văn Lang chí sĩ.

Phu nhân mở cửa chào đón. Bà còn trẻ , độ năm mươi ngoài. Lúc đó tiên sinh đang ngồi viết miệt mài tại bàn tròn. Ông mừng rỡ, bảo tôi lễ bàn thờ tổ Hùng Vương, gần bàn thờ Phật. Nơi đó có bản đồ Việt Nam làm bằng thạch cao, có rỗng cuốn theo chiều dài hình chữ S. Bản đồ được sơn một lớp kim nhũ lấp lánh và đóng khung gỗ chạm trổ. Sau tấm gỗ là lá quốc kỳ bằng vải. Hai bên bàn thờ tổ là cặp liễn bằng giấy hồng điều viết chữ chân phương bằng mực tàu đen lánh:

*Thiên tương hoá nhật thư thanh cảnh
Thất hữu xuân phong tự thái hoà.*

Với trà sen nhấp giọng và kẹo đậu phộng điểm xuyết, chúng tôi cùng nhau hàn huyên chuyện cũ. Phu nhân Văn Lang tiên sinh đem ra hai tập album gắn đầy những tấm ảnh mà tiên sinh chụp chung với các nhân vật lịch sử Pháp Việt thời đầu thế kỷ, giảng giải cho người bạn Pháp của tôi nghe. Trong khi đó tiên sinh đọc những vần thơ đời Đường, đời Tống và những dịch phẩm mà tiên sinh đã hoàn tất.

Trong lúc phu nhân sửa soạn bữa ăn chiều dưới bếp, tôi yêu cầu Văn Lang tiên sinh kể cho tôi nghe về những nhà lãnh đạo, những chánh khách mà tiên sinh đã tiếp xúc như cựu hoàng Bảo Đại, đức thầy Huỳnh Phú Sổ, các nhà ái quốc Phan văn Hùm, Tạ Thu Thâu ...Tiên sinh cũng thuật lại những ngày tù ở khám lớn Côn Nôn. Ngày ấy, tiên sinh là tử tội dưới Ngô triều, không hy vọng có ngày về đất liền, nhưng chỉ đọc qua một lượt quyển Kim Cang Đại Thừa , tiên sinh đã nhiếp tâm, đã phá chấp, đạt sự khinh an. Trong khi đó, học giả Hồ Hữu Tường đã ngã lòng, khiếp sợ bạo quyền nên sách động các tù nhân chính trị làm thỉnh nguyện xin ân xá, rồi hoá điên, rồi mắc chứng cuồng dâm, cảnh huống rất thảm thương! Cái cuồng dâm của ông về sau còn rớt lại trong cuốn Cẩm Hồng Xuất Giá , trong cuốn Hoa Di Cẩm Trận. Tội nghiệp cho Hồ tiên sinh biết bao! Nỗi tuyệt vọng đã dồn ông vào một tình thế cay đắng, để chân tướng hoạt đầu, bản tiện của ông xuất lộ . Và sau khi Ngô triều sụp đổ, ông lặn ba vi bộ trong chính trường, bị báo chí giỡn nhột khinh lờn, bị bà dân biểu Trần Kim Thoa lấy guốc đập lên mặt, lấy quần trùm lên đầu ! Nhắc tới cái chết của ông dưới chế độ Cộng sản, không ai là không ngậm ngùi thương xót !

Tối hôm đó tôi được Văn Lang tiên sinh chỉ điểm thêm về phương pháp tọa thiền . Tuy lên giường lúc một giờ sáng nhưng mãi đọc vài chương sách của tiên sinh, mãi đến ba giờ sáng tôi mới ngủ.

Sáng hôm sau, tôi thức giấc với thần trí thanh thản như vòm trời đẹp nắng ngoài cửa sổ. Văn Lang phu nhân đãi cả nhà món bún bò Huế trước khi chúng tôi kiếu từ để đi viếng vùng biển Vannes. Thời gian trôi nhanh, tôi tiếc mình không được gần gũi Văn Lang tiên sinh thường xuyên. Kiến thức về văn hoá và kinh nghiệm sống của ông thật dồi dào, chắc chắn ông sẽ soi sáng cho tôi nhiều vấn đề mà tôi đang suy gẫm.

*Năm 1971, Tô Thùy Yên cùng nhóm nhân viên phòng văn nghệ cục Tâm Lý Chiến, kẻ bỏ công người bỏ của ra thực hiện đặc san **Bông Hồng** . Yên của tôi đi phỏng vấn các ca sĩ, minh tinh điện ảnh, các điện ảnh gia, các nhà văn nữ. Tờ báo rất đồ sộ, khổ nhật báo dày ngót nghét 160 trang do Tô Thùy Yên trình bày, đẹp lộng lẫy.*

*Khi giao cho tôi một ấn bản **Bông Hồng** còn thơm mùi mực, Tô Thùy Yên bảo tôi: "Lô Răng Phan Lạc Phúc chịu các bài phỏng vấn của cậu, nhất là loạt bài phỏng sự viết về nghệ sĩ trình diễn. Ông ta khen cậu có vẻ thạo nghề"..Ngẫm lại, tự một nhà văn thất bại, tôi nhào qua lãnh vực ký giả, chỉ mới được Phan Lạc Phúc khen mà thôi .*

Tôi đã gặp, trước đó, ký giả Lô-Răng Phan Lạc Phúc tại toà soạn nhật báo quân đội Tiền Tuyến toạ lạc tại tổng hành dinh cục Tâm Lý Chiến vào năm 1971. Lúc đó Thanh Tâm Tuyền, Viên Linh, Lê Tất Điều cùng làm việc ở đây . Khác với Thanh Tâm Tuyền, Viên Linh, Hoài Điệp Tử, Nguyễn Khắc Nhân ..chỉ mặc thường phục đến sở, Lô-Răng mặc quân phục rất đẹp. Vóc dáng ông cao lớn, vai rộng, mặt mày phương phi.

Khi Lô-Răng cộng tác với nhật báo Tiền Tuyền, Vũ Khắc Hoan, Mai Thảo cùng Nguyễn Đình Toàn đến viếng ông luôn. Họ "binh" xập xám ngay tại toà soạn; họ nhậu nhẹt cả giờ này sang giờ khác ở câu lạc bộ. Vậ mà ngòi viết của ông một khi đặt lên trang giấy là chạy thoăn thoắt như ngựa phi, từng ý tưởng sâu sắc như gió táp mưa sa trải lên trang giấy. Có một lần ông viết về kỷ niệm hương hoa bưởi đăng trên tạp chí Vấn Đề do Vũ Khắc Hoan chủ trương, bài viết thật giản dị và vô cùng truyền cảm.

Ký giả Lô-Răng là người có nếp sống sung túc nhất trong hàng ngũ ký giả. Ông có năm căn phố lầu khang trang đẹp đẽ và làm chủ một tiệm vàng đồ sộ ở chợ An Đông. Nhóm cái bang văn nghệ của Vũ Khắc Hoan gồm Vũ Khắc Hoan, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Hoài Bắc, Phan Lạc Phúc, Thanh Nam. Họ nhậu nhẹt thường trực ở phòng trà Đêm Màu Hồng, ở Givral, ở La Pagode.

Lô-Răng đã có lần nhận xét về bút pháp của các nhà văn nữ thời danh như sau: Túy Hồng thông minh, Nhã Ca tha thiết, Nguyễn thị Hoàng làm dáng, Trùng Dương sống sượng, Nguyễn thị Thụy Vũ ngang ngược.

Từ năm 1971, Phan Lạc Phúc được chọn làm trưởng ban giám khảo giải điện ảnh trong giải văn học nghệ thuật toàn quốc. Trong thời gian làm trưởng khối chiến tranh chính trị tại Quân Đoàn 3 (Biên Hòa) trừ những đêm ứng chiến, chiều nào ông cũng về Sài Gòn. Sáng ông chỉ uống một ly cà phê sữa điểm tâm. Trưa, một ly cà phê đen, không ăn trưa . Lúc đầu tôi nghĩ ông ta ăn theo một cái régime nào đó, nhưng sau tôi mới vỡ lẽ: ông kén ăn chỉ thích ăn những món do vợ con nấu nướng.

Làm việc ở Quân Đoàn 3, Lô Răng tỏ vẻ không thoải mái. Ông cạy cục để được về Sài Gòn . Thanh Tâm Tuyền lúc đó đang dạy trường Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt cũng đang vận động để về thủ đô. Sau cùng, vào cuối năm 1974, cả hai được chuyển về Bộ Quốc Phòng để trông coi nguyệt san quốc phòng.

Sau ngày 30.4.75, tôi tá hoả tam tinh thấy ký giả Lô-Răng còn kẹt lại. Ông mất hết phong độ, vẻ mặt dớn dác, lo lắng. Tôi hỏi thăm về các nhà văn trong nhóm Sáng Tạo, ông cho biết: "Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ có đủ phương tiện để qua Guam. Tôi cũng thế. Nhưng đi để làm gì? Mình đã sinh ra trên đất nước này thì mình cũng chỉ muốn chết trên đất nước này". Tôi nghe mà bùi ngùi cảm khái. Nhưng rồi có tin đồn rằng ông là chủ tiệm vàng, không dám ôm vàng xuống tàu qua Guam vì sợ lúc hỗn quân hỗn quan, kẻ bắt lương sẽ "khoảng" hết vàng của ông .

Giờ đây ký giả Lô-Răng Phan Lạc Phúc nằm nhà chờ con cái bên Úc bảo lãnh. Xin cầu chúc ông may mắn.

Năm 1960 tôi đọc tạp chí Bách Khoa , theo dõi say mê cuộc phỏng vấn các văn nghệ cầm bút do Nguyễn Ngu Í thực hiện. Và qua một bức thư gửi cho anh qua toà soạn Bách Khoa , cuộc quen biết bắt đầu .

Anh Ngu Í không chỉ là ký giả mà còn là nhà thơ, nhà văn. Anh có tham vọng đơn giản hoá và cải tiến chữ quốc ngữ. Thay vì dùng chữ 'y', anh dùng chữ 'i': kỉ niệm thay cho kỷ niệm. Trong chữ 'qu', anh bỏ chữ 'u' : qê hương thay cho quê hương, qan trọng thay cho quan trọng. Trong chữ 'ngh' anh bỏ chữ 'h' chỉ giữ chữ 'ng' : ngi lễ thay cho nghi lễ ...Cái ước vọng đó anh chỉ có thể thực hiện khi viết thư cho bạn bè, còn khi viết văn viết báo anh bắt buộc phải viết như mọi người. Mãi đến khi viết cuốn Quê Hương anh mới dám dùng chữ Qê hương để làm tựa.

Nguyễn Ngu Í có nhiều bút hiệu khác nhau. Bút hiệu mà anh ưa xài nhất là Ngê Bá Lí . Nghe nói Ngê là họ mẹ của anh. Bút hiệu Trần Hồng Hừng của anh ít phổ thông hơn . Có một dạo anh sáng tác chung nhiều bài thơ với Yã Hạc Nguyễn văn Trung, k1y tên là Trinh Nguyễn. Tên Yã Hạc (Dã Hạc) đã cầu kỳ, tên Trinh Nguyễn (Trinh Nguyễn) cũng lập dị không kém, nhưng thơ của cặp Yã Hạc Trinh Nguyễn thì hay lắm, không kém thơ của Đoàn Thêm và Bùi Khánh Đản.

Nguyễn Ngu Í tên thật là Nguyễn Hữu Ngự, sinh tại Hàm Tân (Bình Tuy), con một ông đồ ái quốc lữ vận. Là cựu học sinh Trương Vĩnh Ký, anh là bạn thân của nhà nhạc học Trần văn Khê, nhà văn Bình Nguyên Lộc, học giả Hồ Hữu Tường. Với bạn bè, anh ăn ở rất chí tình . Anh đã đem ông Trần văn Khê, bà Mộng Trung (người bạn đồng hành của ông Khê) vào Bách Khoa qua loạt bài Nhạc Việt trên xứ người. Nhà văn nữ Vân Trang, Minh Đức Hoài Trinh đều do anh giới thiệu với Bách Khoa khi cả hai chưa có chút tên tuổi nào trên văn đàn.

Phu nhân nhà nhạc học Trần văn Khê là bà Nguyễn thị Sương vốn là giáo sư Pháp văn dạy Kiệt Tấn và tôi trong thời gian chúng tôi theo học trường Cao Tiểu Vĩnh Long (1949-1953). Năm 1964, tôi có dịp đến thăm bà ở đường Trần Quang Khải, bà cho biết:"Trong các bạn bè của thầy (chỉ ông Trần văn Khê), cô chỉ thấy anh Ngu Í là có lòng. Anh ấy lo lắng cho thầy nhiều, gửi sách báo qua cho thầy đầy đủ"

Anh Ngu Í cũng đã hết lời khuyên lơn ông bà Bình Nguyên Lộc nên bằng lòng để bác sĩ Tô Dương Hiệp (trưởng nam ông Lộc) cưới cô gái mà bác sĩ thương dù nhiều nơi giàu sang địa vị nỗ ý muốn kết sui gia với nhà văn này. Bởi đó, ông bà Hiệp rất cảm mến anh Ngu Í. Mỗi năm, vào lúc tiết trời viêm nhiệt, khi anh Ngu Í nổi cơn thì chính bác sĩ Hiệp tận tâm săn sóc cho tới khi anh hồi phục.

Nguyễn Ngu Í đã cho xuất bản Khi người chết có mặt (1962, truyện dài), Sống và viết với ... (1966, ký sự văn nghệ sĩ học giả), Hồ Thơm Nguyễn Huệ Quang Trung (1967, biên khảo), Qê hương (1969- hồi ký); và một tập truyện ngắn viết chung với vợ, chị Thoại Dung, tựa là Suối bùn reo

Chị Thoại Dung thấp người, không đẹp nhưng có học, dạy trường Aurore, chiều chồng và tế nhị. Nhưng anh Ngu Í thì yêu lung tung những nhưng đàn bà làm văn nghệ. Mỗi đam mê oan nghiệt nhất là tình yêu của anh đối với nhà văn nữ Nguyễn thị Hoàng. Sự đeo đuổi dai nhách của anh là chị Hoàng bực bội, phải bần gắt , đôi khi nói nặng mà anh vẫn đắm đuối yêu. Có dạo chị Hoàng lên Đà Lạt, anh làm bài thơ:

*Mừng em giờ đã lên non
Mừng em giờ quyết bồng con đứng chờ
Thời gian cứ lướt hững hờ
Mừng em sắp đến bến bờ bể dâu*

*Sương ôm nắng áp ai cầu
Mối sầu dằng dặc dễ hầu phiêu
Trăng hờn, nước giỡn, gió ca
Thấu chẳng lòng đá, lòng ta, mấy lòng?*

Lại có một thời gian ngắn anh si mê Thụy Vũ qua hình ảnh, thư từ. Nhưng khi gặp mặt Thụy Vũ, anh dội ngược. Lúc đó Thụy Vũ bệnh hoạn, ốm yếu, gió thổi bay. Anh có lại nhà rủ Thụy Vũ viết truyện. Thụy Vũ từ chối: "Em bỏ nghề cô giáo làng lên Sài Gòn kiếm sống. Chưa tìm được chỗ làm vững chãi, em còn tâm trí đâu mà viết văn? Nay mai em phải vô nhà thương để mổ hốc mũi nữa!"

Thụy Vũ bị đau mũi kinh niên, phải chịu mổ xương hốc mũi để vét nạo mỡ dơ và vết nám trên xương. Cứ mỗi lần chịu giải phẫu, chị tôi phải nằm nhà thương cả tháng.

Kỳ Thụy Vũ nằm nhà thương lần thứ hai, anh Ngu Í cũng bắt đầu nổi cơn điên. Một sáng, anh chạy xồng xộc đến nhà cô Phương Đài kiếm tôi, hỏn hển: "Thụy Vũ nằm nhà thương nào? Phòng số mấy? Anh muốn đi thăm nó!"

Tới nhà thương, anh Ngu Í đăm hoảng. Thụy Vũ tóc tai xụ xọp như con ma đội mồ, mặt chề bè như cây quạt mở rộng, sừng chần dãn như một tảng bánh đúc. Tuy đang lên cơn điên, nhưng vừa thấy Thụy Vũ lồm cồm ngồi dậy, anh sợ điếng hồn, vội tháo lui ra cửa, miệng hét: "Anh chúc em chóng bình phục!" Thụy Vũ ngỡ ngác bước ra khỏi phòng. Anh Ngu Í hoảng hốt, hỏn bắt phụ thể, chạy vắt giò lên xuống cầu thang mất biệt.

Sau này, khi tập truyện ngắn đầu tay Mèo Đen Thụy Vũ trình làng, một buổi sáng oi bức, chúng tôi nghe tiếng mô-by-lét nổ tành tạch trước nhà. Ngó qua cửa sổ, tôi thấy anh Ngu Í mặt mày tươi tỉnh, tóc chải cẩn thận, áo quần thẳng nếp. Biết là anh chưa tới cơn, tôi mở cửa mời anh vào. Thụy Vũ vừa thức giấc, đang nấu nước, mời anh vào. Thụy Vũ vừa thức giấc, đang nấu nước. Chị hỏi anh ăn sáng chưa, anh trả lời đã ăn rồi nhưng giọng yếu xìu. Thụy Vũ đem khăn nhúng nước ấm mời anh lau mặt rồi sai tôi đi mua hủ tiếu và bánh bao, xíu mại, còn chị thì pha ba ly cà phê phin. Vừa ăn sáng, anh vừa kể cho chúng tôi nếp sống của các văn nghệ sĩ mà vì vừa chân ướt chân ráo vào làng văn nên chị em tôi chưa biết nhiều. Anh kể: "Trong những người đàn bà cầm bút tuổi từ 20 đến 40 hiện giờ chẳng có ai đẹp ngoài Nguyễn thị Vinh, Trùng Dương và bà Vân Trang, nhưng cũng chẳng ai xấu cả. Như Túy Hồng tươi mát, Hoàng Hương Trang ngăm đen mà có duyên. Thụy Vũ đỡ gầy nên coi mướt hơn." Anh cố tránh không nhắc đến Nguyễn thị Hoàng.

Nguyễn Ngu Í là người bất mãn kinh niên về đủ thứ: sự nghiệp, thời cuộc, lý tưởng, tình ái v.v.. Anh đã làm những câu thơ trác tuyệt tặng hai đứa con khi cảm hoài ý nguyện không thành của thân phụ:

*Chí ông, ba đã cúi đầu.
Mơ ba, con có ngẩng đầu không con?*

Anh thích làm thơ. Thơ của anh rất truyền cảm. Trong tập Có những bài thơ của anh có một bài anh tặng Thụy Vũ khi nhìn tấm ảnh chụp hơi nghiêng của chị:

*Ai thương giùm tôi cô giáo nhỏ
Khi phấn son chưa đầy đoạ mặt nghiêng nghiêng.*

Nếu Nguyễn thị Hoàng cảm thấy bị xúc phạm khi biết Ngu Í yêu mình thì Thụy Vũ chỉ cười hăng

hắc khi đọc những vần thơ âu yếm của anh. Chị bảo: "Kệ ảnh, ảnh muốn mơ hình tưởng bóng, xây mộng dệt mơ gì đó thì cứ mặc sức. Tao có sút mẻ, chết chóc gì đó mà sợ?"

Từ khi biết Tô Thùy Yên và Thụy Vũ kết nhau, anh Ngu Í thôi không đến thăm chúng tôi nữa. Anh chỉ gheo Thụy Vũ lúc trao đổi thư từ, chứ lúc gặp gỡ, anh tỏ ra đứng đần lảm.

Năm 1977, khi định cư ở Paris, tôi được tin anh Ngu Í từ trần. Anh chết vì nghèo đói, thiếu thuốc men. Thật tình, tôi cảm thấy mừng cho anh. Dưới chế độ cộng sản, đối với anh, đa thọ chỉ đa nhục, đa gian truân. Song, giờ chồng Bách Khoa đọc lại bài của anh, tôi bỗng thương xót anh vô hạn. Anh đã gặp lắm cảnh lỡ làng khi dấn thân vào cuộc đời nghệ sĩ. Tôi như thấy lại khuôn mặt hơi thỏn, hàm răng hơi vầu, đôi mắt lơ lơ mệt mỏi và nhất là hàm râu không cạo kỹ lờm chờm, le the quanh miệng anh. Còn cái vóc mình gầy gò khô héo của anh nữa chi! Ấy vậy mà anh siêng năng đi hết nhà văn nghệ sĩ này đến tư gia học giả khác để phỏng vấn, thăm viếng. Phải có một đam mê nào đó với văn nghệ, phải có sự tha thiết mến thương nào đó với văn giới, anh mới có thể hoạt động hăng say như vậy. Năm 1964, tôi đến thăm anh gặp lúc anh đang cúng đầy tháng cho đứa con thứ hai. Đứa thứ nhất là con nuôi. Mãi gần 50 tuổi, tóc đã hoa râm, chị Thoại Dung mới sanh được một quý tử. Chị Thoại Dung chậm sanh nở cũng là một mối lo lắng cho anh và anh rên siết về sự muộn màng của vợ. Nhưng khi có con rồi, anh cũng vẫn mỗi năm nổi cơn điên một lần. Cơn điên càng lúc càng dài làm anh chỉ còn da bọc xương. Anh chết đi, tôi thấy nhẹ nhõm cho anh hơn. Anh đã để lại một sự nghiệp văn nghệ, tuy không rõ ràng nhưng cũng đủ cho con cháu tự hào. Song cuộc đời anh bi thảm quá, sự nghiệp văn nghệ nào đủ để bù sót được cho anh?

Lê Phương Chi tên thật là Lê Thanh Cảnh, còn có tên là Lê Thanh Thái, cộng tác với tạp chí Bách Khoa từ năm 1960 cho đến ngày chung cuộc đau buồn của miền Nam.

Trong toà soạn Bách Khoa, kể về ban điều hành và biên tập viên thì bốn người xinh trai nhất là: Lê Ngộ Châu, Lê Tất Điều, Lê Phương Chi và Vũ Hạnh. Nhưng Lê Ngộ Châu bột quá, Lê Tất Điều gầy quá, Vũ Hạnh thiếu đậm đà và cặp mày thưa quá. Chỉ có Lê Phương Chi là khôi vĩ, mặn mà nhất với màu da bánh mật hồng hào.

Anh không phải là người khoa bảng nhưng anh đọc sách nhiều. Mỗi khi phỏng vấn một tác giả nào, anh đọc gần như toàn bộ tác phẩm của người đó rồi nghiền ngẫm các tình tiết cũng như phân tích sở trường sở đoản của tác giả khiến những bài phỏng vấn của anh đăng trên Tin Sách rất tươi tắn, linh hoạt, duyên dáng.

Nhiều người thường bảo Lê Phương Chi điểm đảng, riên tôi chỉ thấy anh là một ký giả có tài, có lương tâm tuy đôi lúc hơi tự tôn về vẻ điển trai của mình cũng như có khá nhiều mặc cảm tự ti về việc thiếu thốn bằng cấp.

Về chuyện ve vãn gái, anh có biệt tài bao nhiêu thì trong hôn nhân anh gặp nhiều cay đắng bấy nhiêu. Vợ anh sau khi sanh cặp gái song sinh là Lê Chi Phương và Lê Phương Chi, bỏ đi lấy Mỹ rồi theo chồng về Mỹ, đem theo cô bé Chi Phương, để lại cô bé Phương Chi cho anh. Nhưng tai họa lại giáng xuống năm 1973, cô bé Phương Chi qua đời làm anh già sụp xuống, tóc bạc đi nhiều.

Tôi quen anh Lê Phương Chi vào năm 1966, lúc đang học Dược khoa. Ngày ấy sau khi đọc xong cuốn Thơ Dài của Túy Hồng, tôi cảm thấy thích nên viết bài Những nhà văn nữ miền Nam Việt Nam gửi cho tập san Tin Sách. Đầu chừng hai tuần sau, một người đàn ông trạc tuổi 40, da ngăm đen, cao lớn, ăn mặc lịch sự, cỡi vespa đến tìm tôi. Ông ta tự giới thiệu là Lê Phương Chi, tổng thư ký tập san Tin Sách. Lê Phương Chi bảo: "Cụ Vi Huyền Đắc, cố vấn văn

bút và ông Vũ Hoàng Chương, chủ tịch văn bút kiêm chủ nhiệm Tin Sách , có đọc bài viết của An, thích lắm, nên họ ngõ ý bảo tôi đến mời An cộng tác với Tin Sách"

Thật ra Tin Sách chỉ là một bulletin khổ 20x15 dùng để giới thiệu sinh hoạt của các văn thi sĩ, giới thiệu sách xuất bản trong tháng và điểm sách. Lê Phương Chi vừa là tổng thư ký toà soạn, vừa kiêm việc trình bày, sửa bản vẽ. Tờ Tin Sách đẹp, bìa màu nhạt, ruột mỏng, nhưng cách sắp xếp bài vở gọn gàng. Tờ Tin Sách đình bản vào cuối năm 1966 vì ngân quỹ văn bút không đủ.

Khi cuốn Mèo Đêm của Thụy Vũ trình làng thì bà Nguyễn thị Nhiên, chủ nhân một cái kiosque bán sách ở đường Lê Lợi đến thăm, ngõ ý muốn tái bản cuốn đó. Và tuy có tiền nhưng chưa thạo nghề xuất bản nên rủ chị tôi cùng hùn hạp. Suốt đêm, hai chị em tôi cứ bàn bạc tới lui, xuôi ngược. Sáng hôm sau, chị tôi đi vay bạc bà hàng xóm và bán một số nữ trang. Còn tôi và nghệ sĩ diễn ngâm Đoàn Yên Linh lên cư xá Lữ Gia kiểm Lê Phương Chi . Tôi muốn nhờ anh giữ phần trình bày sách và giao thiệp với văn nghệ sĩ để mua tác quyền.

Chúng tôi đến trước một nếp nhà khang trang xinh xắn , tường quét vôi trắng sáng, cổng gỗ màu thiên thanh, trước cửa là hai chậu sứ Thái Lan men thúy lục bóng ngời đơm hoa đỏ chói, một cây dừa lửa lùn tịt trong sân lá dài cứng cáp điểm những trái dừa nâu hồng như màu da anh ký giả họ Lê.

Hôm đó anh không có nhà, tôi đành để lại vài chữ cho cô em anh rồi từ giã ra về.

Hai hôm sau, Lê Phương Chi ra quán sách gặp bà Nhiên và Thụy Vũ để bàn việc thành lập nhà xuất bản Kim Anh.

Lê Phương Chi và Thụy Vũ vừa gặp nhau là đã trúng một cú sét rùng rợn. Chi vừa bị vợ bỏ. Thụy Vũ là gái lỡ làng. Đạo đó chị mập mập, tươi mát. Họ trông đẹp đôi lắm. Không nói, nhưng má tôi và tôi cứ hy vọng cả hai sẽ làm đám cưới càng sớm càng hay, càng mau càng tốt.

Sau khi thoả thuận, cả ba đồng ý tung ra đợt đầu các cuốn Ba miền mười khuôn mặt gồm truyện ngắn của mười tác giả, Vòng tay học trò của Nguyễn thị Hoàng.

Đáng lẽ Lê Phương Chi và Thụy Vũ phải lấy nhau. Họ đang ở trong giai đoạn "tình trong như đã mặt ngoài còn e" . Nhưng chưa gì hết mà Lê Phương Chi đã tuyên bố là Thụy Vũ mê man đấm đui anh. Anh đi khoe tùm lum, đụng ai khoe nấy, bạ đâu khoe đó. Anh diễn dịch cái "tình trong như đã" thành chuyện phiêu lưu tình ái lâm ly rùng rợn, thật bất lợi cho Thụy Vũ. Đã vậy anh lại còn ra vẻ ta đây hào hoa, được nhiều gái mê nên xun xoe mời một cô bạn gái của tôi đi khiêu vũ. Đêm anh đưa cô bạn đi vũ trường là Thụy Vũ ở nhà khóc ròng.

Tuần sau, Thụy Vũ đi dự bữa tiệc đính hôn của cặp Thanh Nam - Túy Hồng. Trong bữa tiệc này, chị tôi gặp Tô Thùy Yên. Tan tiệc, Yên đưa Thụy Vũ về. Sáng hôm sau anh trở lại rủ hai chị em tôi đi ăn món Huế.

Một tuần sau đó, Thụy Vũ mời bà Nhiên và Lê Phương Chi đi ăn. Trong bữa ăn , chị rót bia cho anh Chi, đặt chiếc phong bì lên bàn:

- Cám ơn anh đã giúp tôi nhiều về việc trình bày sách. Nhưng tôi không dám làm rộn anh thêm nữa. Xin anh nhận món tiền này gọi là công trình bày quyền Ba miền mười khuôn mặt và Vòng tay học trò .

Chị nở một nụ cười nhợt nhạt và lạnh ngắt bảo bà Nhiên:

- Tô Thùy Yên rủ tôi lập nhà xuất bản đó chị Nhiên.

Lê Phương Chi tái mặt. Anh đã hiểu, vì suốt tuần qua, Tô Thùy Yên và Thụy Vũ đeo dính nhau một bước không rời. Tôi cũng buồn lắm, nhưng đó là chuyện của Thụy Vũ. Mà tôi rất có cảm tình với Lê Phương Chi, tội nghiệp cho anh vì khôn quá hoá dại! Anh muốn 'chài' Thụy Vũ nhưng lại gây tổn thương tự ái của chị quá nặng nề.

Anh cũng có viết một bộ truyện phiêu lưu tựa là Đào mã Tàn Thủy Hoàng , ký tên Thái Tâm Canh.

Sau ngày 30 tháng 4, vào mùa mưa 1976, tôi gặp lại Lê Phương Chi trong khoá bồi dưỡng Chính trị. Anh thân ái hỏi thăm gia đình tôi và Tô Thùy Yên. Mới cách có bảy năm mà coi anh già sạm, duy cái nhìn ấm áp, nụ cười tươi tắn là trẻ mãi không già.

Vào một dịp bất chợt nào đó, hình ảnh quá khứ bỗng nhiên sống dậy, lọt vào cơn chiêm bao của tôi. Tôi như thấy lại khung cảnh phòng trà Đêm Màu Hồng, nơi có cái bàn đặc biệt dành cho Mai Thảo và nhóm cái ban. Trong nhóm đó, ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc phi mỹ nhất, khôi ngô nhất. Vàng trán ông cao, sáng và bóng lên dưới ánh đèn mờ ảo.

Tôi cũng đã thấy lại căn nhà hẹp tẻ của anh Nguyễn Ngu Í ở gần chợ Vườn Chuối. Trên căn gác lửng mờ tối, cạnh bàn thờ thần tài thấp sáng bởi ngọn đèn trứng vịt bóng đỏ là bàn viết của anh, trên đó giấy má, tập vở xếp gọn gàng có con ốc biển vân nâu vàng dần lên. Giá sách của anh rất ngăn nắp. Tủ sách bày nhiều cuốn bìa da, chữ mạ vàng. Nhưng bên hình ảnh đó, tôi cũng thấy lại dưới ánh nắng chói chang , anh Ngu Í quần áo xốc xếch, tóc tai bù xù, mặt mũi dớn dác cõi mô-by-lết vượt đèn đỏ, chạy đến tôi nói không ngừng nghỉ, tròn mắt đỏ như tôm luộc, bọt bèo đóng trắng hai bên mép.

Tôi cũng thấy lại khu cư xá Lữ Gia êm đềm tĩnh mịch. Trên những lối đi viền cây đại hoa trắng, cây bằng lăng hoa tím, người bán kem đầy xe mì, thỉnh thoảng dừng lại, gỡ hai thanh trẻ vào nhau lắc rắc. Và trong căn phòng khách mát rượi quét vôi màu kem sáng sữa, anh Lê Phương Chi đang mở băng cassette đã thu cuộc phỏng vấn, chăm chú nghe rồi ghi ghi xoá xoá..

Trời ơi, mới đó mà đã 15 năm. Mười lăm năm miền Nam lọt vào tay cộng sản, mười ba năm tôi sống đời ly hương. Viết bài này , tôi coi như một nén tâm hương đốt lên để tỏ lòng mến mộ các văn nghệ sĩ, trong đó có những kẻ nếu không đi vào cõi hư vô thì cũng đã chìm vào dĩ vãng hoặc còn mắc kẹt giữa vũng lầy cộng sản mà trước kia , do một cơ duyên nào đó, họ đã đến, đã dạy tôi nhiều điều bổ ích trong bút nghiệp.

Nguyễn Thị Thụy Vũ và những cánh thiêu thân Tạ Ty

Nguyễn Thị Thụy Vũ, nhà văn phái nữ, hiện diện giữa khung trời văn nghệ với một sắc thái đặc thù. Những ý nghĩ bỏng cháy và giã giũa về thân xác trong mỗi tác phẩm, đôi khi vượt quá ý nghĩ của nhiều người. Thụy Vũ mới ngoài ba mươi tuổi đời, tuổi nghề vừa lên 6 (1971), nhưng tự tạo cho riêng mình một thế đứng, một cương vị trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Người ta đã hỏi nhau, bàn tán, phê bình về bút pháp cũng như nội dung mỗi truyện của Thụy Vũ, vì nó không nằm trong khuôn nếp thông thường của một nữ nhi, nó đã bay ra ngoài quỹ đạo dự

tường.

Người ta còn băn khoăn, thắc mắc về mỗi tình tiết, mỗi dữ kiện được nhà văn tỏ bày trong văn chương. Từ băn khoăn đến thắc mắc, rồi nghi ngờ về thực trạng của mỗi vấn đề, mà Thụy Vũ đã đặt ra trước xã hội, về khả năng hiểu biết cuộc sống, một cuộc sống chẳng lấy gì làm hãnh tiến, và sự góp mặt của những chứng tích đó, có nên dành vinh dự cho nhà văn nữ giới?

Cùng đi chung đường với các nhà văn trẻ hôm nay, Thụy Vũ mở đầu văn nghiệp bằng những truyện ngắn đăng rải rác trong các tạp chí văn nghệ. Sự đóng góp của Thụy Vũ trong khu vườn văn chương đã gây ngay sự chú ý, nhờ vào một bút pháp mạnh mẽ xuyên qua từng dòng chữ bỏng cháy với suy nghĩ về tình dục, về xã hội trong nét sống đặc biệt của các cô gái thuộc giới *snack bar* thành phố.

Mấy chục năm trước, khi Nguyên Hồng viết *Bỉ vỡ*, vẽ lại nếp sống của lớp người du thủ du thực, ăn cắp, ăn trộm tại các bến tàu, các ngôi chợ. Cách thức sinh hoạt của hạng người đó, với những *ngôn từ chuyên môn* (nói nôm na là tiếng lóng) do họ sáng chế để dùng riêng với nhau, được Nguyên Hồng viết ra thực chính xác, sống động. Sở dĩ Nguyên Hồng có thể đào sâu vấn đề để tác động đến tâm thức người đọc, một phần nhờ vào hoàn cảnh có thực. Nguyên Hồng thuở niên thiếu, mồ côi cha, sống với mẹ tại một xóm lao động ở Hải Phòng, nơi tập trung khá đủ các hạng người cận bã của xã hội. Dù muốn dù không, cái nề nếp sinh hoạt đó cũng ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của Nguyên Hồng, nên những sự việc được nói đến, chẳng những trong cuốn *Bỉ vỡ* mà còn ở những truyện ngắn khác, đều phản ánh một cách minh triết về trạng thái xã hội lúc ấy dưới sự cai trị của thực dân Pháp.

Đọc *Bỉ vỡ*, người ta cảm thấy như được xem một màn trình diễn trong hí viện vừa vĩ đại vừa nhơ nhớp, vừa đáng thương vừa đáng ghét. Ở đây, mọi lừa lọc, gian manh và tủi cực, được tỏ bày như một hiển nhiên. Người đọc bị hút vào cơn lốc, xoay tròn từng vòng quay thâm, tượng trưng cho một dòng sống không thuộc vào dòng sống chung của xã hội. Nó có đấy, nhưng không được thừa nhận. Nguyên Hồng viết nó, nhưng ở ngoài nó cũng như trường hợp Vũ Trọng Phụng viết *Cạm bẫy người*, *Kỹ nghệ lấy Tây* và *Làm đĩ v.v...* Ai cũng biết Vũ Trọng Phụng không biết đánh bạc chứ đừng nói đến bạc bịp, nhưng khi đọc *Cạm bẫy người* với những lối bịp cao tay trong trò chơi đồ bác, người đọc nghĩ rằng, nếu tác giả không phải tay sành sỏi về môn này, chắc khó mà viết được chính xác, linh động như vậy. Sự thực, nhà văn chỉ giữ vai trò ghi chép và nghệ thuật hoá nó qua lời kể của ông chú, một tay đồ bác khét tiếng của Hà Nội ngày xưa. Cũng như trong *Kỹ nghệ lấy Tây*, Vũ Trọng Phụng đã *điều nghiên* qua kẻ khác.

Trái lại, có nhà văn muốn những điều mình viết ra, nó phải được chứng minh qua sự thật, nghĩa là, mình phải sống qua cái môi trường đó một cách thực tình với sự trả giá của bản thân như Marie Choisy, nữ ký giả Pháp, đã lăn lóc trong các hộp đêm của Paris và ngoại ô, đóng vai gái điếm, để hiểu cái thực chất của nghề nghiệp mãi dâm. Trường hợp Marie Choisy là ngoại lệ.

Ở xã hội Việt Nam, không thể nào có một Marie Choisy, tuy rằng trong địa hạt văn chương phóng sự, không thiếu gì các nhà văn khai thác về khía cạnh truy lạc, sa đoạ nhưng họ đều thuộc nam giới. Sự xuất hiện của Nguyễn Thị Thụy Vũ như một kỳ lạ, giữa khung trời nghệ thuật miền Nam Việt Nam. Thụy Vũ viết truyện ngắn với nhiều thể tài, mỗi thể tài đều hàm chứa sự cuồng nhiệt của tuổi trẻ trong vấn đề tình yêu, cũng như nỗi nhức mõi về thân phận, thân phận người con gái với những ước mơ táo bạo về dục tình.

Thụy Vũ hãy còn trẻ lắm, nên những sự việc đề cập tới dù ở khía cạnh nào, dù ở trạng huống nào, cũng chỉ để tỏ bày, để nói ra những gì mình nghĩ, một cách ngay tình không dùng những

ần dụ nào che đậy, hay có ý khuyến dụ ai, chìm khuất phía sau những dòng chữ. Bởi vậy, văn của Thụy Vũ thiếu chiều sâu ý thức. Người đọc Thụy Vũ, có thể nhất thời, bị lôi cuốn vào *guồng máy*, nhưng sau khi đọc đến dòng cuối, bắt gặp cái khoảng trống mênh mông, người đọc không còn phải thắc mắc, hay suy nghĩ về trường hợp vừa được nói đến. Đó là cái bản chất văn chương của Nguyễn Thị Thụy Vũ và nhà văn, chắc cũng chẳng mấy bận tâm về điều đó.

Colette, nữ văn hào Pháp. Người đã từng viết nhiều về cuộc đời luân lạc, gian truân của mình. Vốn bẩm sinh phóng túng lại lận đận cảnh chồng con, nhưng trời phú cho một năng khiếu về văn chương, với cái nhìn thật tinh tế và sâu sắc, nên những truyện do bà viết đều được hoan nghênh nhiệt liệt. Bỏ chồng, đi hành nghề vũ công, dưới tên Renée, Colette sống cô đơn và cực nhọc trong những năm tự lực mưu sinh. Bà đã viết về khoảng đời mấy năm làm vũ công, với những vui buồn của đời sống, tình yêu và nghề nghiệp trong cuốn *La Vagabonde (Kẻ lang thang)*. Viết, đối với Colette là cái nghiệp, nên bà đã say sưa bày tỏ quan điểm trong phạm trù văn chương, bằng những đoạn văn bất hủ.

... Viết! Chuẩn bị để viết! Có nghĩa là trải dài mơ mộng trước trang giấy trắng, với những dòng nguệch ngoạc vô ý thức, những trò chơi của ngòi bút quay vòng tròn quanh vết mực, nó nghiêng nát những chữ bất toàn, nó gượng ép, nó lờm chờm như những mũi tên nhỏ, nó giăng mắc như những sợi dây trời, như những vụn vặt, cho tới lúc mặt chữ mất đi, biến thành loài côn trùng cánh bướm tiên...

... Viết! Là trút xuống với đắm đuối tất cả thành thực của lòng mình trên mặt giấy căm dỡ, thật nhanh, nhanh đến nỗi bàn tay đôi khi cứng lại, tỏ ra ghê tởm, mệt mỏi vì đã được hướng dẫn bởi một vị thần linh không kiên tâm... và rồi lại tìm thấy, ngày hôm sau, ở nơi nhánh cây vàng diệp, sự hiển hiện một cách linh diệu trong một giờ rục rịch, một cành gai khô, một đoá hoa rơi... Viết! Nguồn vui và đau khổ vô dụng! Viết!... Tôi cảm thấy tốt đẹp, từ phía xa tắp, cái nhu cầu khẩn thiết như cơn khát giữa mùa hạ, phải ghi chép, phải vẽ ra... Tôi viết tức là bắt đầu trò chơi nhào lộn và giả trá, để chụp bắt cảm giữ, dưới ngòi bút uyển chuyển, cái hào nhoáng, cái phù du và cái mê cảm của hình dung từ... Nhưng đó chỉ là cơn biến động ngắn, là sự ngưng ngáy của một vết sẹo...

(*La Vagabonde*, trang 15-16)

Viết đối với Colette chẳng những là cái nghiệp còn do ám ảnh, nỗi vò xé của suy tư, cùng sự quặn rũ đến thối thúc trong mỗi dòng, mỗi chữ dù vui, dù buồn do tình ái hay cuộc đời tác động vào tâm thức. Nguyễn Thị Thụy Vũ cũng trải hồn mình trên trang giấy và vẽ vào đó những nét mạnh bạo, đôi khi phũ phàng để bắt người đọc phải cùng chung vui buồn với mình trong một khoảng thời gian ngắn, dài nào đó. Chuyện bốn cô gái ở trọ nhà chị Tám, một goá phụ, đã nói lên những cảnh huống dị biệt ở tâm tư mỗi người con gái lứa tuổi khác nhau. Vì còn trẻ, nên Thụy Vũ cũng không quên đùa nghịch qua văn chương, mỗi khi có dịp, như chuyện rình kẻ trộm trong *Đợi chuyến đi xa*. Đàn bà con gái bắt trộm ai tin được, nhưng đó chỉ là cái cớ để các cô có dịp thoả mãn sự tò mò trong vấn đề tìm hiểu thân xác đàn ông.

... Thình lình cây đèn bấm từ hướng chị Tám bật lên tiếp theo là tiếng the the của chị.

"Kìa nó đó."

Chúng tôi đứng phắt dậy, chạy dồn lại chỗ chị Tám. Chúng tôi chụm đầu nhau về phía thang gác nhà bên cạnh. Nhà tắm đặt sát trên mái bếp của nhà lán giềng hiện ra một khoảng sáng, rộng. Một người đàn ông đang tắm... Chị Tám bàng hoàng kinh ngạc đến độ quên tắt đèn bấm. Mọi người ngơ ngác chưa kịp cười thì thằng Bình (con út chị Tám) la lên:

"Tuồng gì! Té ra thầy Năm."

Lúc thầy Năm quán xong cái thân mình loáng ướt, chị Tám mới chịu tắt đèn. Thầy Năm chửi thề, rồi la:

"Người ta tắm, làm gì rình rập như vậy?"

Chị Tám bỏ nước nhỏ:

“Xin lỗi thầy Năm nghe. Tụi tôi tưởng trộm rình nhà. Ai dè mà...”

Chị Tám vừa đi vừa cầu nhàu:

“Ăn ở như vậy mà coi sao được chớ? Vậy mà còn chửi thề nữa.”

Chúng tôi bây giờ mới cười rộ. Chị Tám cũng cười theo nhưng trên nét mặt chị còn vẻ sượng sần lẫn hờn dỗi...

(Mèo đêm, “Đợi chuyến đi xa”, trang 35-36)

Tập *Mèo đêm* gồm 7 truyện ngắn. Mỗi truyện ít nhiều cũng đề tỏ bày về thân phận người con gái trước tình yêu và cuộc sống với bản khoán, rạo rục. Tuy không bất mãn hoặc chán đời, nhưng cuộc đời cô đơn quá, với những ước mơ cứ chông chát theo số tuổi mà tương lai thì vẫn mịt mù! Đứng hoài trong tư thế chờ đợi đâu được, người con gái cần yêu vẫn phải yêu, dù yêu trong đau đớn, nhục nhằn. Yêu mà không hy vọng nắm được hạnh phúc trong tay, nhưng thà có một người tình để an ủi, vỗ về còn hơn sự trống vắng của tâm hồn.

... Anh Duy, bây giờ chỉ còn một mình anh có can đảm bắt tình với em thôi! Em chỉ còn một mối tình không say mê hào hứng nữa. Nhưng mất nó, em không hiểu mình sẽ bám vào cái gì để tiêu nốt quãng đời trống rỗng còn lại...

(Mèo đêm, “Đợi chuyến đi xa”, trang 45)

Thật tội nghiệp! Làm kiếp con gái, trời bắt xấu, thân thể khô khan, mỏng lét, da mặt tươi mát già tạo qua lớp phấn kem, không có bộ phận nào hấp dẫn con trai cả, nên tự mình phải chấp nhận một hoàn cảnh gượng gạo, không tin ở mình, chỉ còn tin vào một may mắn nào đó, do định mệnh run rủi.

Từ những tình cảm đơn phương của cá nhân, Thụy Vũ đi vào *vùng đất cấm* của xã hội, với cái nhìn soi mói qua cảm xúc, tạo nên rung động trong mỗi truyện ngắn viết về đời sống của những cô gái bán *bar*. Hoàn cảnh đất nước trong những năm gần đây, đã xô đẩy một số người vào vực thẳm sa đoạ. Người con gái nào đó, đang sống yên lành, tử tế, bỗng nhiên vì hoàn cảnh trở thành gái điếm, hoặc gái bán *bar*. Một người vợ hiền, một người mẹ gương mẫu chỉ một sớm một chiều đi vào con đường đó, không không tìm ra lối thoát nào khác, để cứu vãn sự sống của mình bằng cách làm ăn lương thiện. Vấn đề gái điếm, không phải do sự có mặt của quân đội Mỹ tại miền Nam.

Nó là vấn đề cũ, nhưng cung cách sinh hoạt và tổ chức theo danh xưng mới *snack bar*. Danh từ kép này, ngoài nghĩa chính là quán giải khát có bán đồ ăn nhẹ, nhưng ở đây nó còn bao hàm nghĩa bóng: nhà chứa trá hình. Nó là nơi mời chào, mở đầu cho việc trả giá nhục dục sẽ thực hiện ở địa điểm khác. Cái thế giới dâm loạn đó, được nhà văn diễn tả với nhận xét tỉ mỉ, với kỹ thuật hành văn vô cùng phác thực, đau xót trộn lẫn đam mê, tủi nhục, đôi khi kiêu căng lố bịch và cái thú tính được trình bày như biểu tượng của thời đại.

Người đọc văn Thụy Vũ bị hút sâu vào một thế giới lạ lùng, ở đấy, chỉ đoán biết theo trí năng chứ không thể nhận định theo suy luận. Nhiều đoạn, nhiều ý, nhà văn đã kinh qua cái nữ tính của mình, làm sững sốt, bàng hoàng tâm cảm. Câu chuyện học Anh văn của mẹ gái điếm đã gần tàn xuân sắc mang tên Mi-sen (Michèle) với những nét đặc biệt về vóc dáng và cung cách ăn nói, đều được Thụy Vũ viết với suy nghĩ sinh động. Mi-sen từ thuở nhỏ không biết chữ, kể cả chữ Việt, nay vì nhu cầu giao dịch với ngoại kiều, bắt buộc nàng phải học. Cái tên Michèle do người khác đặt cho, nàng cũng không biết viết ra sao, mỗi lần lên Quận làm giấy tờ, thay vì ký, Mi-sen đánh dấu thập. Nhưng Mi-sen dưới mắt nhà văn, nàng cũng có những nét riêng,

... Mi-sen không hẳn đẹp. Gương mặt nàng có những nét vụng về ghép vào những nét tuyệt xinh. Răng nàng hơi hô, mà cặp môi dày ít khi che kín. Đó là dấu hiệu của con người cởi mở và nồng nàn...

... Hôm nay như thường lệ, tôi đến dạy Mi-sen vào những buổi trưa nắng gắt. Vào giờ này cánh cửa sắt trước nhà đã được chị Tư mở sẵn. Tôi cứ việc ung dung dẫn xe đạp vào tự tay đóng cửa lại, không phải gọi chuông inh ỏi nữa. Đi ngang qua phòng khách tôi rẽ tám màn quẹo qua buồng ngủ Mi-sen, rồi gõ nhẹ cửa.

“Cô giáo đó hả, vô đi.”

Tôi đẩy cửa bước vào, rồi bất chợt dừng lại. Mi-sen cười ngật ngoạo:
“Vào đi cưng. Chờ chị làm massage một chút nghen.”

Tôi tìm chiếc ghế ngồi cạnh giường, Mi-sen pha trò:
“Cô giáo hôm nay bắt gặp học trò trần truồng như nhộng. Chỗ đàn bà với nhau cả phải không cô.”

... Bây giờ tôi được dịp quan sát Mi-sen kỹ hơn. Nàng nằm trên một chiếc khăn lông hồng, trải tấm nệm mút, phủ “ra” trắng. Bà làm massage quỳ hai gối xuống nệm, hai bàn tay thoăn thoắt trên các bắp thịt hông và lưng nàng. Mồ hôi rịn ướt trên đôi tay gân guốc của bà. Mắt Mi-sen lim dim, dáng điệu nàng như con mèo sưởi nắng một cách khoan khoái. Lúc nào nhìn người đàn bà khoả thân tôi cũng có một cảm giác lạnh lẽo và tê tái như nhìn một bức tranh tĩnh vật với màu sắc hết sức ảm đạm. Riêng đối với Mi-sen, tôi nghĩ rằng tấm thân nõn nà, với làn da mịn màng đó, có cái gì mong manh. Tuổi già đã gần kề nàng. Chẳng bao lâu nữa, những bắp thịt thon đẹp kia sẽ nở bung ra, bụng sẽ nhão nhoẹt. Nghĩ tới giai đoạn đó, tôi cảm thấy buồn hơn là ganh tị...

(Mèo đêm, “Đợi chuyến đi xa”, trang 88-89)

Giọng văn của Thụy Vũ gọn. Viết như nói chuyện rất hồn nhiên, dù viết về một thực trạng không kém mỉa mai, chua chát! Mi-sen biết mình sắp về già nên muốn kéo dài nhan sắc bằng mọi cách, tuy lúc nào cũng tự khoe có hàng chục ông “Giòn-sơn” say đắm thân xác mình. Nhưng nàng đã quên rằng, trên cõi đời, không thiếu những bông hoa tươi thắm hơn, và muốn ăn khách sộp, nàng vẫn phải nhò vào môi mép của lũ ma cô dẫn mối. Lờ lững thoạt giữa tên ma cô và Mi-sen về chuyện này, được ghi nhận như từng câu nguyện rửa vào mặt xã hội, một xã hội còn cố níu lại lấy hai ông thầy Khổng Mạnh làm cứu cánh cho nền đạo đức cuối mùa. Ở đây, họ không cần thứ đó, họ có đạo đức riêng. Họ không vụ danh từ mà căn cứ vào thực tế, nên họ có tụt quần áo trước mặt đàn ông, làm ái tình như máy và bóc lột khách làng chơi bằng mọi mảnh khoé tàn nhẫn cũng là chuyện thường vì nó nằm trong quy luật giang hồ. Cũng như việc đời đâu có êm trôi theo ý muốn, nên Mi-sen đã bị tên Phrăng (Frank) đánh trọng thương vì nó đã nhìn thấu cái dã tâm của nàng. Nằm bệnh, mặt mũi sưng vù, nhưng lạ thay, chẳng bao giờ Mi-sen coi đó là bài học tử hờ, nàng vẫn phác hoạ đời mình ngày mai với đám đuối,

... Khi mạnh, tôi nuôi da thịt cho thật mịn, tôi mua son rồi mở tạp chí thời trang sắc đẹp ra để tô môi. Tôi may áo đầm cho thật chiến, tôi...

Bóng tối đã ôm choàng thành phố ngoài khung cửa...

(Mèo đêm, “Đợi chuyến đi xa”, trang 107)

Thụy Vũ không chỉ nhìn vào cuộc sống đó với khía cạnh xấu, đôi lúc nhà văn đi vào những uẩn khúc của từng tâm trạng, thứ tâm trạng thiếu hụt ở mỗi nhân vật được viết ra. Tuy bề ngoài họ vẫn vui nhộn theo ánh đèn đêm, họ vẫn làm đẹp thân xác để quyến rũ khách ngoại kiều, họ có

những ngón nhà nghề để móc túi đàn ông, họ vẫn tạo ra đam mê cho riêng mình nhưng, tự đáy sâu suy nghĩ, sau những đêm dài vật vã với đồng tiền và dục vọng, sau những hờn ghen, đổ ky, đích thực, họ vẫn muốn giữ lại cho mình một cái gì, để gọi là an ủi. Cái đó là nỗi ước vọng mù khơi của một tâm hồn đã quá ê chề giữa vũng lầy truy lạc. Trong khi tìm mọi cách để thu hút khách hàng, bằng đùì, mông, ngực, và dùng cả bùa ngải nữa để mê hoặc nếu cảm thấy thua sút chị em, khi khách không ham sờ đùì, vỗ về cho uống như xưa. Nhưng cái đó cũng chỉ là tạm bợ, vấn đề chính, làm sao giải quyết được cuộc đời, lúc thân phận đã trở thành đồ phế thải sau bao đêm dài mê mải truy hoan!...

Tác phẩm *Lao vào lửa* gồm 3 truyện. Cả 3 truyện đều viết về một vấn đề. Mỗi truyện mở ra một hoạt cảnh dị biệt về những thân phận đàn bà đang quay cuồng, giãy giụa trong mê cung không lối thoát. Từng cô gái lao vào lửa dục vọng như những cánh thiêu thân lao vào ánh đèn. Chẳng cần băng khuâng và hối tiếc trong kịch thước cuộc sống này. Câu chuyện phá thai, làm tình, rồi phá, lại làm tình quá thường, nên phút nào có nghĩ tới, cũng chỉ là truyền cho nhau những kinh nghiệm với mục đích bảo vệ nghề nghiệp. Nhưng tiếp thị, không phải lúc nào, giờ nào các cô gái làng chơi cũng có thể vui vẻ, múa hát với đồng tiền, thứ tiền kiếm được bằng sự khó nhọc của thân xác. Có những giờ phút trống rỗng, từ đâu chẳng biết, từng ý tưởng tối đen bay lờn vờn với ám ảnh về số phận trong ngày mai, khi đường cong và duyên dáng không còn hấp dẫn được khách. Có người lo xa muốn kiếm ít vốn để dành tiêu xài mai hậu, như trường hợp Tâm với chiếc giường mới của nàng. Tâm đã phá thai hai lần, cảm thấy thân xác bắt đầu mệt mỏi sau bao đêm thức khuya, sau những cơn hành lạc. Nàng hốt hoảng khi nhìn thấy dung nhan mình trong gương. Tuổi già chập chờn ẩn hiện xung quanh. Muốn đạt được ý muốn, nàng cần được sự hỗ trợ của thần linh, của một phép màu nào đấy để khỏi thua sút chị em. Tâm đã lặn lội lên suối Lò Ô để nhờ ông thầy bói Trọng Ích đoán quẻ, xem số mạng và tiền tài. Ông này, tuy không có ngải như ông thầy bùa Tân Châu, nuôi rắn hổ để trác nghiệm số phần của khách hàng. Sau cho rắn bò quanh người, ông thầy Tân Châu làm phép vô ngải bằng cách xức tóc và cho thêm một gói củ ngải mang về nhà trồng, để yểm trợ công cuộc mần ăn được kết quả mỹ mãn. Ngải rất linh, người vô ngải bắt buộc phải kiêng cử một vài thứ, nếu làm trái sẽ phát điên lập tức.

Ông thầy bói Trọng Ích khuyên Tâm đóng chiếc giường ngủ theo ngày đã định trong quẻ, phải kê giường theo hướng bắc. Với cái giường mới, dù nàng có xấu như Chung Vô Diệm đi nữa, đàn ông cũng tìm đến nướm nượp. Tâm đã thực hành đúng lời thầy bói và buổi tối hôm kê giường xong, quẻ đã linh ứng, một tên Mỹ khờ khạo đã mời nàng uống thả giàn. Tối đó nàng thu nhiều tích kê, nhưng Tâm chưa muốn đưa tên này về nhà ngủ vào chiếc giường mới, vì nó bị nàng lột rách như xơ mướp rồi. Nó lại khoẻ như voi, với thân xác ấy, nếu hành lạc nàng chắc chịu hết nổi! Vì tin tưởng vào ma lực của chiếc giường. Tâm bắt đầu kiêu hãnh, để đánh bạt mặc cảm bị đào thải. Nhưng thực ra, tự đáy lòng, nàng vẫn cảm thấy như có gì vướng mắc,

... Nàng rùng mình khi tưởng tới mình sẽ nằm trong vũng tối quên lãng trong khi nàng chỉ mới bốn mươi. Ở cái tuổi này, nàng cảm thấy lòng mình lai láng những ước vọng. Dĩ nhiên là sự tấn công cuối cùng của xác thịt không mấy rõ rệt vì nàng đã thường tiếp xúc với những cơ thể xa lạ của kẻ khác phái... Nhưng cơ sao nàng vẫn còn thêm khát cái thân thể của anh chàng nào đó, có thể nhen nhúm một ngọn lửa trong tâm hồn mù mịt của nàng và sự rung động trên từng thớ thịt của nàng. Người đàn ông đó như một hình bóng chuyện hoang mà nàng như người đi, quờ quạng đi tìm một thứ trái cây đầy cám dỗ vượt xa tâm với của mình...
(*Lao vào lửa*, “Chiếc giường”, trang 25)

Người gái giang hồ bốn mươi tuổi, đã nhìn thấy một phần kết quả cuộc đời, đã lọc lõi trong nghệ thuật làm tình mà nay trong hồn vẫn cảm thấy thiếu vắng, vẫn cần đến vỗ về, an ủi trong những giờ phút trống rỗng mà tiền bạc không thể lấp được. Phải chăng là ảo ảnh, một

thoáng gọn của lương tri mỗi con người khi biết mình sắp mất hết?

Nỗi ám ảnh bất ngờ đó cũng không ở lâu, chiều mai, khi ánh điện vừa thấp sáng thành phố, Tâm thành khẩn lên nhang đèn khấn vái thần linh xin khai trương chiếc giường mới. Buổi tối đó, nàng vui tươi bả lả và dạy dỗ “đàn em” các ngón nhà nghề,

... Em lựa lúc nào mà nó ngà ngà say, hay lúc cơ thể của nó nổi loạn vì sự đụng chạm của em. Chừng ấy em mặc sức mà ăn gian. Đừng có thiệt thà quá thua sút người ta, em cưng ời!
(Lao vào lửa, “Chiếc giường”, trang 27)

Sau giờ làm, nàng dẫn một tên Mỹ về nhà. Chiếc giường mới linh thật, dù bị đánh thức tới hai bận, nhưng trên mặt giường, một xấp đồ la nằm ngổn ngang làm Tâm bàng hoàng run rẩy đằm. Mắt nàng sáng lên với nụ cười, trong lúc thân xác mệt mỏi vì qua hai lần hành hạ.

Công việc làm ăn của Tâm cứ thẳng tiến mỗi đêm, nàng đã có nhiều tiền. Một tối, nàng đang mơ chiêm huy chương vàng cuối năm về thành tích ăn khách nhất *bar* thì Minh bạn nghề, báo nàng cho thuê giường vì có bồ mới từ Bến Cát về. Sau một hồi văng tục, chiếc giường ngã giá một ngàn. Tuy không đưa khách về nhà, nhưng đêm ấy Tâm kiếm được hơn trăm miếng “bông” cộng với một ngàn tiền giường. Tâm ôm gối ngủ thiếp trong khoan khoái.

Nguồn vui chưa được bao lâu, mới sáng, đưa tó gái mét cho Tâm biết, qua đêm Minh *thấy thảng* mà vẫn đi Mỹ, chiếc giường đã bị Minh vẽ *son thủy* và tẩm “*ra*” với những nét đồ lòm. Cũng từ đêm đó, chiếc giường hình như mất linh thật. Tâm vắng khách dần, nàng oán giận, gây gổ với Minh nhưng sau, biết mình nhầm vì ế khách là tình trạng chung do phong trào linh Mỹ chống *Sài Gòn-Tea*.

Cuộc sống của các cô gái bán *bar* khi lên voi, khi xuống chó tùy theo may rủi và cũng tùy theo kỹ thuật non già của mỗi người, nhưng nó là một nghề tương đối dễ kiếm tiền, nếu không dư giả, cũng chẳng đến nổi túng thiếu. Cái nghề duy nhất không cần vốn, ngoài cái “vốn” trời cho. Trường hợp các cô gái thơ ngây vì hoàn cảnh gia đình phải vào chốn này cũng không hiếm. Mỗi cái *bar* như chiếc vục thắm, người con gái nào nhìn vào, đều chóng mặt rồi bị nó hút xuống như bơn. Miếng cơm kiếm bằng công việc lương thiện càng lúc càng khó khăn, dần dà dìm mỗi số phận vào nghiệt ngã, cơ hồ muốn buông trôi tất cả. Từ một cô gái nhà lành, mang cái tên rất hiền, rất ngoan, chẳng mấy chốc đã khoác cái tên khác nửa Tây, nửa Mỹ không ăn nhập vào nguồn gốc của mình. Nào Agnès, nào Juliette, nào Tina, nào Michèle v.v... Những cái tên vô nghĩa ấy, mỗi đêm gọi nhau loạn xạ trong một kích thước hôn mê với âm hưởng điên cuồng, qua hơi rượu và mùi da thịt ướp dấm phần son. Ở đây, bài học vỡ lòng cho kẻ mới vào nghề cũng vô cùng cứng rắn do luật lệ giang hồ riêng biệt. Cô học trò nhỏ với chiếc áo dài màu thiên thanh còn thơm mùi long não của tuổi nữ sinh, trình diện một cách què mùa trong một khung cảnh toàn *mini-jupe* với những lời nói chót nhả, tục tằn lừng lừng những bàn tay lông lá khua động vào da thịt đàn bà xen tiếng cười dâm dật. Sự đụng chạm lần đầu với cái không khí ấy, làm choáng váng mặt mày, làm kinh sợ một tâm hồn hãy còn trong trắng,

“Chị Năm!”

Tiếng kêu của tôi gần như lời cầu cứu. Mí mắt tôi nóng và ẩm ướt. Kinh sợ làm cổ họng tôi khô. Tôi muốn trốn ánh đèn và quây rượu.

Chị Năm chạy lại tôi, hỏi dồn:

“Gì vậy Tina?”

Tina? Đầu óc tôi cuốn tròn trong sự ngỡ ngàng tủi nhục. Tôi khóc:

"Gã làm ầu em."

Chị Năm cười sằng sặc rồi kể tai tôi:

"Tina à! Em đừng sợ gã. Nếu em tránh gã sẽ có người khác đến với em. Biết đâu kẻ đó còn hung hăng hơn gã gấp trăm lần. Chiều gã một chút đi. Có mắt mắt gì đâu."

Giọng chị Năm như khuyên lơn:

"Em đừng mắc cỡ. Vô đây là vậy đó. Chỉ trừ em ra khỏi nơi đây thì chẳng ai dám đụng tới lông chun em. Có kẻ nào lại quăng tiền ra cho mình mà họ không có sơ múi gì."

Chị vuốt ve một nhánh tóc tôi, rồi ngọt ngào mơn trớn:

"Em đã thấy chị uống giỏi nhất trong bar này ít ra chị cũng bằm dập. Ngoài ra chị còn có cái bí quyết đặc biệt nữa..."

Chị dừng lại như sợ người ngồi cạnh tôi nghe. Chị kề miệng vào tai tôi nói rất khẽ:

"Em phải biết cách điếm huyết họ, làm cho sự khoái cảm của họ sôi lên thì mới mong trút bốp họ..."

(Lao vào lửa, trang 60-61)

Cô gái mới vào nghề nghĩ rằng mình bị xúi bậy nên cương quyết không thực hành lời khuyên vì thế, đêm này qua đêm khác nàng vẫn đối rách trong vai thu ngân viên, lương tháng ba ngàn. Nhưng rồi cái gì đến sẽ đến, chiếc áo màu thiên thanh được vĩnh viễn quăng vào xô tử và bộ đùi trắng xanh lộ ra với chiếc mông tròn bó chặt trong chiếc jupe, hai cánh tay nõn nà để hở đến nách, đã biến cô nữ sinh thành kẻ khác. Tina, cái tên mới bắt đầu nhập cuộc.

Một tên Mỹ "ngọt" đã mê Tina, mỗi đêm hẳn trở lại với bó hồng đỏ thắm trên tay và những ly nước trà thay rượu được gọi tới bồi. Gã đàn ông lông lá đó yêu Tina thực, nên đã không tiếc tiền, mua tặng nàng cả nhẫn kim cương. Được khách chiều đã là nỗi vui cho riêng mình nhưng cũng làm bạn bè ghen tức qua lời nói cạnh khoé:

"Gái trinh mới có giá như vậy chớ. Còn tụi tui tan hoang như ống cống thì chỉ có cách kiếm tiền mua hột xoàn giả!..."

Lời nói có độc nhưng không sai. Nó là luật chơi. Thời gian qua đi mau chóng và những đêm nối tiếp nhau trong cái không khí khốn nạn này, làm sao tránh được cái kết quả tất nhiên cho mỗi số phận đang quay cuồng giữa vực, ngay cả chị Năm nữa, người đã cho Tina bài học vỡ lòng cũng đang bị cuộc đời tặng những cú tát này lửa. Cái không khí vui nhộn giả tạo nơi đây được thay bằng màn bi kịch ngán giữa chị Năm (có tên Jane) với một tên Mỹ. Tên Mỹ thuộc thành phần chống Sài Gòn-Tea, nên nó đến để trả thù. Nó nói với chị Năm rằng, tối nay chị muốn uống bao nhiêu cũng được với điều kiện mỗi lần uống, chị Năm phải nghe nó nói một câu thôi. Câu đó là câu gì, chị Năm chưa biết, nhưng trước mở tích kê lớn lao, chị khinh bạc và bằng lòng.

Tên Mỹ gọi bồi đem ly whisky và ly trà thứ nhất. Nó tợp một hơi cạn ly rượu rồi đưa ly trà cho chị Năm, gần giọng:

"Uống nước đáí tao đi Jane!"

Chị Năm lạnh lùng uống ly trà nước đáí Mỹ rồi dần mạnh ly thách thức:

"Nữa đi Bob, tao chờ câu thậm tệt hơn của mày."

*Thằng Bob lại gọi bồi đưa ly rượu và nước trà.
"Uống nước đường mương và nước ống cống đi Jane."*

Chị Năm lại hùng hục uống. Rồi ly nước thứ ba, thứ tư và tiếp tục với những lời thô bỉ nhất do tên lính Mỹ nghĩ ra, cho đến ly thứ một trăm.

Cuối cùng tên Bob chịu thua gan lì của chị Năm. Bây giờ đến lượt chị Năm kêu hai ly whisky "sec" chị ta đưa gã một ly, chị uống một ly, đột nhiên chị nhỏ ngum nước miếng từ miệng chị bay thẳng tới mặt gã, rồi chị ném ly vỡ tan tành với lời chửi: "*Đồ man rợ!*" Chị đưa hai tay cấu vào mặt gã, Bob chụp lấy cổ chị Năm xiết mạnh. Cuối cùng, hấn vẫn phải móc bóp trả tiền bước mạnh ra khỏi quán. Câu: "*đồ man rợ*", chị Năm chửi tên Bob, vẫn minh quá, sự thực, ở trường hợp này, người đàn bà Việt Nam có ngôn ngữ riêng, rất nôm na nhưng vô cùng thực tế. Có lẽ, vì kính trọng độc giả nên Thụy Vũ không viết thành văn.

Cứ như thế, như thế, đồng tiền và dục vọng thất dần con người vào một vị trí nhất định, muốn thoát cũng không được. Tina đã trở thành gái bán *bar* lành nghề và đêm nào cũng đi khách, nàng chỉ ngủ được vào khoảng hai giờ sáng và giấc ngủ thường bị gián đoạn. Đôi khi mệt, cứ ngủ thức chập chờn mặc khách hành sự, xong lúc nào cũng chẳng hay! Tụi đàn ông Mỹ làm ái tình rùng rú lắm, Tina đã quá quen thuộc đến nỗi mất cả cảm xúc và trở thành nhà nghề lúc nào cũng không biết.

Kỹ thuật hành văn của Thụy Vũ đôi khi tàn nhẫn, nhưng dữ kiện được đặt ra bao giờ cũng minh triết. Người đọc cảm thấy như đang chứng kiến cái khung cảnh kỳ quái đó ở phía trước, và nhà văn đang đóng vai đạo diễn mà giấu mặt đâu đây, miệng tủm tỉm cười, nụ cười tinh nghịch và thông minh. Những trạng huống khốn khó mà con người phải gánh chịu ở trần gian này không phải tự nó hình thành mà có hoàn cảnh hỗ trợ. Nếu không gặp lan, không gặp Agnès, nếu không có chị Năm thì cô nữ sinh ấy làm sao trở thành một Tina, trở thành một vấn đề cho xã hội?

Từ cái khung cảnh hỉ, nộ, ai, lạc của *Sài Gòn-Tea*, Thụy Vũ đi vào khung cảnh khác, ở đây, không còn hoa bươm, không còn ánh đèn mờ ảo, không còn *tích kê*, không còn những bàn tay lông lá lượn tròn trên da thịt, không còn đam mê, chỉ còn lại cái cười ngượng ngập, lời nói lạnh lùng và nỗi đau đớn chảy từ trong tâm não thoát ra ngoài. Những cái tên Lina, Jackie, Nga, Bích v.v... gắn liền với những con số in đậm nét trong sổ bộ của nhà thương Bạc Hà.

Tùng khuôn mặt chai sạn trình bày đến trơ trẽn vì quá quen thuộc. Bị lính kiểm tục giữ, sau khi "lên bàn", nếu không bệnh, được tha, nếu có, phải nằm lại. Có người ra vào nhiều lần đến nỗi tưởng như nơi đây là nhà thứ hai của mình. Họ thông thuộc lề lối làm việc cũng như tổ chức của bệnh viện. Những lời nói sỗ sàng, chót nhả được ném vào mặt nhau bừa bãi để giải buồn. Người ta không tìm thấy một chút e dè ngượng ngập trong cách thức sinh hoạt giữ vòng đai bệnh viện, từ vài khuôn mặt mới,

... Lina tay khoanh trước ngực, lơ đãng nhìn dăm dăm về phía trước. Bỗng chị vỗ vào vai tôi – Nếu ngày mai lên bàn mà tao bị "kẹt", mày ra được, nhớ lại nuôi tao nghe hôn? Tiếng "lên bàn" như tiếng pháo chuốt làm ê ẩm đầu óc tôi. Tôi hỏi chị: – "Trường hợp nào mình bị giữ lại?" – "Máu xấu! Có nhiễm trùng".

(Lao vào lửa, "Đêm nổi lửa", trang 99)

Những người con gái bị đưa vào đây đều khổ sở về chuyện mất tự do nhiều hơn chuyện khác. Họ đã quen sống cuộc đời phóng túng của lũ ngựa hoang với những bất ngờ mỗi ngày, mỗi tối, nay họ phải cúi đầu phục tùng kỷ luật, thứ kỷ luật đúng giờ, đúng giấc qua tiếng chuông làm họ

phát điên. Nhất là những buổi chiều, họ nhớ đến không khí đam mê dành riêng cho họ với thân xác khoẻ mạnh của những người đàn ông xa lạ, những ly rượu và bao nhiêu lỗi cuốn khác. Tuy cuộc sống thực của họ không có gì đáng khích lệ, nhưng họ muốn thế, ông trời đã bắt họ phải như thế, và họ chỉ lo sợ ngày nào họ không được phép núp giữa bóng tối của một con ngõ nào đó chờ khách, hoặc ở căn phòng có giường nệm *mút*, ôm chặt một thân xác lông lá mà ngủ vùi sau nhiều lần hành lạc,

... Bước tường vôi trắng và những chiếc giường sắt trùng điệp như bùa kín lấy tôi. Đây là thế giới đạo đức có trách nhiệm hoán cải tôi. Ý nghĩ đó làm tôi chán ghét vu vơ. Lina đã vất mừng rồi, chị ngồi bó lấy gối đối diện tôi và Nga. Chị chép miệng: – "Hôm nay có bốn đứa mình lên bàn. Còn mấy bà nội kia chỉ chờ thả hay được thỉnh về Bình Khang an nghỉ để học nữ công, nữ hạnh." Jackie bỏ chân xuống xề qua ngồi cạnh Lina. Nàng mỉm cười nhìn chúng tôi: - "Bích! Mà mới nhào vô đây lần đầu, còn tụi tao thì năm hồi mười hiệp rồi, khó mong tránh khỏi bà chúa ngục Bình Khang hú lắm!"
(Lao vào lửa, "Đêm nổi lửa", trang 107)

Những ý nghĩ của họ được phản ánh qua lời nói. Họ chấp nhận nó như chấp nhận những giọt thuốc độc nhẹ, sẽ làm họ chết mỗi mòn trong hoan lạc, còn hơn được tiếng lương thiện với những bó buộc làm mất cái thú sống ở đời.

Nhưng, xã hội không cho phép họ được gây ung độc làm xấu xa toàn thể những kẻ vô can, nên họ phải gánh chịu những phiền lụy cuộc đời, với lính kiểm tục, với không khí chán nản của bệnh viện, với dụng cụ y khoa sáng loáng, với dao kéo và ống chích, với chiếc bàn cao lênh khênh, với nét mặt lạnh băng của những người bác sĩ hoặc cô y tá, với tiếng chuông mỗi sáng, mỗi trưa, mỗi chiều. Nhưng cũng may, họ không hoàn toàn cô đơn, các bạn đồng nghiệp chưa "bị" vẫn thăm nom, an ủi họ và cho họ biết *tin tức* bên ngoài. Để tránh cảnh giam hãm mà sức họ không chịu nổi quá lâu, họ tính kế thoát ra khỏi nơi này, để tiếp tục chuỗi ngày đam mê nhục thể và để đón mùa xuân sắp tới. Jackie đã cầm đầu vụ đốt bệnh viện vào lúc hai giờ sáng bằng bông gòn tẩm dầu hôi. Bệnh viện náo loạn với tiếng người kêu, với còi hụ của xe chữa lửa. Lợi dụng cơ hội này những người con gái cởi quần áo buộc lại làm thang leo qua tường thoát ra, có cô chỉ còn mặc chiếc si líp.

Hòn đá ném xuống mặt hồ, một bụm nước tung lên rồi tản ra thành những chiếc vòng lớn dần, lớn dần, trong nháy mắt mặt hồ lại êm ả như cũ.

Câu chuyện thật bất ngờ nhưng vô cùng lý thú qua ngòi bút của Thụy Vũ. Khi viết truyện này chắc nhà văn nhớ tới câu của Chúa Jésus: *Cái gì của César phải trả về César!* Và luật lệ, đàn ông xã hội chỉ còn là con đê nhỏ đã bị thấm lậu qua nhiều mùa nước lũ, chờ dịp bị băng tràn.

Nguyễn Thị Thụy Vũ, một nhà văn phong phú, luôn luôn tìm về cho mình nguồn sáng tạo mới. Nhưng dù ở môi trường nào, Thụy Vũ vẫn bắt gặp những băn khoăn, rã rời ngay cả với tình yêu đang ươm hồng tuổi trẻ xuyên qua thân phận mình và quê hương có dòng sông Long Hồ thuộc tỉnh Vĩnh Long. Những cuộc tình đi qua trong tiểu thuyết hay trong thực tế chỉ mang lại đắng cay,

... Sau vài cuộc tình ái phát phơ, bây giờ tôi mệt mỏi thật sự. Tôi bắt chấp dư luận để sống mà rồi vẫn cô đơn. Tìm được kẻ mà mình đặc ý, tính cho chàng ta đặc cử vào giấy hôn thú thì tôi gặp cảnh hụt đổi luôn luôn. Bây giờ tôi bám vào Duy để lấp vào những ngày trống rỗng. Chàng nhạt nhẽo quá. Tôi đã mơ cao để rồi số tuổi càng ngày chồng chất theo nỗi chán chường...
(Chiều mênh mông, "Đêm tối bao la", trang 44)

Thân phận người con gái, nhất là con gái làm văn chương bao giờ cũng đặt ra với mình nhiều nghĩ ngợi, với từng giọt đắng thấm vào tâm hồn làm khô dần ước muốn. Mỗi ngày qua đi, hoàn cảnh vẫn y nguyên trước mặt với ngàn ấy rưng ròi, ngàn ấy băn khoăn làm nhà văn sống sờ, tê tái. Tuổi trẻ có mặc dù là con gái, không phải chỉ quần quanh với những chứng tích thuộc về quá khứ mà từng sự vật như nhắc nhở, như gò ép thân phận vào khuôn thức không mấy thích hợp. Tương lai là của ai đó, và sự chờ đợi nào có ích chi khi mình đã đoán biết những gì đang đón ở cuối ngã đường ước vọng! Một người tình không như ý muốn, một nếp sinh hoạt lạnh lẽo và nỗi cô đơn trải rộng trước tâm nhìn. Còn những đêm dài, ôi! Những đêm dài hoang liêu với xúc cảm bơ vơ, với buốt giá tâm hồn, với ray rứt triền miên, vật vã qua làn ánh sáng vàng vọt của tin yêu. Kèm theo đấy, vóc dáng khốn khổ của người đàn bà già luôn luôn sống trong cơn hoảng hốt với ác mộng! Cái thân phận già nua khốn khổ đó qua mấy lần đam mê tình ái chẳng còn lại gì ngoài kỷ niệm xót xa, vì người bạn tình thứ hai, ông Năm Còn đã tặng cho bà một túi vi trùng hoa liễu, làm rưng cả hai hàm răng, nhưng không phải vì thế mà lòng dục của bà tắt đi. Đêm đêm vẫn thường có tiếng la thất thanh,

*"Mợ Hai ơi! Con Linh (nhân vật xưng tôi trong truyện) bị mấy thằng sửa cầu hãm hiếp, máu ra đầy quần nè! Mở cửa mau đi!" Tôi nắm vai bà lắc mạnh hét:
"Tôi đây, tôi đây nè!"*

Bà Diéc vẫn la thất thanh:

"Ai cứu nó. Trời ơi! Nó là con gái mà" Nhìn đôi tay run rẩy của bà, tôi chợt hiểu. Bây giờ là lúc bà đang sống ở một trạng thái mê loạn, quái đản. Tôi gào lên:

"Tinh dậy đi bà! Tôi đâu có đi ra khỏi nhà." Bà Diéc ngán người một lúc rồi nhếch cái miệng méo xệch, không còn một chiếc răng giống hệt cái miệng rùa, cười tỉnh con mé:

"Vậy hả! Mà không việc gì sao? Tao thấy..."

(Chiều minh mộng, "Đêm tối bao la", trang 39)

Hai thân phận một già mê loạn, một trẻ khắc khoải cứ phải nhìn nhau, chịu đựng nhau, trong những suy nghĩ khác nhau giữa một khung cảnh buồn nản của ngôi nhà cổ đã có một thời oanh liệt. Những ngôi mộ nằm rải rác, nơi nghỉ chân của những đàn quạ rĩa lông với tiếng kêu chát chúa. Vài líp rau bở vắng, những gốc cây cổ thụ, tổ của lũ chồn đền, chồn mướp đêm đêm rình bắt gà vịt. Và ngôi nhà mái thấp, từng cụm rêu màu xanh mướt, như những dấu vết thời gian in đậm vào cảnh vật và lòng người. Khung sống đó càng lúc càng thê thảm. Bà Diéc cũng qua đời sau nhiều ngày nằm bệnh, thuốc thang. Hai thân phận tách rời để người còn lại phải gắn liền vào số mệnh khắc nghiệt cũng do tình ái khơi nguồn. Người con gái chợt biết mình đã mang thai, rồi phá thai để tránh tiếng. Mặc cảm sát nhân đã cấu xé lương tâm một cô gái từ chối bổn phận làm mẹ! Nhưng cuộc đời phía trước còn cho nhiều mơ mộng, nàng sẽ dùng phương tiện cuối cùng mình có được, như hai lạng vàng và chiếc máy may để cố hàn gắn lại nhan sắc đã suy sụp do vụ phá thai,

... Đời em chưa hẳn tàn nha là cảnh chợ chiều. Em sẽ chất mót từng đồng để tìm bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ. Em sẽ bơm cái ngực teo trở thành cái ngực vĩ đại, sẽ nhờ ông ta vá lại màng trinh. Để rồi anh xem. Em sẽ lấy chồng sĩ quan Thủ Đức!...

(Chiều minh mộng, "Đêm tối bao la", trang 67)

Người con gái phải trả giá cuộc đời quá đắt. Tình yêu chỉ mang lại cho nàng cái kết quả bi đát. Những giây phút thần tiên sống bên nhau, cho nhau mượn mà, nồng ấm, du dương thể xác qua rồi, qua nhanh như cơn gió đêm hè mà buồn thương, ân hận thì lãng đãng suốt đời!...

Những nhân vật con gái trong tác phẩm của Thụy Vũ không ai gặp may mắn và hạnh phúc. Tất

cả hình như đã được an bài trong một bối cảnh ngọt ngào mà mỗi số phận phải chia sẻ một phần tủ nhục. Từ người con gái ngây thơ trinh trắng tới các cô gái làng chơi, sự an bài nào đấy đã chờ sẵn ở cửa ngõ định mệnh. Phá thai, một hình thức sát nhân, nhưng ở vài trường hợp, người ta coi như chuyện thường tình, vì nếu để lại, người mẹ sẽ chết vì ô danh hay túng thiếu, hoặc vì muốn nhẹ nợ chồng con để tự do bay nhảy.

Thuy Vũ đã dùng ngòi bút thật uyển chuyển, đưa người đọc vào một khung cảnh, ở đây, câu chuyện phá thai với các chuyên viên hành nghề bất hợp pháp. Biết rằng, mỗi lần phá, mỗi lần ân hận. Nhưng không phá lấy gì mà sống? Những đường con bay bướm quyền rũ đàn ông sẽ không còn nữa và cuộc *truy hoan huyền ảo* không thể tiếp diễn, rồi những ngày đêm giam mình trong phòng kín chờ lúc “bể bầu” làm họ phát điên. Lễ đơn giản, họ không thuộc hạng đàn bà nặng tình mẫu tử. Thế giới của họ là quán rượu, là những thân thể đàn ông trần trụi, là ánh đèn mờ ảo, là những mệt mỏi rã rời trong kích thích chiếc giường nệm “mút”. Tuy chuyện phá thai cũng làm họ sợ không ít, nhưng họ lại sợ cuộc đời hơn, nên họ vẫn cúi đầu tuân theo luật sống,

... Tôi dừng lại, ngạc nhiên vì số người có mặt ở đây đông đảo. Mọi người yên lặng, những đôi mắt đợi chờ trộn lẫn lo âu chốc chốc hướng về căn buồng với cánh cửa màu da trời đóng im.

*... Tôi quay sang bà bên cạnh gợi chuyện:
“Bà đến đây lần đầu phải không?”*

*Thiếu phụ phục sức sang trọng với bộ đồ lụa phơn phớt vàng, nàng nhìn tôi mỉm cười:
“Lần thứ ba rồi.”*

*Tôi không bỏ lỡ cơ hội, phỏng vấn ngay:
“Đau lắm không bà?”*

Thiếu phụ lắc đầu mỉm cười trấn an tôi...

... Thành ló mặt ngoắc tôi vào phòng biểu tôi ngồi xuống chiếc giường sắt loang lổ nước sơn xanh. Chiếc chiếu mới trải trên mặt giường. Ngọn đèn neon bật sáng. Mụ chủ biểu tôi nằm xuống rồi lôi chiếc bassin để ở dưới gầm giường kẹp miếng bông gòn trong cái pince de crochet lau sơ qua một lượt đoạn đặt dưới mông tôi. Chiếc quần sa-ten đen của tôi tuột dần xuống rồi rút ra khỏi đầu ngón chân cái...

... Mụ lôi chiếc ngăn kéo lấy ra cái mâm nhỏ đựng vài sợi thun đỏ dài bằng chiếc đũa ăn cơm bít đi một đầu.

*Mụ vuốt đùi tôi dỗ dành:
“Em đừng lo, qua sẽ làm cho em rất êm, không có chút gì đau đớn hết.”*

Mụ ung dung lấy cây sắt trên tường cho vào ống thun.

*... Tôi chỉ nghe chiếc đũa sắt đang nỏ giõn trong tận cùng sâu kín của thân thể...
(Chiều mệnh mông, “Cây độc không trái”, trang 166-168)*

Thuy Vũ viết tàn bạo một chút ở vấn đề này, nhưng cuối cùng câu chuyện cũng được mở ra một cách thoải mái qua hình ảnh đứa bé mút ngón tay trở, trong lịch quảng cáo sữa Guigoz với câu nói: *Tao cần giữ một đứa trẻ nào đó để tao coi mình có thích thú làm mẹ hay không?* Câu nói hơi chủ quan đấy, chuyện có con đâu phải hề muốn lúc nào được lúc đó, nhất là đối với các cô gái hành nghề truy hoan!

Viết về sa đoạ của xã hội, đúng ra, đã nhiều cây bút viết trước Thụy Vũ, tuy hình thức có khác, nhưng nội dung chỉ là một. Những sự việc, dù được trình bày dưới khía cạnh nào, vẫn có mục đích, đặt trước lương tâm xã hội một vấn đề, còn giải quyết ra sao, không thuộc thẩm quyền nhà văn. Thụy Vũ viết, chính đã giải toả cho mình nỗi dằn vặt trong thâm tâm với thân phận đàn bà, với những thiệt thòi mình bạch đã từ lâu bị khoả lấp vào quên lãng, nay được khơi động lại từ dưới đáy vực những chứng tích xác thực, hiển nhiên, Nguyễn Thị Thụy Vũ không hoàn toàn ném mình vào cuộc sống bồng chấy hoan lạc cả đâu. Thụy Vũ đã đốt ngọn đèn tâm tưởng để truy nguyên quá khứ, để giành giữ cho mình những khung trời tuy không trong sáng bao nhiêu, nhưng cũng vừa đủ soi tỏ bản thân với tác phẩm *Khung rêu* (1969). Kỹ thuật dựng truyện ở *Khung rêu*, Thụy Vũ quay về phương pháp cổ điển, nghĩa là nội dung được dàn trải quanh một cơ cấu (structure) ở đó, Thụy Vũ chạm trở những gì đã được ấn định trong tâm thức.

Khung rêu, tác phẩm dài, trình bày một nếp sống đã qua rồi, trong bối cảnh ngột ngạt của gia đình ông Phủ, tượng trưng cho giai cấp quan liêu, phong kiến đã một thời oanh liệt, sống nghênh ngang trên xương máu lệ dân. Để minh định vị trí của mình, tác giả trình bày lý do đã thúc đẩy để hoàn thành tác phẩm đó,

Từ hồi còn nhỏ, tôi đã phải chịu đựng một ám ảnh thường xuyên: sự suy sụp bệ rạc của một gia đình thịnh mãn ở miền Nam. Nguyên nhân chính của sự suy sụp bệ rạc này thì ai cũng biết: chiến tranh. Một cuộc chiến tranh dằng dai hai mươi lăm năm, khoảng thời gian gần bằng số tuổi tôi.

... Khi khởi công viết quyển truyện này, tôi đặt trước cho mình một chủ định: ghi lại cái ám ảnh từ thuở nhỏ đại đó của tôi, trong ước vọng, một lần nữa, giải toả nó cho xong.

(Lời nói đầu)

Cái xã hội suy sụp và bệ rạc đó, được Thụy Vũ gói ghém trong hơn bốn trăm trang sách với những xâu xé, giằng co, đam mê và tội lỗi đã diễn ra thật sống động trong một gia đình quyền thế ở miền Nam trước và đầu cách mạng.

Các nhân vật xoay quanh tác phẩm, mỗi người đều được tác giả vẽ bằng những nét riêng thật độc đáo để cuối cùng nhòa nhạt, chìm vào cái bi thảm không thể tránh được do sự chuyển vận của lịch sử. Cuốn truyện được khơi động trong kích thước không mấy rộng lớn, nhưng vừa đủ để nói lên những khía cạnh tâm lý cũng như xã hội vô cùng chao động, vô cùng đau đớn với các khuôn mặt: ông Phủ, bà Phủ, Ngự cháu ruột bà Phủ, Tịnh cháu ruột ông Phủ, Canh, Tường, Thụ các con riêng của ông Phủ và Chiêu, ái nam ái nữ, con chung của ông bà Phủ, lão Tụ – tên gia nô trung thành, Ngà – đứa con gái ở đợ vài năm để trừ nợ thiếu lúa cho bố, con Lài, tên Mọt – tôi tớ và Hoàng, bạn Tường – kẻ ở trọ.

Ông Phủ đã về hưu chỉ trông mong vào số lúa thu mỗi năm do các tá điền đóng góp. Tuy đã có tuổi với hai đời vợ nhưng ông không an phận vẫn còn say mê tình dục, lang chạ với Ngà, con lão Tám tá điền, đến mang thai. Bà Phủ đảm đang nhưng khô khan, nghiệt ngã trong vấn đề giáo dục, lúc biết chồng ngủ với tôi tớ, giận đến lúc chồng chết vẫn chưa tha thứ. Canh, đứa con trai lớn, chơi bời trụy lạc, muốn làm một thứ Bạch Công tử, nhưng đôi khi, trong đầu lại nuôi ảo vọng cải hoá xã hội! Tường, đứa thứ hai, dốt nát bạc nhược, mê gái. Thụ tương đối có ý thức và cũng là nhân vật được tác giả nâng niu nhất trong cuốn truyện. Chiêu, vì trời bắt tội, nên chả ra làm sao. Ngự đứa con gái trác nết, yêu vì quyền lợi. Tịnh con gái đáng thương, đem tình yêu trao tặng cho trai không xong, thất vọng, nổi điên mà chết. Lão Tụ, tượng trưng cho tấm lòng nhân hậu cổ sơ ngày trước, bây giờ không còn tìm thấy. Con Ngà, cam chịu số phận, cũng biết đam mê. Con Lài và thằng Mọt được dùng như cái chốt an toàn của bộ máy. Còn Hoàng, gã thanh niên lạc loài đến khung cảnh này gây rắc rối tình cảm cho Tịnh, cho Lài và cả

Chiêu nữa, tự nhiên bỏ đi!...

Đó, từng ấy nhân vật, từng ấy cá tính, quần riết lấy nhau, hành hạ lẫn nhau, trong một môi trường sắp vỡ nát và mỗi thân phận cuối cùng đều tan rã như bọt bèo trôi nổi trong đại dương cuộc đời hay khuất chìm vĩnh viễn vào lòng đất.

Câu chuyện bắt đầu vào những ngày cuối năm, mọi người đều bận rộn chuẩn bị cho mấy ngày Tết, nhất là ông bà Phủ, tuy đã có một đời chồng, lấy kể ông Phủ, nhưng vốn người đảm đang, nên lúc nào cũng vì gia đình nhà chồng mà cố giữ danh giá qua nếp sống phong lưu, để che giấu thiên hạ sự đang xuống dốc của một gia đình quan lại. Cái gia đình ấy trông bề ngoài có vẻ êm ấm. Nhưng bà Phủ chỉ lo được những vấn đề trước mắt như thóc gạo, mắm muối và dạy bảo hai cô cháu gái vào khuôn phép, thứ khuôn phép được vâng dạ trước mặt. Thụy và Chiêu học trên tỉnh, trở về ăn Tết với gia đình. Sự hiện diện của hai nhân vật này, được nhà văn tạo cho nhiệm vụ để gây nên những sự tình, đóng góp thêm cho tấn thảm kịch gia đình những sự thực không chối cãi. Rồi về sau, vì không chịu đựng nổi hoàn cảnh khắc nghiệt, cả hai theo cách mạng, chưa chắc đã vì lý tưởng.

Bà Phủ, tuyệt đối tin vào danh dự, tin vào uy thế cũng như tư cách của ông Phủ, nên bà đâu có ngờ chính ông đã tự tay phá vỡ gia đình mình vì một hành động dâm dăng. Trong chuyến bà đi thăm người em trai ở miền đất đỏ, ở nhà, ông đã hủ hoá với con Ngà, đưa con gái miệt ruộng, ở đợ trừ nợ lúa cho cha.

Thụy Vũ viết chuyện ông Phủ và con Ngà với đoạn văn vô cùng bỏng cháy, xác thực như chính mình được chứng kiến,

... Từ trước, khoảng cách biệt giữa ông Phủ và ả như được ngăn chặn bởi một bức màn sắt kiên cố. Nét mặt lạnh lùng, lời nói thị oai của ông chủ như đẩy ả vào khuôn khổ, bốn phận phục dịch trong nhà. Vòng tay ông Phủ siết chặt lấy ả, hơi thở dồn dập như muốn làm vỡ toang lồng ngực của ông. ả không thể kêu cứu ai được vì chính ả cũng bị sự kích thích hung dữ, mới mẻ lung lạc. Lời kêu cứu ấy nếu có, cũng chỉ dành cho kẻ đang ghi chặt thân thể mang nhiều lửa cảm xúc của ả.

“Đừng ông!... con sợ lắm. Bà biết được chắc con chết.”

Bóng tối trong dần... ông Phủ đắm đuối nói:

“Coi kia... Để quan... thương Ngà một chút.”

Ông Phủ vừa nói dứt câu, Ngà đã bị quật xuống giường lò xo. Toàn thân tê tã, ả đẩy mặt chủ ra một cách yếu ớt, miễn cưỡng. ả bắt lực trong vùng cảm xúc sôi trào với cái thân thể rực lửa. ả lờ mờ ngấm chủ múa quay cuồng như cái bông vụ...

(Khung rêu, trang 43)

Rồi từ đấy, công việc buông màn, làm giường cho ông Phủ mỗi tối ít nhiều gì cũng có đụng chạm giữa hai thân xác một già, một trẻ. Giữa lúc đó, mối tình của Ngự và Tường cũng đang nhen nhúm trong bóng tối, dưới những gốc cây trái rộng mịt mù hoa trái, với lời yêu nồng ấm đầu môi, với những ước vọng tràn đầy trong trí tưởng tượng của hai kẻ yêu nhau. Cả Tịnh và Hoàng nữa, họ cũng yêu, nhưng là thứ tình yêu câm lặng, hờn hận, vì sự không dám dẫn thân của Hoàng, người trai ở trọ, rồi đến Chiêu, tuy ái nam ái nữ mà cũng say mê Hoàng như say mê một người tình thực sự. Với Chiêu, có lẽ tác giả cố tạo cho vai trò đã bi đát này, càng bi đát hơn, khi Chiêu thích làm gái mà bà Phủ bắt Chiêu ra trò với tác phong con trai, học trường con trai, sinh hoạt như con trai. Nhưng đau đớn thay, các cơ phận của Chiêu lại nảy nở mạnh về nữ giới. Bởi vậy, cảm xúc của Chiêu luôn luôn hướng đến con trai, do đó, cơn thèm muốn tình dục

lẽ dĩ nhiên chỉ nghĩ về giống đực. Thụy Vũ cho Chiêu mê Hoàng một cách tuyệt vọng trong đoạn văn,

... Hơi thở Hoàng toát ra sự đầm ấm. Chiêu chìa bàn tay đặt lên bụng Hoàng và bàn tay chàng mắc cạn luôn ở đó...

... Từng giọt thời gian chậm chạp nhỏ xuống tâm hồn Chiêu như chất cường toàn rỉ rả trên da thịt. Chiêu vụt ứa nước mắt, lẩm bẩm: Nếu mình là con gái?...

(Khung rêu, trang 211)

Cả con Lài nữa, không cam phận tôi đòi cũng say mê chàng trai biết kéo cây đàn cò tây rỉ rả, làm tên Mọt, gã gia nhân lai Miên, ghen tức âm ức trong lòng. Lão Tâm, bố con Ngà đâu có ngờ sự việc lại xảy ra quá quái như vậy? Làm tá điền, đến mùa thiếu lúa góp vì quá nghèo, lão đành đem thế chân bằng đưa con gái duy nhất ở đợ, trừ tiền nợ cho chủ điền. Con Ngà đã được lão hứa gả cho thằng Đực, người chòm xóm, cũng là tá điền của ông Phủ. Đực, gã nông dân quê mùa nhưng cũng biết đả mề sắc đẹp người vợ chưa cưới xin. Trong ngày nộp lúa, Đực chỉ mong nhìn lại mặt người yêu cho đỡ nhớ. Nhưng vụ lúa năm nay Ngà cố tình tránh né không cho Đực gặp. Linh tính đã báo cho Đực biết có gì thay đổi trong lòng người yêu. Đực hỏi ông Tám, ông lặng thinh lơ đãng nhìn ra sông, vì trong lòng cũng cảm thấy con mình đã khác trước, nó không còn cười giỡn hồn nhiên như xưa. Nhưng cũng để an ủi đưa con rề hò, ông vẫn đoan quyết, trừ xong nợ lúa, sẽ gả Ngà cho Đực. Đực, tuy quanh năm cày sâu cuốc bẫm mà cũng tinh tường lắm. Gã đoan chắc có trục trặc cho phận mình, nhất là lão Tư lại nói sẽ làm mai Lài cho gã. Sự thực, gã thèm khát cái thân thể mơn mớn của Ngà. Trước khi về xứ, gã muốn chiếm Ngà, ngày mai ra sao, mặc kệ. Đêm trước ngày về, gã thực thi ý định bằng cách vào buồng Ngà để cưỡng bức ân ái. Gã đã toại nguyện và thân xác Ngà lại bị xâm phạm bằng cường lực, lần này dững mãnh hơn lần với ông Phủ, vì Đực còn trẻ, thật sung sức.

Thụy Vũ viết đoạn này có lẽ hấp tấp chẳng, hoặc chưa *điều nghiên* kỹ? Vì thực tế, không dễ dàng gì nhét được chiếc khăn vào miệng con gái để chặn tiếng kêu, hơn nữa, thời gian bé cô gái từ trên chiếc giường tre xuống đất, có ai cấm cô gái la lên nếu không thuận, khi ngay sát vách, lão Tư vẫn trở mình húng hắng ho. Cưỡng bức ái tình không phải chuyện dễ, nhưng người đọc cũng biết chắc sự việc này được diễn tiến hoàn toàn do có tưởng tượng, vì thế, không thể tránh khỏi sơ hở về nhận xét, dù là nhận xét qua lăng kính suy luận. Bởi vậy, những tiếng kêu: *cứu cháu, ăn trộm...* càng làm cho sự giả tạo thêm rõ ràng.

Cái bối cảnh gia đình ông Phủ cứ từng bước một, tan rã lần lần qua mỗi sự vụ. Chuyện Ngà mang bầu với ông Phủ không còn giấu được ai, trừ bà Phủ vì quá tin tưởng vào danh giá và lòng tự tôn của ông chồng. Những lời của Thụy, đưa con trai thứ ba, nói với ông Phủ như từng gáo nước lạnh dội vào giữa tâm can vị quan già bê bối, trong lúc ông đang mê mải vui ngắm đàn cá lia thia tàu vàng rục bơi lội tung tăng dưới đám rong rêu,

... Ông Phủ nhìn chăm chú vào mặt nước trong veo. Thụy ngó quanh một lúc ngập ngừng:

“Thưa ba, con muốn nói với ba một chuyện khá quan hệ.”

Ông Phủ hơi sững sốt:

“Con cứ nói.”

“Chị Ngà đã có mang.”

Ông Phủ hốt hoảng:

“Sao... sao con... biết?”

Thụ cười buồn:

“Chị ấy thú thật với lão Tụ... Lão Tụ nhờ con nói lại với ba, nhờ ba giải quyết giùm chị.”

Ông Phũ đứng sát gần Thụ hơn và hạ thấp giọng:

“Nó đã có mang với...”

Thụ tiếp lời cha:

“... với ba. Đáng lẽ chị phải tỏ thật với ba, nhưng chị còn ngại.”

“Biểu nó lên gặp ba tối nay.”

(Khung rêu, trang 140-141)

Từ phút ấy, trong lòng ông Phũ như có sợi dây thắt lại. Đã thế, hình ảnh Canh, đứa con trai lớn lại hiện ra như châm chọc vào uy quyền ông. Canh hư hỏng, ăn chơi, nghiện hút, bố chưa chết đã đòi chia gia tài. Mỗi vụ lúa trở về lấy phần bán đi lên tỉnh ăn chơi cho sướng thân. Đã có lần, Canh ăn nói hỗn xược bằng cách dọa ông, hấn sẽ vô đạo Thiên Chúa để khỏi cúng giỗ thờ phượng ai hết. Ông mỉa mai lại bằng lời nói cay đắng,

“Mày lo gì, tao mà chết rồi, mày chịu khó quàn xác tao lại trong nhà này chừng mười ngày, nửa tháng. Chừng đó, thiếu gì người đến đem tiền phúng điếu để mày kiếm chác thêm mớ nhấm nộp cho tiêm hút.”

(Khung rêu, trang 145)

Sự không may cứ tới tấp rơi xuống kích thước này như những tiếng sét. Mọi người đều vui đùa một cách giả tạo vì mỗi thân phận đang bị cấu xé bởi lý do riêng biệt. Ngà nằm bệnh vì bị bào thai hành, nhưng do tập tục ngày Tết, nàng vẫn phải lên nhà chào mừng ông bà Phũ sáng mồng Một, với tư cách tôi tớ,

... Giọng bà Phũ làm ả chột tỉnh:

“Sao? Chúc ông bà năm mới cái gì đây? Nói hết câu cho bà nghe coi.”

Ngà nắm hai bàn tay vào nhau, ngập ngừng:

“Năm mới con chúc ông bà... trường thọ.”

Bà Phũ cười cợt mở:

“Dữ ác hôn?”

Bà dạy lại giọng chồng:

“Thôi lì xì cho nó lấy hên đi ông.”

Ông Phũ ngập ngừng một chập, trao gói tiền mừng tuổi cho Ngà rồi lặng lẽ đi lại chỗ khay trà.

Bà Phũ truyền lệnh bằng một giọng lạnh lạnh:

“Ông cho thi cầm đi để có mà xây xài trong mấy ngày Tết...”

(Khung rêu, trang 154)

Thuy Vũ viết thật chắc và mô tả tâm lý rất sát trong đoạn văn tuy ngắn nhưng tóm gọn được tất cả mọi khía cạnh của vấn đề. Ngà bóp nát số tiền ông Phũ cho trong lòng tay cầm giận, tủi hổ, xong lại chui vào căn buồng nhỏ hẹp, khóc cho thân phận. Nhưng rồi bà Phũ cũng biết Ngà có thai, sau khi mời ông Bàng đến bốc thuốc xem mạch. Bà nghi quanh quẩn cho những ai ai chứ không dám ngờ ông Phũ. Về phía ông Phũ, biết rằng giấu không được nữa đành thú thật với vợ, cái bào thai đang hành hạ con Ngà là của ông.

Bà Phủ cắn chặt hàm răng, không nói điều gì xúc phạm hoặc trách móc chồng nữa lời. Bà muốn thu xếp cho tên Mọt nhận cái thai trong bụng Ngà, ông không chịu. Từ bữa ấy, ông ngồi ăn cơm một mình, còn bà luôn luôn lẩn tránh khỏi giáp mặt chồng. Không muốn nhìn thấy ai nữa, vì chuyện xấu xa kia, bà lấy tiền của riêng, cất một căn nhà sàn ở mé sông, sống một mình. Trong nhà có thờ Phật Quan Âm. Bà Phủ cạo đầu để mong rũ sạch nợ đời, lấy kinh kệ làm vui chuỗi ngày còn lại.

Trong lúc đó, Ngự cũng đã mang bầu với Tường con trai thứ ông Phủ. Sau nhiều suy tính, Tường nghe Ngự ăn cắp đồ vật, vàng bạc của cha rồi cùng người yêu đi xây tổ uyên ương. Buồn thay chỉ mấy tháng sau, cái tổ ấy vỡ vì tình yêu không thể nuôi bằng ảo tưởng. Họ lại quay về dưới mái nhà xưa với cái bụng chình ình và để nghe những lời sỉ nhục của ông Phủ.

Ngà thay bà Phủ mỗi tối lên nằm giường lò xo và hiến dâng xác thịt cho ông Phủ, lúc này vì chán cảnh gia đình nên ông chẳng mấy tha thiết làm Ngà buồn và nhớ Đực. Canh lại lù lù trở về bán lúa và gây sự với cha về cái hành động bỉ ổi, như nhục với Ngà. Rồi lão Tám với đau đớn khi đình ninh lên đón con về gả chồng vì đã mãn hạn nợ. Lão Tám đâu muốn làm tía ông Phủ. Lão chỉ muốn giữ lời hứa với Đực và mong con gái dù có lấy chồng cũng ở gần mình để trông nom lão lúc về già. Lão căm giận và có ý nghĩ phải bắt Ngà về bằng mọi cách dù phải trả bằng máu! Nhưng ý nghĩ chỉ là ý nghĩ, trước mặt ông Phủ, lòng hăm hở của lão Tám chùng xuống. Lão đi những bước nhẹ nhàng, lòng vẫn sợ sệt thứ uy quyền tuy đã thuộc về dĩ vãng,

... Ông Phủ mở đầu câu chuyện:
“Chú tính lên rước con Ngà về dưới phải không?”

Ông Tám đáp nhỏ như không dám xác nhận:
“Dạ!”

Ông Phủ chau mày:
“Theo tôi, con Ngà trong lúc bụng mang dạ chửa, chú nên để nó ở trên này. Tôi sẽ hết lòng lo cho mẹ con nó vuông tròn.”

Ông Phủ ngừng lại, dò xét phản ứng trên mặt mặt người đối diện, rồi tiếp lời:
“Dầu gì đi nữa, nó cũng là vợ tôi. Đưa nhỏ trong bụng nó do khí huyết tôi tạo ra, lẽ nào tôi làm nợ cho đành đoạ. Nếu chú bằng lòng để tôi sai trẻ nó về rước chú lên nở với anh Tụ cho vui. Hai anh em bạn già hủ hỉ với nhau cho có bầu bạn.”

Ông Tám ngồi yên, miệng cơ hồ bị khoá lại. Ông chỉ còn biết gật đầu vâng dạ về mọi lời đề nghị của ông Phủ, vì như từ lâu rồi, ông thấy mình hèn hạ, bạc nhược, nhỏ nhoi trước con người mà ông đã nung nấu thù hận...
(Khung rêu, trang 315)

Lão Tám đâu ngờ con Ngà cũng phụ lão. Nó không muốn quay về nơi chôn rau cắt rốn vì đã ăn phải bã vinh hoa. Lão Tám phóng lệ xuống ghe như để dứt khoát với những tủi nhục nơi đây.

Mối tình của Tịnh lê dần vào tuyệt vọng vì một buổi sớm Hoàng đã già từ không gian địa ngục này đi tìm chân trời khác. Đau khổ đã làm nàng nằm bệnh rồi phát khùng, chết tại nhà thương điên Biên Hoà! Thật đau đớn và tội nghiệp cho một linh hồn trinh nữ! Đứa con gái Ngà sinh ra cũng chẳng sống được mấy tháng. Cái dòng sữa quý báu nàng đem nuôi đứa con của Ngự – người đàn bà đoảng, ích kỷ và trácnett.

Từ khi Tịnh lâm bệnh nặng bà Phủ bớt khe khát với Ngà, bà lại ra mặt cai quản gia đình nhưng vẫn lảng tránh chồng, dù ông Phủ đã nhiều lần muốn nói lại dây thân ái tình ngãi vợ chồng.

Thụ cũng bỏ nhà vào chiến khu để chống lại giai cấp của cha mình, chống bất công, thói nát. Ông Phủ lúc này như quay cuồng giữa cơn ác mộng và ông bắt đầu nhìn rõ những gì Trời đã dành cho mình trong những ngày cuối của kiếp người. Ông chán hết, ngay cả thân xác nồn nà của Ngà tràn đầy sinh lực, hằng đêm vẫn nằm bên ông với rạo rực trong lòng. Còn lão Tụ hằng ngày, hằng đêm vẫn phải chứng kiến sự đổ vỡ không tránh được của một gia đình mà lão đã hết lòng phục vụ, như một nhân chứng bất đắc dĩ. Chiêu cũng ra đi theo Thụ để tránh phải nhìn thấy cảnh tan rã chung và riêng với mặc cảm thân xác bất toàn. Ông Phủ lúc này mất hết, mất vợ con, mất nguồn lợi hằng năm vì các tá điền đã theo cách mạng không chịu nộp lúa nữa. Ông thấy mình gần lão Tụ hơn vì lão cũng chẳng có gì suốt một đời nô bộc. Ông vợ vẫn tự hỏi: *không biết bên kia cái chết, có còn một đời sống nào khác nữa không?* Câu hỏi đó, người sống không thể trả lời được.

Ông chợt nghĩ đến tổ tiên, đến các bậc đã sinh thành ra mình đang có mặt qua tấm ảnh trên bàn thờ, rồi bỗng nhiên, ông quay cuồng, điên đảo, ông buông xuôi hai tay ngã quỵ xuống nền gạch lạnh toát...

Nghe tin chồng chết, vì vẫn nặng lòng oán giận nên bà Phủ chỉ ngó sững thây ma không một tiếng khóc, không một cử chỉ xót thương. Khi cơn uất hận đã lắng xuống, bà muốn nói với ông vài lời vĩnh biệt, đã muộn! Nỗi hờn ghen của bà Phủ ghê gớm thật. Nó là một hình phạt ác độc nhất trong các hình phạt mà con người có thể đối xử với nhau để đoạn tuyệt tình nghĩa phu thê, trăm năm chẵn gối! Thụy Vũ đã viết, viết đúng vì ở cuộc sống này đã có, những người đàn bà ghen như bà Phủ. Lúc thương yêu thì yêu thương da diết, lúc phụ rẫy lại hạ nhục đến chết mới nghe. Chao ôi! Tình nghĩa, chao ôi! Dục vọng, chao ôi! Cuộc đời!...

Tác phẩm *Khung rêu* được kết thúc bằng sự băng hoại thê thảm của một đẳng cấp đã từng thịnh mãn ở miền Nam nước Việt. Hình ảnh Thụ, *con người ý thức* của tác phẩm đã hiện lên như niềm hy vọng, tuy chẳng ám áp gì nhưng có hơn không. Còn Hoàng, sau những ngày tháng chạy theo cách mạng, đã lấy vợ và có một bầy con. Trở về Thành làm chủ tiệm xe đạp, không một lần nhắc đến Tịnh người con gái đã chết vì mình, cho mình.

Một đêm, mười năm sau, Thụ ngồi trước ngọn đèn chong mờ tỏ, giữa một khung cảnh tan hoang, một tương lai lo lắng chẳng biết có thuộc về mình?...

Nguyễn Thị Thụy Vũ, cây viết trẻ, đã thẳng thắn bày tỏ suy nghĩ của riêng mình về cuộc sống tình cảm cũng như xã hội. Nhiều ý tưởng táo bạo, mạnh mẽ như những nhát búa đập thẳng vào trí não người đọc làm choáng váng mặt mày. Nhà văn chẳng cần giữ ý, chẳng cần úp mở với những vấn đề được đề cập tới trong tác phẩm. Ý hướng sáng tạo của Thụy Vũ giống như một thác nước cao đổ ào ạt xuống triền sâu mặc cho sức đập phá và cuốn theo bao nhiêu cỏ cây hoa lá, cũng như rác rưởi trôi xuôi theo dòng đời muôn vạn ngã.

Nhưng đích thực, Thụy Vũ vẫn gìn giữ cho mình một phần trách nhiệm, vì trong mọi trạng huống dù khốn khó đến đâu bao giờ nhà văn cũng mở ra một chiều hướng tốt, một ý nghĩ tốt cho kết quả. Bởi vậy, đừng có ai khát khe cho rằng sự dâm ô trong kích thước văn chương Thụy Vũ là độc tố phá hoại ngấm ngấm ý thức con người, nó chính là liều thuốc an thần cho mỗi con người đã mất thăng bằng tâm não. Ngoài những tác phẩm được nói tới, Thụy Vũ còn hai tác phẩm: *Ngọn pháo bông* và *Thú hoang* cũng không đi ra ngoài ý hướng chuyên biệt đã tạo nên Nguyễn Thị Thụy Vũ hôm nay.

Cánh cửa đã mở, xin mọi người cứ thông dong thường ngoạn.

Trích văn Thuy Vũ

... Bà Phủ uể oải đứng lên. Ông Phủ vẫn ngồi y nguyên chỗ cũ. Tâm trí ông xoay tròn trong câu chuyện mà ông sắp sửa nói với vợ ông. Đột nhiên, hình ảnh người vợ trước hiện lên. Mẹ Cang ngày xưa ngoan hiền trong mọi việc, nhưng đối với những vụ ngoại tình vụn vặt của ông, bà trở nên dừ dãn, không còn giữ lại chút lý trí nào. Những hành động âm thầm, những mưu chước tinh vi của bà chỉ dành cho cuộc lòng bắt, săn đuổi tình địch. Thế rồi những trận đánh ghen sôi nổi diễn ra: sơn tóc tình địch, thuê một lũ đàn bà đến vây khốn, lột truồng tình nhân của ông.

Đàn bà ghen thoát đầu vì tình yêu, dần dà họ ghen vì tự ái bị động chạm và vì quyền lợi mình bị hao hụt. Cái chết thê thảm của người vợ trước trong lúc ở cũ sống lại mãnh liệt trong trí nhớ ông. Qua một thời gian sống cảnh gà trống nuôi con dài đằng đẵng, ông hứa với người quá cố sẽ sửa chữa, tu tỉnh. Nhưng rồi, niềm ân hận cũng phai đi, hình bóng người chết cũng nhạt nhoà theo năm tháng...

Ông Phủ nuốt nước miếng, từng cơn lốc lướt qua đầu. Suối hai mươi năm liền sống với người vợ kể, ông cũng có những mối tình phát phơ không đáng kể. Nhưng bà Phủ đã tự tin cái địa kiên cố trong lòng ông. Bà đã thắng tất cả những người đàn bà vây quanh ông vì bà có chút nhan sắc và có thừa công trạng đối với nhà chồng. Năm nay, bà đã bốn mươi hai tuổi, nhưng mặt mày còn tươi rói, khoé nhìn và nụ cười thật sắc sảo. Bà ăn trầu vén khéo, nên răng trắng trong, và khi bước ra khỏi nhà bà bôi đầu lèo, đeo hột xoàn, tô son dòy phấn rực rỡ. Bà vẫn tin tưởng mình nắm trọn trong tay mọi quyền hành. Bà là loại người chỉ huy chồng bằng sự dịu dàng. Mọi quyết định từ trong ra ngoài phần lớn đều phát xuất từ một tay bà.

Ông Bang cầm chiếc dù cán ngoéo đứng dậy chào bà Phủ. Bà đơn đã đưa ông xuống nhà ngang. Ngà vẫn nằm lim dim bên Lài đang chế nước sôi vào ly đựng gừng, trà và bỏ trần bì. Ông Bang kéo ghế đầu ngồi lại cạnh giường. Ngà thẳng thốt ngồi phất dậy như bị điện giật. Á thiếu não nhìn bà Phủ:

“Thưa bà con chỉ cảm sơ sạ, có gì đâu phải nhọc đến ông Bang?”

Bà nhìn ả, nói như ra lệnh:

“Con này chướng. Thầy thuốc đến tận giường mà không cho chẩn mạch hả? Đói ăn rau, đau uống thuốc chớ.”

Ngà vẫn dụ dục không đưa tay cho ông Bang. ả biết rõ căn bệnh của mình. Đó chẳng qua là do thai hành cộng thêm những đêm mất ngủ liên tục, những nỗi sợ sệt bám lấy ả không rời. Tựu trung đều tại cái thai.

Lài dõ dành:

“Rán uống tí thang thuốc cho mau mạnh đi chị. Đừng có nuôi bệnh như vậy.”

Ngà rướm nước mắt, nhìn lão Tự đứng xó rớ gần đó như cầu cứu. Lão Tự giục:

“Cháu đưa cho ông Bang chẩn mạch. Việc gì mà cháu ngại. Có bác đây chi?”

Lão Tự nhìn Ngà trấn an. Ngà biết đây là dịp bà Phủ khám phá cái tội làm lỡ của ả. Trái tim của ả muốn ngừng đập. ả rụt rè chìa tay về phía người thầy thuốc.

Ông Bang chậm chạp lột cặp kính lão, kéo lấy vạt áo the lên lau, rồi chăm chú chẩn mạch. Bỗng đôi mày ông cau lại, ngạc nhiên. Bà Phủ sốt ruột trước cử chỉ chậm chạp, khệ nệ của ông. Bà ngập ngừng:

“Thưa ông Bang. Con nhỏ này đau làm sao vậy?”

Ông Bang hớp ngụm trà, rồi cười nửa miệng:
“Bẩm bà lớn, cô em đây có gia thất chưa?”

Bà Phủ đáp gọn:
“Nó còn con gái mà.”

Ông Bang ngán ngừ một lúc, rồi lắc nhẹ đầu:
“Cổ chẳng bệnh hoạn gì hết. Cái thai đang hành đó thôi.”

Bà Phủ buột miệng kêu hai tiếng “Hèn chi!” rồi cao giọng:
“Nó có bầu hả? Kỳ quá vậy?”

Bống Tịnh hót hơ hót hải chạy đến vừa lúc bà Phủ cùng ông Bang sửa soạn đi lên nhà trên.
Tịnh nói mau:
“Thưa mẹ, cậu Phủ mời mẹ và ông Bang lên cho cậu hỏi thăm.”

Ông Bang khệ nệ chiếc bụng lùm lùm như cái mả lạn bước lên tam cấp. Chiếc dù cán ngoéo của ông dùng một lúc hai việc: che mưa nắng và còn chiếc gậy nâng đỡ cái thân hình bệ bộn thịt mỡ của ông.

Một đã thay ẩm mới, còn đứng xơ rờ chờ lệnh. Ông Phủ biểu gã rót trà ra chung rồi lui đi. Ông Bang bước vào trung đường rọp hơi mát của mấy cây nhãn trồng ngoài hiên. Trong khi ông Bang còn đang nói chuyện với ông Phủ, bà Phủ toan xuống nhà ngang mở cuộc thăm vấn Ngà, ông Phủ ngăn lại:
“Mình ở lại đây, tôi có chuyện muốn nói.”

Ông Bang sau một lúc nói chuyện vẫn nắng mưa, mùa màng, xuống chiếc ghe bầu về nhà. Bà Phủ có vẻ lảng xãng:
“Để tôi xuống dưới nhà, coi con Ngà lờ đại với thằng trời đánh nào? Mình phải thu xếp tống lôi, tống khứ thứ đồ hư thân mất nét đó cho mau. Thiệt nuôi tứ gái trong nhà như nuôi ăn trộm.”

Ông Phủ nhìn vào mặt vợ, hạ thấp giọng như một lời kinh sám hối:
“Đứa nhỏ trong bụng là con của tôi.”

Bà Phủ ngó ông lom lom rồi không nói thêm được một lời nào nữa. Bà tưởng như tai mình lùng bùng bởi một điều phát giác trắng trợn. Bà đứng dựa lưng vào cây cột, cảm thấy mái nhà xiêu vẹo và mọi vật trước mắt như phủ một làn sương mỏng. Ông Phủ bước tới dìu bà vào ghế phờ toi. Ông Phủ nói:
“Mình thương tôi, hãy cứu mạng giùm nó. Chuyện đã dĩ lỡ rồi!”

Bà Phủ cắn chặt hàm răng để không nói điều xúc phạm, trách móc chồng. Rồi bà bỏ đi nằm. Trong gian phòng vắng ngắt, chỉ có tiếng muỗi vo ve. Bà Phủ nằm bất động, tay vắt trên trán. Ánh nắng buổi trưa trườn qua khung cửa sổ. Trước mặt bà bây giờ là một vùng trắng thình không. Bà biểu Lài bước ra ngoài để bà nằm nghỉ ngơi.
Trong hai mươi năm, bà đã bồi đắp, gói ghém, che giấu những thăng trầm của nhà chồng một cách khéo léo. Bà ngộ Trừ Phật trở trêu đã cho bà một đứa con tật nguyên cũng đủ lắm rồi. Vậy mà giờ đây, bà phải nhận thêm một bất hạnh ô nhục nữa: ông chồng ngoại tình với kẻ tôi tớ trong nhà. Phải dè có sự như vậy, bà đã đi cưới cô Năm Thành, một đào hát bội nổi danh cho ông. Lúc bà chưa sanh Chiêu, bà nghĩ rằng mình là một thứ cây độc không trái. Hồi đó, ông

Phủ mê xem hát của gánh Bầu Đổ. Những ngày gánh này ghé lại đình làng, ông Phủ nhất định giành vai cầm chầu để xem cô Năm Thành đóng vai Đắc Kỷ, Phàn Lê Huê, Hồ Nguyệt Cô. Nhan sắc chim sa cá lặn của cô đào hát bội đó trong lớp phấn son hoá trang và trong y phục Quảng Đông rực rỡ hào quang đã thấm đượm hồn phách của ông. Mỗi khi tan hát, ông về nhà say sưa nhắc nhở tài nghệ của cô với nụ cười và ánh mắt đờ đẫn và mông mị.

Bà Phủ vẫn biết cô Năm thật ra có màu da bánh ịch, một thân hình hơi khô và cô lại còn ưa ăn trầu. Nhưng trước khi sắm tuồng cô Năm đánh răng, súc miệng, uống một chén sâm và bắt đầu xức một loại thuốc gia truyền trên mặt để cho làn da dễ dàng ăn phấn. Hoá trang xong, cô Năm đốt nhang lạy tổ nghiệp và từ trong cánh gà tuôn ra sân khấu, cô đã trở thành một thần nữ mà khoé mắt, nụ cười, giọng hát cao vút như ướp bùa ngãi ma quái, để làm cho ông Phủ, ông Cai tổng, thầy Bang Biện phải mê mẩn rụng rời. Bà Phủ rất bực mình khi giữa đêm khuya, bà vụt chột tỉnh vì tiếng mơ của chồng gọi cô Năm ơi ới. Bà đã lên mượn cậu Trùm Xuyên Bình dò la những nơi mà ông Phủ dắt cô Năm Thành đi ăn chè cháo khuya để kịp thời ngăn chặn sự dan díu của chồng.

Hình như lúc còn tại chức, ông Phủ có lần muốn chuộc cô Năm Thành bằng một phần ba gia sản. Nhưng cái ý định của ông chưa kịp thành hình thì dùng một cái cô Năm Thành mang bầu với tên kép chánh trong gánh. Tên này thường sắm vai tướng quân, nguyên soái oai phong lẫm lẫm. Hắn hát ở quận nào trên một tháng là có được ông Phủ gói ghém trong nét mặt lầm lì, khắc khổ. Thỉnh thoảng, bà Phủ, trong câu chuyện nửa đùa, nửa thật, cũng nói trêu chọc: “Phải chi có Năm Thành chưa lỡ đại, tôi sẽ đem trầu cau lạy lức rước cổ về cho mình rồi.”

Bà Phủ lúc đó như thoát khỏi một cơn ác mộng. Rước cô Năm Thành về cho chồng là một mối hiểm họa cho bà. Bà sẽ là cái bóng mờ nếu cô Năm có con với ông Phủ. Người đàn bà lừng danh đó chắc sẽ nhận chìm bà một cách thâm hại.

Bây giờ, có thể nào tưởng tượng một kẻ tôi đòi què mùa, cục mịch như Ngà lên làm chị làm em với bà được không? Đuổi Ngà ra khỏi nhà hay để ả sanh nở xong rồi bắt đũa nhỏ? Hay là năn nỉ dụ dỗ Một đứng ra “nôm” Ngà để cứu vãn danh giá cho chồng? Đầu bà nhức như bị búa bổ. Bà cảm thấy càng cựa quậy lung tung, bà càng lún sâu vào nỗi khó khăn, thất vọng. Bà nằm không muốn nhúc nhích nữa. Tứ chi bà như rời rã, thần sắc thiếu nảo. Đến mấy ngày liền, thân xác bà sa sút thệt mỡ. Gian nhà vốn đã âm u càng trở nên nặng nề khó thở.

Ông Phủ chúm mũi vào sách báo, nhưng chữ nghĩa trơn trượt trong tâm trí ông. Ông muốn gằn vợ để năn nỉ, ỉ ôi bà vì ông dư biết đàn bà dễ xiêu lòng. Nhưng ông cảm thấy gương ngùng. Hình như giữa ông và vợ, tự dưng đã đào sâu một khoảng cách mệnh mông không sao lấp nổi nữa. Thái độ yên lặng của bà như đe dọa ông. Người đàn bà không ồn ào quát tháo đáng để phòng hơn. Hai mươi năm qua, ông ngờ mình rành rọt tất cả những nẻo đường đổ về tâm hồn bà. Nhưng bây giờ, im lặng của bà có phải là dấu hiệu của sự cố gắng thoả thuận hay là giai đoạn mở đầu của những mưu toan đen tối sắp được thực hiện?

Mỗi lần ông toan đến gần bà để phân trần, để kêu gọi lòng từ bi, đại lượng của bà thì lập tức bà ngồi bật dậy, bước ra khỏi giường, rồi bước vào buồng riêng của Chiêu, khoá kín cửa lại. Thái độ câm nín, lạnh nhạt của vợ trong mấy ngày nối tiếp hành hạ ông ghê gớm.

Nhưng ông đã cố gắng hy vọng chờ đợi sự việc sắp tới sẽ trơn tru, êm đẹp. Biết đâu được, lòng người đàn bà nay vậy mai khác. Ông tự an ủi mình nhưng lại không ngớt lo lắng, bút rút...

(Trích Khung rêu, từ trang 238-246)

